

BỘ ĐỀ ÔN TẬP

CUỐI HỌC KỲ I

MÔN TOÁN 6

NĂM HỌC

2024-2025

ĐỀ ĐỀ XUẤT

A. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Phần 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6 và ghi 1 đáp án đúng vào bài làm.

Câu 1: Khẳng định nào sau đây là đúng:

A/ Tập số nguyên được kí hiệu là $\mathbb{N}$.

B/ Số 0 không là số nguyên dương

C/ 16 không phải là số nguyên

D/ -8 là số nguyên âm

Câu 2: Số đối của số -12 là:

A/ -12

B/ 0

C/ 1

D/ +12

Câu 3: Hình nào sau đây không có tâm đối xứng



A



B



C

A/ Hình A

B/ Hình B

C/ Hình C

D/ Không hình nào có tâm đối xứng

Câu 4: Kết quả phép tính $(-6) + 16$ là:

A/ 22

B/ -22

C/ 10

D/ -10

Câu 5: Số nguyên x thỏa mãn điều kiện $(-2) + x = 14$. Số nguyên x bằng:

A/ 16

B/ -16

C/ 12

D/ -12

Câu 6: Hình nào sau đây có 4 cạnh bằng nhau

A/ Hình bình hành

B/ Hình vuông

C/ Hình chữ nhật

D/ Hình thang cân

Phần 2. Câu hỏi trắc nghiệm đúng sai.

Câu 7. Cho $48 : x$, $36 : x$ và x là số có hai chữ số.

Xét tính đúng/ sai của các khẳng định sau:

A. $x \in B(48)$

B. $x \in \text{ƯC}(48; 36)$

C. $x \in \{1; 2; 3; 4; 6; 12\}$

D. $x = 12$

Phần 3. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn.

Câu 8: Trong tập hợp số nguyên $\mathbb{Z}$. Tập hợp các ước của 7 là:

II. Tự luận (7 điểm)**Câu 1(2 điểm):** Thực hiện phép tính (Tính hợp lý nếu có thể)

a/ $21 \cdot 6 + 7 \cdot 3 \cdot 4$

b/ $151 \cdot 36 - 36 \cdot 51$

c/ $(45 - 25) : (-5) + (-12) \cdot 3$

d/ $[(8 + 7^5 : 7^4) \cdot 4^5] : (-5)$

Câu 2 (1,5 điểm): Tìm x

a) $9x \cdot 15^p \cdot 15 \cdot 2^2$

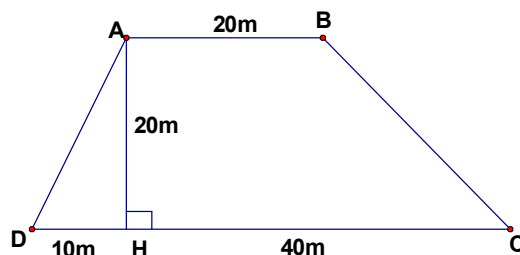
b) $64 - 2^2 \cdot (x - 5) = 60$

c) $2 \cdot 3^x \cdot 54^p \cdot 108$

Câu 3 (1,5 điểm): Một cửa hàng vừa nhập về một số gạo. Khi đóng thành từng túi 10kg, 20kg, 36kg đều vừa đủ. Biết số gạo cửa hàng nhập về khoảng từ 500 đến 550kg. Tính số gạo cửa hàng đó vừa nhập về?**Câu 4 (1,5 điểm):** Một mảnh vườn hình thang có các kích thước như hình vẽ. Người ta trồng rau trên mảnh vườn đó. Biết rằng khi thu hoạch, mỗi mét vuông thu được 6kg rau.

a) Tính diện tích mảnh vườn.

b) Hỏi mảnh vườn cho thu hoạch bao nhiêu kilôgam rau?

**Câu 5 (0,5 điểm):** Tìm số tự nhiên n để $(n + 10)$ chia hết cho $(n + 3)$.

-----Hết-----

TRƯỜNG THCS HỒNG PHONG

ĐỀ ĐỀ XUẤT

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I
Năm học 2024 - 2025
Môn: Toán; lớp 6
(HDC gồm 17 câu , 2. trang)

PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Trắc nghiệm một lựa chọn						Trắc nghiệm đúng sai				Trắc nghiệm trả lời ngắn
1	2	3	4	5	6	A	B	C	D	$\{\pm 1; \pm 7\}$
D	D	B	C	A	A	S	Đ	S	Đ	

Trắc nghiệm một lựa chọn 1,5 điểm – Mỗi câu đúng 0,25 điểm**Trắc nghiệm đúng sai: 1 điểm** Đúng 1 câu – 0,1 điểm

Đúng 2 câu – 0,25 điểm

Đúng 3 câu - 0,5 điểm

Đúng 4 câu – 1 điểm

Trắc nghiệm trả lời ngắn: 0,5 điểm – Trả lời đúng cả 4 ước cho 0,5. Thiếu 1 ước không cho điểm

PHẦN TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu	Kiến thức cần đạt	Điểm
Câu 1: (2đ)	a/ $21 \cdot 6 + 7 \cdot 3 \cdot 4$ $= 21 \cdot 6 + 21 \cdot 4 = 21 \cdot (6 + 4)$	0.25
	$= 21 \cdot 10 = 210$	0.25
	b/ $151 \cdot 36 - 36 \cdot 51$ $= 36 \cdot (151 - 51)$	0.25
	$= 36 \cdot 100 = 3600$	0.25
	c/ $(45 - 25) : (-5) + (-12) \cdot 3$ $= 20 : (-5) - 36$	0.25
	$= -4 - 36 = -40$	0.25
	d/ $[(8 + 7^5 : 7^4) \cdot 4 \cdot 5] : (-5)$ $= [(8 + 7) \cdot 4 \cdot 5] : (-5) = [15 \cdot 4 \cdot 5] : (-5)$	0.25
	$= 55 : (-5) = -11$	0.25
Câu 2 (1.5đ)	Câu 2 (1,5 điểm): Tìm x a) $9 \cdot x \cdot 15^b \cdot 15 \cdot 2^2$ $9 \cdot x \cdot 15^b \cdot 60$	0.25
	$9 \cdot x = 45$ $x = 5$	0.25
	b) $64 - 2^2 \cdot (x - 5) = 60$ $4 \cdot (x - 5) = 64 - 60 = 4$	0.25
	$x - 5 = 1$ $x = 1 + 5 = 6$	0.25
	c) $2 \cdot 3^x \cdot 54^b \cdot 108$ $2 \cdot 3^x \cdot 108 + 54 = 162$ $3^x = 162 : 2 = 81$	0.25
	$3^x = 3^4$	0.25

	$x = 4$	
Câu 3 (1.5đ)	Gọi số gạo của cửa hàng là x (kg) ($x > 0$) Theo đề bài: $x : 10, x : 20, x : 36 \Rightarrow x \in BC(10, 20, 36)$	0.25
	$10 = 2 \cdot 5$ $20 = 2^2 \cdot 5$ $36 = 2^2 \cdot 3^2$	0.25
	$\Rightarrow BCNN(10, 20, 36) = 2^2 \cdot 3^2 \cdot 5 = 180$	0.25
	$\Rightarrow BC(10, 20, 36) = \{0, 180; 360; 540; 720; \dots\}$	0.25
	Mà số gạo từ 500 đến 550kg $\Rightarrow x = 540$ (t/m)	0.25
	Vậy cửa hàng vừa nhập về 540kg gạo	0.25
Câu 4 (1.5đ)	a) Độ dài đáy lớn CD là : $10 + 40 = 50$ (m)	0.5
	Diện tích hình thang là: $(20 + 50) \cdot 20 : 2 = 700$ (m ²)	0.5
	b) Lượng rau thu hoạch được là: $700 \cdot 6 = 4200$ (kg)	0.5
Câu 5 (0.5đ)	Tìm số tự nhiên n để $(n + 10) : (n + 3)$. $\Rightarrow [(n + 3) + 7] : (n + 3)$. Do $(n + 3) : (n + 3) \Rightarrow 7 : (n + 3)$ $\Rightarrow n + 3 \in U(7) = \{1; 7\}$	0.25
	* $n + 3 = 1 \Rightarrow n = -2$ * $n + 3 = 7 \Rightarrow n = 4$ Do n là số tự nhiên $\Rightarrow n = 4$	0.25

Lưu ý : Học sinh làm bằng cách khác đúng vẫn cho điểm tối đa

TRƯỜNG THCS HỒNG PHONG

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I
Năm học 2024 – 2025

ĐỀ DÀNH CHO HS HÒA NHẬP

Hãy chọn câu trả lời đúng nhất cho mỗi câu sau rồi ghi vào giấy thi

Câu 1: Tìm khẳng định đúng trong các khẳng định sau:

A/ Nếu hai số chia hết cho 3 thì tổng của hai số đó chia hết cho 9.

B/ Mọi số chẵn thì luôn chia hết cho 2.

C/ Một số chia hết cho 3 thì luôn có tận cùng là chữ số lẻ.

D/ Số 1230 chia hết cho cả 2, 3, 5, và 9.

Câu 2: Số đối của số -17 là:

A/ 17

B/ 0

C/ 1

D/ -17

Câu 3: Kết quả phép tính $(-8) + 28$ là:

A/ 36

B/ -20

C/ 20

D/ -36

Câu 4: Khẳng định nào sau đây là đúng:

A/ Tập số nguyên được kí hiệu là N.

B/ Số 0 không là số nguyên dương

C/ -8 là số nguyên âm

D/ 16 không phải là số nguyên

Câu 5: Hình nào sau đây có 4 cạnh bằng nhau

A/ Hình bình hành

B/ Hình thang cân

C/ Hình chữ nhật

D/ Hình vuông

Câu 6: Kết quả phép tính $27 - (-3)$ là:

A/ -24

B/ 24

C/ 30

D/

-30

Câu 7: Kết quả phép tính $7 \cdot (-9) + (-27)$ là:

A/ -63

B/ 36

C/ -36

D/

- 90

Câu 8: Hình chữ nhật có chiều dài là 12cm, chiều rộng là 6cm. Diện tích hình chữ nhật bằng:

A/ 72cm^2

B/ 18cm

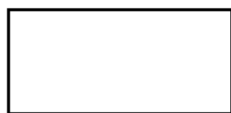
C/ 36cm

D/ 36cm^2

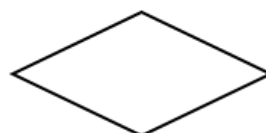
Câu 9: Hình nào là tam giác đều?



A.



B.



C.



D.

A/ Hình A

B/ Hình B

C/ Hình C.

D/ Hình D.

Câu 10: Số nguyên x thỏa mãn điều kiện $(-6) + x = 12$. Số nguyên x bằng:

A/ - 18

B/ 18

C/ 6

D/ -6

TRƯỜNG THCS HỒNG PHONG

ĐỀ DÀNH CHO HS HÒA NHẬP

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I

Năm học 2024 – 2025

Môn: Toán; lớp 6.

(HDC gồm 10 câu, 1 trang)

PHẦN TRẮC NGHIỆM (10,0 điểm)

(Mỗi ý đúng được 1 đ)

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
B	A	C	C	D	C	D	A	D	B

PHÒNG GD&ĐT THÀNH PHỐ HUẾ

TRƯỜNG

ĐỀ ĐỀ XUẤT

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

NĂM HỌC 2024 - 2025

MÔN: TOÁN- LỚP 6

Thời gian: 90 phút

(không kể thời gian giao đề)

Phần I. Trắc nghiệm khách quan. (3,0 điểm)

Hãy khoanh tròn vào phương án đúng trong mỗi câu dưới đây:

Câu 1: Các số nguyên tố nhỏ hơn 10 là:

A. 2; 3; 5; 7; 9

B. 2; 3; 5; 7

C. 1; 3; 5; 7

D. 2; 3; 5

Câu 2: Số nào sau đây là bội của 9?

A. 126

B. 204

C. 119

D. 98

Câu 3: Ba đường chéo chính của lục giác $ABCDEF$ là:A. AB, CD, AC B. AD, FC, EB C. AB, CD, EF D. FE, ED, DC **Câu 4:** Yếu tố nào sau đây không phải của hình bình hành?

A. Hai cạnh đối bằng nhau

B. Hai cạnh đối song song

C. Hai góc đối bằng nhau

D. Hai đường chéo bằng nhau

Câu 5: Kết quả của phép tính $27 + (-17)$ bằng bao nhiêu?

A. 24

B. 10

C. -24

D. -10

Câu 6: Tính: $(-8).(-25)$ kết quả là:

- A. 200. B. -200 C. -33 D. 33.

Câu 7: Trong tập hợp các số nguyên $\mathbb{Z}$ tất cả các ước của 7 là:

- A. 1 và -1 B. 7 và -7. C. 1 và 7. D. 1; -1; 7; -7.

Câu 8: Số đối của - 10 là :

- A.7 B. -10 C. $-(-10)$ D.8

Câu 9. Danh sách dự thi văn nghệ của lớp 6A.

STT	Họ và tên
1	Nguyễn Văn An
2	Bùi Thị Bình
3	Hà Ngọc Hoa
4	0973785335

Bạn ở số thứ tự nào cung cấp thông tin không hợp lí?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4.

Câu 10. Kết quả kiểm tra môn Toán của học sinh lớp 6A được cho trong bảng sau:

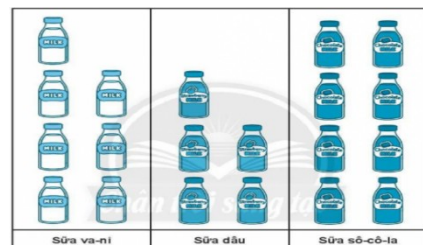
Điểm	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Số HS	0	0	1	1	8	8	9	6	6	3

Số học sinh đạt điểm từ điểm 9 trở lên là:

- A. 15 B.14 C.9 D.7

Câu 11. Dựa vào biểu đồ dưới đây. Trong các khẳng định sau, khẳng định nào **sai**?

- A. Sữa dâu ít nhất, sữa sô-cô-la nhiều nhất
B. Sữa va-ni nhiều hơn sữa sô-cô-la 1 chai
C. Sữa dâu ít hơn sữa va-ni 2 chai
D. Tất cả có 20 chai sữa



Câu 12. Mỗi ngày Mai được mẹ cho 20000 đồng, Mai ăn sáng hết 12000 đồng, mua nước hết 5 000 đồng, phần tiền còn lại Mai bỏ vào heo đất để dành tiết kiệm. Hỏi sau 15 ngày, Mai có bao nhiêu tiền tiết kiệm trong heo đất?

- A. Số tiền tiết kiệm trong heo đất của Mai là: 75000 đồng.
B. Số tiền tiết kiệm trong heo đất của Mai là: 45000 đồng.

C. Số tiền tiết kiệm trong heo đất của Mai là: 300 000 đồng.

D. Số tiền tiết kiệm trong heo đất của Mai là: 240 000 đồng.

Phần II. Tự luận (7,0 điểm)

Câu 13. (2,0 điểm)

- a) Tính: $(-2025) + (-25)$ b) Hãy tìm số đối của số 2005.
c) Tính: $(-20) + (+10)$ d) Tính: $(-4) \cdot (+5)$

Câu 14. (1,0 điểm)

- a) Liệt kê các số nguyên tố nhỏ hơn 13.
b) Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự tăng dần: 0; -3; 2; 5; -4; 4; 6.

Câu 15. (2,0 điểm)

Xếp loại học lực của học sinh tổ 1 lớp 6A được ghi lại trong bảng dữ liệu sau

Khá	Giỏi	TB	Giỏi	Khá
Giỏi	Khá	Khá	TB	Khá
Khá	Khá	Y	Giỏi	TB

- a) Hãy lập bảng thống kê (theo chiều ngang).
b) Em hãy cho biết tổ này có bao nhiêu học sinh?

Câu 16. (1,0 điểm) Chị Hòa có một số cây bút chì. Nếu chị bó thành các bó gồm 3 cây, 5 cây hay 7 cây đều vừa hết. Hỏi chị Hòa có tất cả bao nhiêu cây bút chì. Biết rằng chị Hòa có khoảng từ 200 đến 300 cây bút chì.

Câu 17. (1,0 điểm)

- a) Vẽ hình vuông có cạnh bằng 8 cm
b) Tính chu vi hình bình hành có kích thước hai cạnh là 18m và 12m.

PHÒNG GD&ĐT THÀNH PHỐ HUẾ

TRƯỜNG

HƯỚNG DẪN CHẤM

KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I NĂM HỌC 2024 - 2025

MÔN: TOÁN. - LỚP 6

(Hướng dẫn chấm này có 01 trang)

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng ghi 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ/án	B	A	B	D	B	A	D	C	D	C	B	B

II. TỰ LUẬN: (7,0điểm)

Bài	Lời giải	Điểm										
13a (0,5đ)	$(-2025) + (-25) = - (2025+25) = - 2050$	0,5										
b (0,5đ)	Số đối của số 2005 là - 2005	0,5										
c (0,5đ)	$(-20) + (+10) = -10$	0,5										
d (0,5đ)	$(-4) . (+5) = -20$	0,5										
14a (0,5đ)	Các số nguyên tố nhỏ hơn 13 là: 2; 3; 5; 7; 11.	0,5										
b (0,5đ)	- 4; - 3; 0; 2; 4; 5; 6.	0,5										
15a (1,0đ)	Lập được bảng thống kê <table border="1"><tr><td>Xếp loại học lực</td><td>Giỏi</td><td>Kh</td><td>TB</td><td>Yếu</td></tr><tr><td>Số học sinh</td><td>4</td><td>7</td><td>3</td><td>1</td></tr></table>	Xếp loại học lực	Giỏi	Kh	TB	Yếu	Số học sinh	4	7	3	1	1,0
Xếp loại học lực	Giỏi	Kh	TB	Yếu								
Số học sinh	4	7	3	1								
b (1,0đ)	Số học sinh tổ 1 của lớp 6A là : 15 học sinh	1,0										
16 (1,0đ)	Gọi a là số bút bi của chị Hòa. Ta có: $200 \leq a \leq 300$ và a là bội chung của 3 ;5 ;7. $BCNN(3 ;5 ;7) = 105$ $\{0; 105; 210; 420;\}$ $BC(3,5,7) = 105$ Vì $200 \leq a \leq 300$ và a thuộc $BC(3,5,7)$ nên a = 210 Vậy số bút bi của chị Hòa là 210 cây bút.	0,25 <										

Ghi chú: Nếu học sinh giải theo cách khác mà đúng thì vẫn đạt điểm tối đa.

UBND HUYỆN ĐẠI LỘC

TRƯỜNG THCS TRẦN

PHÚ

ĐỀ CHÍNH THỨC

KIỂM TRA CUỐI KỲ I NĂM HỌC 2024-2025

Môn: TOÁN – Lớp 6

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

(Đề gồm có 02 trang)

A. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm): Chọn phương án trả lời ở mỗi câu rồi ghi vào giấy bài làm. (Ví dụ câu 1 chọn phương án trả lời là B thì ghi 1B)

Câu 1. [M1_TN1] Tập hợp nào dưới đây là tập hợp các số tự nhiên $\mathbb{N}$?

- A. $\{1; 2; 3; 4; \dots\}$; B. $\{0; 1; 2; 3; \dots\}$; C. $\{\dots; -3; -2; -1\}$; D. $\{-2; -1; 0; 1; 2; \dots\}$.

Câu 2. [M1_TN2] Trong các số sau, số nào là số nguyên tố?

- A. 24 B. 25 C. 29 D. 30

Câu 3. [M1_TN3] Tập hợp nào sau đây là tập hợp các số nguyên:

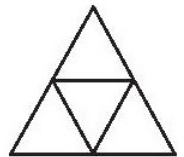
- A. $\mathbb{Z} = \{-3; -2; -1; 0; 1; 2; 3\}$ B. $\mathbb{Z} = \{\dots; -3; -2; -1; 1; 2; 3; \dots\}$
 C. $\mathbb{N} = \{0; 1; 2; 3; \dots\}$ D. $\mathbb{Z} = \{\dots; -3; -2; -1; 0; 1; 2; 3; \dots\}$

Câu 4. [M1_TN4] Trong các số sau, số nào chia hết cho 9 ?

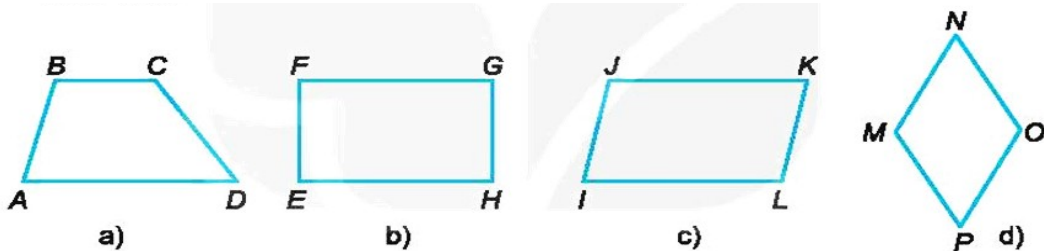
- A. 50 B. - 56 C. - 16 D. - 18.

Câu 5. [M1_TN5] Hãy đếm số hình số hình thang cân trong hình vẽ bên.

- A. 3 B. 4 C. 5 D. 6



Câu 6. [M1_TN6] Hình nào trong các hình sau đây là chữ nhật?



- A. Hình a) B. Hình c) C. Hình b) D. Hình d)

Câu 7. [M1_TN7] Hình nào sau đây có trục đối xứng và tâm đối xứng.



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

- A) Hình 3; B) Hình 1; C) Hình 2; D) Hình 4

Câu 8. [M1_TN8] Chu vi hình vuông có cạnh dài 10cm là:

A. 10cm.

B. 20cm.

C. 40.

D. 100.

Câu 9. [M2_TN9] Phân tích 120 ra thừa số nguyên tố ta được kết quả là:

A) $2^3.3.5$;B) $2^3.15$;C) $2^2.3.5$;D) $2^4.3.5$

Câu 10. [M2_TN10] Khẳng định nào dưới đây là **sai**?

- Số âm biểu thị:

A. Nhiệt độ dưới 0°C ;

C. Số tiền lãi;

B. Số tiền nợ;
nước biển.

D. Độ cao dưới mực

Câu 11. [M2_TN11] Chọn kết quả của biểu thức sau: $T = -9 + (-2) - (-3) + (-8)$.

A. $T = 4$;B. $T = -4$;C. $T = 16$;D. $T = -16$

Câu 12. [M3_TN12] Theo Tổng cục Thống kê, tháng 10 năm 2020 dân số được làm tròn là 98 000 000 người. Em hãy viết dân số của Việt Nam dưới dạng tích của một số với một lũy thừa của 10.

A. 98.10^6 ;B. 98.10^5 ;C. 98.10^4 ;D. 98.10^3 .

B. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Bài 1.

a) [M2_TL3] (0,5 đ) Cho biết số tự nhiên a đọc là *hai nghìn không trăm hai mươi lăm*. Hãy viết số tự nhiên a và tập hợp A các chữ số của a.

b) [M3_TL9] (0,5 đ) Cho $B = 27\,220 + 31\,005 + 510$. Không thực hiện phép tính, hãy xét xem A có chia hết cho 2 không?

Bài 2.

a) [M2_TL4] (0,5 đ) Hãy tìm các tập $U(30)$, $U(45)$ và $U(30, 45)$.

b*) [M4_TL12] (1,0 đ) Cho $K = 9^{23} + 5.3^{43}$. Chứng minh rằng K chia hết cho 32.

Bài 3:

a) [M1_TL1] (0,5 đ) Viết tập hợp các số nguyên $P = \{x \in \mathbb{Z} / -3 < x \leq 5\}$ bằng cách liệt kê các phần tử.

b) [M3_TL10] (1,0 đ) Số học sinh khối lớp 6 của một trường THCS trong khoảng từ 200 đến 300 học sinh, khi xếp thành các hàng 10; 12 và 15 người đều thừa 5 em. Tính số học sinh khối lớp 6.

Bài 4 : [M2_TL5,6] Tính giá trị các biểu thức sau hợp lí (nếu có thể)

a) (0,75 đ) $M = 12^2 : 6 + 2.7$;

b) (0,5 đ) $N = 21.23 - 3.7.(-$

17);

Bài 5:

a) [M2_TL7] (0,5 đ) Một miếng gỗ hình chữ nhật có kích thước một chiều là 7cm, diện tích là 63 cm^2 . Tìm kích thước còn lại của miếng gỗ.

b) [M3_TL11] (0,25 đ) Có một gian phòng nền hình chữ nhật. Biết chiều rộng gian phòng là 4m và chiều dài gian phòng gấp 2 lần chiều rộng. Tính chu vi của

gian phòng.

Bài 6: Một khu vườn hình chữ nhật có diện tích $3\,600\text{ m}^2$, chiều dài 90m , cửa vào khu vườn rộng 5m .

a) [M1_TL2] (0,5đ) Tính chiều rộng khu vườn.

b) [M2_TL8] (0,5đ) Người ta muốn làm hàng rào xung quanh vườn bằng bốn tầng dây thép gai. Hỏi cần phải dùng bao nhiêu mét dây thép gai để làm hàng rào?



(Ảnh minh họa: Hàng rào được làm bằng dây thép gai)

=====Hết=====

Học sinh không được sử dụng tài liệu. Giám thị không giải thích gì thêm.

Họ và tên học sinh SBD:

UBND HUYỆN ĐẠI LỘC

KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024 - 2025

ĐÁP ÁN & HƯỚNG DẪN CHẤM

TRƯỜNG THCS TRẦN PHÚ

Môn : Toán – Lớp : 6

MÃ ĐỀ A

A. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng ghi 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ/án	B	C	D	D	A	C	B	C	A	B	D	A

B. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu	Lời giải	Điểm
Câu 1: a (0,5đ)	a) $a = 2\,025$; $A = \{0; 2; 5\}$	0,
b (0,5đ)	b) Vì $27\,220 \div 2$; $510 \div 2$; $31\,005 \div 2$ Nên $(27\,220 + 31\,005 + 510) \div 2$ (áp dụng tính chất chia hết của một tổng) hay $B \div 2$. Vậy B không chia hết cho 2.	0, 0, 0,
Câu 2a (0,5đ)	Ta có $U(30) = \{1; 2; 3; 5; 6; 10; 15; 30\}$, $U(45) = \{1; 3; 5; 9; 15; 45\}$.	0,

	Do đó, ƯC (30; 45) = {1; 3; 5; 15}															
b (1,0đ)	Ta có: $K = 9^{23} + 5.3^{43} = (3^2)^{23} + 5.3^{43}$ $= 3^{46} + 5.3^{43} = 3^{43}.(3^3 + 5)$ $= 3^{43}.32 \div 32.$ Vậy K chia hết cho 32.	0,2 0,2 0,2 0,2														
Câu 3: a (0,5đ)	$P = \{-2; -1; 0; 1; 2; 3; 4; 5\}$	0,5														
b (1,0 đ)	+Gọi x là số học sinh khối lớp 6 của trường ($x \in \mathbb{N}, 200 \leq x \leq 300$) +Khi xếp thành hàng 10 thừa 5 em thì x chia 10; 12; 15 dư 5 $\text{hay } (x - 5) \div 10; 12; 15.$ +Do đó (x – 5) là bội chung của 10; 12 và 15 $\text{Ta có: } 10 = 2.5; \quad 12 = 2^2.3; \quad 15 = 3.5$ $\text{BCNN}(10; 12; 15) = 2^2.3.5 = 60$ +Khi đó $(x - 5) \in B(60) = \{0; 60; 120; 180; 240; 300; 360; \dots\}$ Ta có bảng sau: <table><tr><td>x – 5</td><td>0</td><td>60</td><td>120</td><td>240</td><td>300</td><td>360</td></tr><tr><td>x</td><td>5</td><td>65</td><td>25</td><td>245</td><td>305</td><td>365</td></tr></table> +Vì số học sinh trong trường khoảng từ 200 đến 300 học sinh. Nên $200 \leq x \leq 300$. Do đó x = 245. +Vậy số học sinh trong trường là 245 em.	x – 5	0	60	120	240	300	360	x	5	65	25	245	305	365	0,2 <
x – 5	0	60	120	240	300	360										
x	5	65	25	245	305	365										

(0,75đ)	Vậy độ dài cạnh còn lại của miếng gỗ hình chữ nhật là 9cm.	0,2
	b) Chu vi của gian phòng. $(4.2 + 4).2 = (8+4).2 = 24$ (m)	0,2
Câu 6 a (0,5đ)	a) Chiều rộng của khu vườn là: $3\ 600: 90 = 40$ (m)	0,5
b (0,5đ)	b) Chu vi của khu vườn là: $2. (40 + 90) = 260$ (m) Số mét dây thép gai dùng để làm hàng rào là $(260 - 5).4 = 1\ 020$ (m) {Hoặc lập luận: + Trừ cửa vào khu vườn nên độ dài cần phải làm hàng rào là: $260 - 5 = 255$ (m). Người ta muốn làm hàng rào xung quanh vườn bằng bốn tầng dây thép gai nên số mét dây thép gai dùng để làm hàng rào là: $255. 4 = 1\ 020$ (m).} Vậy cần dùng 1 020 m dây thép gai dùng để làm hàng rào.	0,25 0,25

---Hết---

UBND HUYỆN ĐẠI LỘC
TRƯỜNG THCS TRẦN

PHỤ
ĐỀ CHÍNH THỨC

KIỂM TRA CUỐI KỲ I NĂM HỌC 2024-2025

Môn: TOÁN – Lớp 6

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

MÃ ĐỀ B

(Đề gồm có 02 trang)

A. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm): Chọn phương án trả lời ở mỗi câu rồi ghi vào giấy bài làm. (Ví dụ câu 1 chọn phương án trả lời là B thì ghi 1B)

Câu 1. [M1_TN1] Tập hợp nào dưới đây là tập hợp các số tự nhiên N khác 0 ?

- A. $\{1; 2; 3; 4; \dots\}$; B. $\{0; 1; 2; 3; \dots\}$; C. $\{\dots; -3; -2; -1\}$; D. $\{-2; -1; 0; 1; 2; \dots\}$.

Câu 2. [M1_TN2] Trong các số sau, số nào **không** là số nguyên tố?

- A. 2 B. 5 C. 29 D. 30

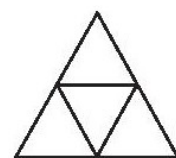
Câu 3. [M1_TN3] Tập hợp nào sau đây là tập hợp các số nguyên:

- A. $Z = \{-3; -2; -1; 0; 1; 2; 3\}$ B. $Z = \{\dots; -3; -2; -1; 0; 1; 2; 3; \dots\}$
C. $N = \{0; 1; 2; 3; \dots\}$ D. $Z = \{\dots; -3; -2; -1; 1; 2; 3; \dots\}$

Câu 4. [M1_TN4] Trong các số sau, số nào chia hết cho 9 ?

- A. 50 B. - 56 C. - 54 D. - 28.

Câu 5. [M1_TN5] Hãy đếm số hình tam giác đều trong hình vẽ bên.



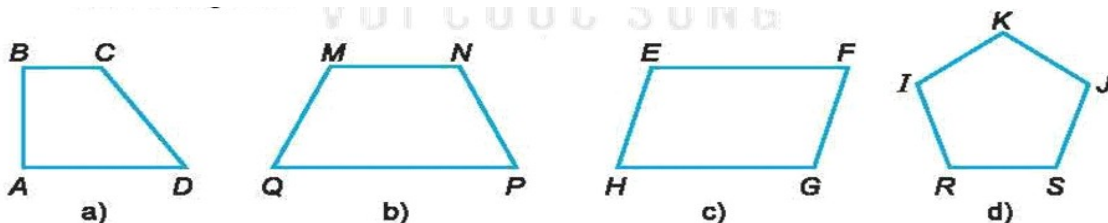
A. 6

B. 3

C. 4

D. 5

Câu 6. [M1_TN6] Hình nào trong các hình sau đây là hình thang cân?



A. Hình a)

B. Hình c)

C. Hình b)

D. Hình d)

Câu 7. [M1_TN7] Hình nào sau đây có trục đối xứng và tâm đối xứng.



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

A. Hình 1;

B. Hình 2;

C. Hình 3;

D. Hình 4

Câu 8. [M1_TN8] Chu vi hình vuông có cạnh dài 20cm là:

A. 400cm.

B. 300cm.

C. 200.

D. 100.

Câu 9. [M2_TN9] Phân tích 120 ra thừa số nguyên tố ta được kết quả là:

A. $2^2 \cdot 3 \cdot 5$;B. $2^4 \cdot 3 \cdot 5$;C. $2^3 \cdot 3 \cdot 5$;D. $2^3 \cdot 15$.

Câu 10. [M2_TN10] Khẳng định nào dưới đây là **sai**?

- Số dương biểu thị:

A. Nhiệt độ dưới 0°C ;

C. Số tiền lãi;

B. Số tiền có;

D. Độ cao trên mực

nước biển.

Câu 11. [M2_TN11] Chọn kết quả của biểu thức sau: $Q = -9 - (-2) + (-3) + (-8)$.

A. $T = 6$;B. $T = -18$;C. $T = 18$;D. $T = -6$

Câu 12. [M3_TN12] Theo Tổng cục Thống kê, tháng 10 năm 2020 dân số được làm tròn là 98 000 000 người. Em hãy viết dân số của Việt Nam dưới dạng tích của một số với một lũy thừa của 10.

A. $98 \cdot 10^3$;B. $98 \cdot 10^5$;C. $98 \cdot 10^4$;D. $98 \cdot 10^6$.

B. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Bài 1.

a) [M2_TL3] (0,5 đ) Cho biết số tự nhiên b đọc là *hai nghìn không trăm hai mươi tư*. Hãy viết số tự nhiên b và tập hợp C các chữ số của b.

b) [M3_TL9] (0,5 đ) Cho $D = 27\,220 + 31\,005 + 510$. Không thực hiện phép tính, hãy xét xem D có chia hết cho 5 không?

Bài 2. a) [M2_TL4] (0,5 đ) Hãy tìm các tập $B(8)$, $B(12)$ và $BC(8, 12)$.

b) [M4_TL12] (1,0 đ) Cho $L = 9^{24} + 7 \cdot 3^{45}$. Chứng minh rằng L chia hết cho 34.

Bài 3:

a) [M1_TL1] (0,5 đ) Viết tập hợp các số nguyên $P = \{x \in \mathbb{Z} / -3 < x \leq 5\}$ bằng cách liệt kê các phần tử.

b) [M3_TL10] (1,0 đ) Số học sinh khối lớp 6 của một trường THCS trong khoảng từ 200 đến 300 học sinh, khi xếp thành các hàng 10; 12 và 15 người đều thừa 3 em. Tính số học sinh khối lớp 6.

Bài 4 : [M2_TL5,6] Tính giá trị các biểu thức sau hợp lí (nếu có thể)

a) (0,75 đ) $P = 5 \cdot 4^2 - 36 : 3^2$;

b) (0,5 đ) $Q = 42 \cdot 3 - 7 \cdot [(-34) + 18]$.

Bài 5:

a) [M2_TL7] (0,5 đ) Một miếng gỗ hình chữ nhật có kích thước một chiều là 9cm, diện tích là 72 cm^2 . Tìm kích thước còn lại của miếng gỗ.

b) [M3_TL11] (0,25 đ) Có một gian phòng nền hình chữ nhật. Biết chiều rộng gian phòng là 5m và chiều dài gian phòng gấp 2 lần chiều rộng. Tính chu vi của gian phòng.

Bài 6: Một khu vườn hình chữ nhật có diện tích $3\,600 \text{ m}^2$, chiều rộng 40m, cửa vào khu vườn rộng 3m.

a) [M1_TL2] (0,5 đ) Tính chiều dài khu vườn.

b) [M2_TL8] (0,5 đ) Người ta muốn làm hàng rào xung quanh vườn bằng ba tầng dây thép gai. Hỏi cần phải dùng bao nhiêu mét dây thép gai để làm hàng rào?



(Ảnh minh họa: Hàng rào được làm bằng dây thép gai)

=====Hết=====

Học sinh không được sử dụng tài liệu. Giám thị không giải thích gì thêm.

Họ và tên học sinh SBD:

A. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng ghi 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ/án	A	D	B	C	D	C	B	A	C	A	B	D

B. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu	Lời giải	Điểm
Câu 1: a (0,5đ)	$b = 2\ 024;$ $C = \{0; 2; 4\}$	0,5
b (0,5đ)	+ Vì $27\ 220 : 5; 31\ 005 : 5; 510 : 5$ + Nên $(27\ 220 + 31\ 005 + 510) : 5$ (áp dụng tính chất chia hết của một tổng) + Vậy $D : 5$	0,5 0,5
Câu 2a (0,5đ)	Ta có: $B(8) = \{0; 8; 16; 24; 32; 40; 48; 56; 64; 72; \dots\}$ Và: $B(12) = \{0; 12; 24; 36; 48; 60; 72; \dots\}$ Nên: $BC(8, 12) = \{0; 24; 48; 72; \dots\}$	0,5
b (1,0đ)	Ta có: $L = 9^{24} + 7 \cdot 3^{45} = (3^2)^{24} + 7 \cdot 3^{45}$ $= 3^{48} + 7 \cdot 3^{45} = 3^{45} \cdot (3^3 + 7)$ $= 3^{45} \cdot 34 : 34.$ Vậy L chia hết cho 34.	0,2 0,2 0,2 0,2
Câu 3: a (0,5đ)	$P = \{-2; -1; 0; 1; 2; 3; 4; 5\}$	0,5
b (1,0 đ)	+Gọi x là số học sinh khối lớp 6 của trường ($x \in \mathbb{N}, 200 \leq x \leq 300$) +Khi xếp thành hàng 10 thừa 3 em thì x chia 10; 12; 15 dư 5 hay $(x - 3) : 10; 12; 15.$ +Do đó $(x - 3)$ là bội chung của 10; 12 và 15 Ta có: $10 = 2 \cdot 5; 12 = 2^2 \cdot 3; 15 = 3 \cdot 5$	0,2 0,2 0,2

	<p>$BCNN(10; 12; 15) = 2^2.3.5 = 60$</p> <p>+Khi đó $(x - 3) \in B(60) = \{0; 60; 120; 180; 240; 300; 360; \dots\}$</p> <p>Ta có bảng sau:</p> <table><tr><td>$x - 3$</td><td>0</td><td>60</td><td>120</td><td>240</td><td>300</td><td>360</td></tr><tr><td>x</td><td>3</td><td>63</td><td>123</td><td>243</td><td>303</td><td>363</td></tr></table> <p>+Vì số học sinh trong trường khoảng từ 200 đến 300 học sinh.</p> <p>Nên $200 \leq x \leq 300$. Do đó $x = 243$.</p> <p>+Vậy số học sinh trong trường là 243 em.</p>	$x - 3$	0	60	120	240	300	360	x	3	63	123	243	303	363	0,2
$x - 3$	0	60	120	240	300	360										
x	3	63	123	243	303	363										
<p>Câu 4 a (0,75đ)</p>	<p>$P = 5.4^2 - 36 : 3^2 = 5. 16 - 36: 9$</p> <p>$= 80 - 4 = 76$</p> <p>Vậy $76 = 2^2.19$</p>	0,2														
<p>b (0,5đ)</p>	<p>$Q = 42. 3 - 7. [(-34) + 18] = 7. 6. 3 - 7. [(-34) + 18]$</p> <p>$= 7. 18 - 7. [(-34) + 18] = 7. [18 - (- 34) - 18]$</p> <p>$= 7. [(18 - 18) + 34] = 7. (0 + 34) = 7. 34 = 238$.</p>	0,2														
<p>Câu 5 (0,75đ)</p>	<p>a) Độ dài cạnh còn lại của miếng gỗ hình chữ nhật là: $72: 9 = 8$ (cm).</p> <p>Vậy độ dài cạnh còn lại của miếng gỗ hình chữ nhật là 8cm.</p>	0,5														
	<p>b) Chu vi của gian phòng. $(5.2 + 5).2 = (10+5).2 = 30$ (m)</p>	0,2														
<p>Câu 6 a (0,5đ)</p>	<p>a) Chiều dài của khu vườn là: $3\ 600: 40 = 90$ (m)</p>	0,5														
<p>b (0,5đ)</p>	<p>b) Chu vi của khu vườn là: $2. (40 + 90) = 260$(m)</p> <p>Số mét dây thép gai dùng để làm hàng rào là $(260 - 3).5 = 1\ 285$ (m)</p>	0,25														

---Hết---

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022-2023

MÔN: TOÁN 6

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (3,0 điểm)

Câu 1: TH. Số tự nhiên x để $32 - x$ là số nguyên liền trước của số 21 bằng

A. 12. B. 20. C. 22. D. 52.

Câu 2: NB. Tập hợp A các số tự nhiên x thỏa mãn $4 < x \leq 9$. Khẳng định nào sau đây đúng?

- A. $A = \{x \in \mathbb{N} \mid 4 < x \leq 9\}$. B. $A = \{4; 5; 6; 7; 8; 9\}$.
- C. $A = \{5; 6; 7; 8\}$. D. $A = \{x \in \mathbb{N} \mid 4 \leq x \leq 9\}$.

Câu 3: NB. Có bao nhiêu số nguyên tố nhỏ hơn 20?

- A. 5 số. B. 6 số. C. 7 số. D. 8 số.

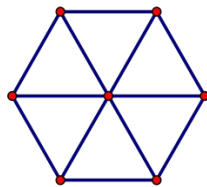
Câu 4: NB. Hình chữ nhật có mấy trục đối xứng?

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 5: TH. Bác Hòa uốn một sợi dây thép thành móc treo đồ có dạng hình thoi với độ dài cạnh bằng 25cm. Hỏi bác Hòa cần bao nhiêu mét dây thép?

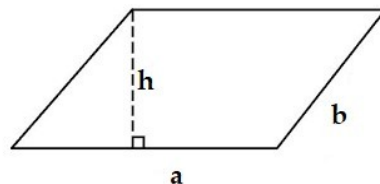
- A. 10 m B. 100cm C. 100m D. 1m

Câu 6: NB. Hình lục giác đều có mấy tâm đối xứng?



- A. 3 B. 2 C. 1 D. 0

Câu 7: NB. Công thức tính diện tích hình bình hành là



- A. $S = a.b$ B. $S = a.h$ C. $S = b.h$ D. $S = a.b.h$

Câu 8: NB. Tập hợp các ước nguyên của 6 là:

A. $\{1; 2; 3; 6\}$.

B. $\{\pm 1; \pm 2; \pm 3; \pm 6\}$.

C. $\{0; 1; 2; 3; 6\}$.

D. $\{1; 2; 3; 4; 5; 6\}$.

Câu 9: NB. Cho a là số nguyên âm, khẳng định nào sau đây là **sai**?

A. $-a < 0$

B. $-a \geq 0$.

C. $a > 0$

D. $a < 0$.

Câu 10: NB. Chọn đáp án đúng:

A. $-1 > 0$.

B. $-2 > -1$.

C. $-2 < -1$.

D. $2 < -1$.

Câu 11: VD. Hình thang có diện tích là 50 cm^2 và độ dài đường cao là 5 cm thì tổng độ dài hai cạnh đáy là

A. 5 cm

B. 20 cm

C. 25 cm

D. 50 cm

Câu 12: NB. Biết $25 - x = 15$ thì x bằng?

A. 10.

B. 40.

C. -10.

D. -40.

II. PHẦN TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Bài 1(1,5 điểm). Thực hiện các phép tính sau:

a) $12.64 + 12.36 - 100$

b) $25.8 - 15.5 + 160 : 16 - 10$

c) $\{215 - [5.(5.16 - 25.2) - 60]\} : 5^3$

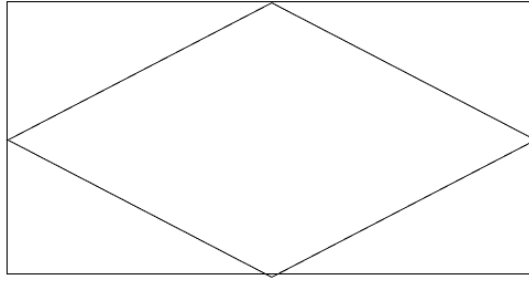
Bài 2(1,5 điểm). Tìm x , biết:

a) $132 + 2(x - 4) = 46$

b) $9x - 6^{17} : 6^{15} = 4x + 48 : 12$

Bài 3(1,5 điểm). Số học sinh của một trường THCS trong khoảng từ 850 đến 950 học sinh và khi tập trung chào cờ nếu xếp hàng 20, hàng 30 hoặc hàng 36 thì vừa đủ. Tính số học sinh của trường đó.

Bài 4(2,0 điểm). Một mảnh đất trong công viên hình chữ nhật có chiều dài 16m và chiều rộng bằng nửa chiều dài. Người ta dự định làm một giàn hoa bên trong mảnh đất đó có hình thoi như hình dưới đây, còn lại sẽ trồng hoa hồng. Nếu mỗi mét vuông trồng được 4 cây hoa hồng, hỏi cần bao nhiêu cây hoa hồng để trồng hết phần đất còn lại đó?



- Tính chiều rộng của mảnh đất?
- Tính diện tích mảnh vườn?
- Tính số cây hoa phải trồng?

Bài 5(0,5 điểm). Cho $A = 2021^3$ và $B = 2020.2021.2022$. Không tính giá trị cụ thể của A và B , hãy so sánh A và B ?

-----HẾT-----

HƯỚNG DẪN CHẤM

MÔN: TOÁN 6 – Năm học: 2022-2023

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

CÂU	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
ĐÁP ÁN	A	A	D	B	B	C	B	B	C	C	B	A

II. TỰ LUẬN

BÀI	NỘI DUNG	ĐIỂM
1	$a) 12.64 + 12.36 - 100$ $= 12.(64 + 36) - 100$ $= 12.100 - 100$ $= 1100$	0,25 0,25
	$b) 25.8 - 15.5 + 160 : 16 - 10$ $= 200 - 75 + 10 - 10$ $= 125 + 10 - 10 = 125$	0,25 0,25
	$c) \{215 - [5.(5.16 - 25.2) - 60]\} : 5^3$	

	$= \{215 - [5(90 - 50) - 60]\} : 75$ $= [215 - (5.40 - 60)] : 75$ $= (215 - 140) : 75$ $= 75 : 75 = 1$	0,25 0,25
2	a) $132 + 2(x - 4) = 46$ $2(x - 4) = 46 - 132 = -86$ $x - 4 = -86 : 2 = -43$ $x = -43 + 4 = -39$	0,5 0,5
	$9x - 6^{17} : 6^{15} = 4x + 48 : 12$ $9x - 4x = 4 + 36$ $5x = 40$ b) $x = 8$	0,25 0,25
3	Gọi số hs cần tìm là x, $850 < x < 950$, $x \in \square$	0,25
	Vì số hs xếp hàng 20, 30, 36 thì vừa đủ nên $\begin{cases} x : 20 \\ x : 30 \\ x : 36 \end{cases} \Rightarrow x \in BC(20, 30, 36)$	0,25
	Ta có: $20 = 2^2.5$; $30 = 2.3.5$; $36 = 2^2.3^2$ Suy ra $2^2.3^2.5 = 180$ $BCNN(20, 30, 36) = 180$	0,5
	$BC(20, 30, 36) = \{0; \dots; 720; 900; 1080; \dots\}$ $\Rightarrow x = 900$	0,25
	Vậy số học sinh trường đó là 900 học sinh.	0,25
4	a) Chiều rộng hcn là: $16 : 2 = 8$ (m)	0,5
	b) Diện tích hcn là: $8 \times 16 = 128$ (m ²)	0,5

	c) Diện tích hình thoi là: $\frac{1}{2} \cdot 8 \cdot 16 = 64 (m^2)$	0,25
	Diện tích còn lại là: $128 - 64 = 64 m^2$	0,25
	Số cây hoa cần trồng là: $64 \times 4 = 256$ (cây)	0,25
	Vậy, số cây hoa để trồng là 256 cây	0,25
5	<p>Ta có:</p> $A = 2021 \cdot 2021 \cdot 2021$ $= 2021 \cdot [2021 \cdot (2020 + 1)]$ $= 2021 \cdot (2021 \cdot 2020 + 2021)$ $B = 2020 \cdot 2021 \cdot 2022 = 2021 \cdot (2020 \cdot 2022)$ $= 2021 \cdot [2020 \cdot (2021 + 1)] = 2021 \cdot (2020 \cdot 2021 + 2020)$	0,25
	<p>Vì $2021 \cdot 2020 + 2021 > 2021 \cdot 2020 + 2020$</p> <p>$2021 \cdot (2021 \cdot 2020 + 2021) > 2021 \cdot (2021 \cdot 2020 + 2020)$ hay $A > B$.</p> <p>nên</p>	0,25

PHÒNG GD&ĐT QUY NHƠN

BÀI KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

TRƯỜNG THCS TRẦN QUANG DIỆU

NĂM HỌC 2022–2023

MÔN KIỂM TRA: TOÁN 6

Thời gian làm bài: 90 phút (Không kể thời gian giao đề)

Họ và tên:

SBD: Phòng:

Lớp: Ngày kiểm tra: .../.../2023

Chữ ký GT 1Mã PháchChữ ký GT 2

✕

Điểm (bằng số)	Điểm (bằng chữ)	Giám khảo 1	Giám khảo 2	Mã phách

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm) Khoanh tròn vào chữ cái A, B, C hoặc D trước câu trả lời đúng nhất trong các câu sau:

Câu 1. Cho tập hợp A gồm các số tự nhiên khác 0 và nhỏ hơn 8. Tập hợp A viết theo cách liệt kê các phần tử là:

A. $A = \{1; 2; 3; 4; 5; 6; 7\}$

B. $A = \{0; 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7\}$

C. $A = \{0; 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8\}$

D. $A = \{1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8\}$

Câu 2. Thứ tự thực hiện các phép tính đối với biểu thức không chứa dấu ngoặc là:

A. Lũy thừa $\rightarrow$ Cộng, trừ $\rightarrow$ Nhân, chia

B. Lũy thừa $\rightarrow$ Nhân, chia $\rightarrow$ Cộng, trừ

C. Nhân, chia $\rightarrow$ Lũy thừa $\rightarrow$ Cộng, trừ

D. Cộng, trừ $\rightarrow$ Lũy thừa $\rightarrow$ Nhân, chia

Câu 3. Kết quả của phép tính $(-300) : (-75)$ bằng:

A. -375

B. 4

C. -4

D. 375

Câu 4. Trong các số sau, số nào chia hết cho -3 ?

A. 20

B. -25

C. -1

D. 9

Câu 5. Tìm tất cả các số nguyên x biết $5 \vdots (x - 2)$

A. $x = 1; 3$
 $= 1; -3; 3; 7$

B. $x = 0; -3; 3; 7$

C. $x = -3; 3$

D. x

Câu 6. Tìm số nguyên x biết $8 \cdot x = -24$

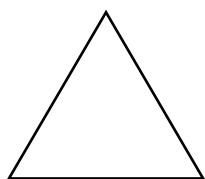
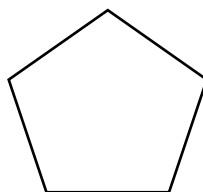
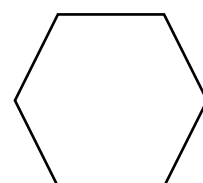
A. 3
12

B. -32

C. -3

D.

Câu 7. Trong các hình sau, hình nào là lục giác đều? Biết rằng các cạnh trong mỗi hình bằng nhau.



A. Hình 1

B. Hình 2

C. Hình 3

D. Hình 4

Câu 8. Trong hình chữ nhật

A. hai đường chéo bằng nhau.

B. hai đường chéo bằng nhau và cắt nhau tại trung điểm mỗi đường.

C. hai đường chéo song song.

D. hai đường chéo song song và cắt nhau tại trung điểm mỗi đường.

Câu 9. Cho bảng thu thập nhiệt độ của các học sinh lớp 6A như sau:

Tên HS	My	Nhân	Lam	Huy	Nguyên	Phương	Như	Thảo	Tâm
Nhiệt độ(°C)	37	36	36,7	37,5	-37	37,1	36,5	36,7	37,3

Học sinh nào có nhiệt độ cơ thể không hợp lý trong bảng trên?

- A. Nhân B. Lam C. Nguyên D. Tâm

Câu 10. Danh sách học sinh nhóm 1 của lớp 6A như sau:

STT	Họ và tên
1	Đoàn Minh Nhật
2	Nguyễn Văn Tài
3	Trần Như Ngọc
4	123 Bình Lợi

Bạn số mấy cung cấp thông tin không hợp lý:

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 11. Kết quả kiểm tra môn Toán của học sinh lớp 6A được cho trong bảng sau:

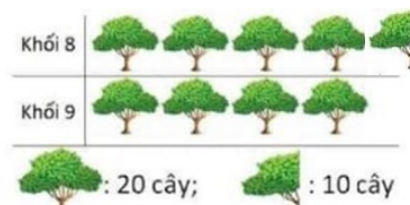
Điểm	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Số HS	0	0	4	1	10	8	7	9	5	1

Số học sinh đạt điểm giỏi (từ 8 điểm trở lên) là:

- A. 15 B. 9 C. 1 D. 5

Câu 12. Biểu đồ sau cho biết số cây xanh được trồng chăm sóc của hai khối 8 và 9 của Trường THCS Trần Quang Diệu. Em hãy cho biết khối 8 trồng chăm sóc nhiều hơn khối 9 bao nhiêu cây?

- A. 10 B. 5
C. 15 D. 20



II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu 1: (2,0 điểm)

a) Thực hiện phép tính: $3^2 \cdot 121 - 3^2 \cdot 21$

b) Vẽ một đoạn của trục số từ -7 đến 7. Biểu diễn trên đó các số nguyên: -5; 0; 2; -2.

c) Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự tăng dần: 2022; 0; -1; -5; 9.

Câu 2: (2,5 điểm)

a) Thực hiện phép tính: $(-5)^2 + \{ 150 - [3^5 : 3^4 + (-12 + 59)] \}$

b) Tìm các số nguyên x,y biết: $(2x - 1)(y + 3) = 10$

c) Hai bạn Đông và Xuân đến thư viện để mượn sách. Bạn Đông cứ 10 ngày đến một lần. Bạn Xuân cứ 12 ngày đến một lần. Lần đầu hai bạn cùng đến vào ngày thứ 2. Hỏi lần tiếp theo hai bạn cùng đến thư viện vào thứ mấy?

Câu 3: (2,5 điểm) Lớp 6A tổ chức trò chơi dân gian. Lớp trưởng đã yêu cầu mỗi bạn chỉ chọn một trò chơi kết quả thu được ở bảng sau:

K	C	Q	N	Đ	Q	C	N
K	Q	C	K	N	C	Q	C
N	C	Đ	Đ	Q	N	K	K
C	N	K	Q	N	K	N	Đ
Đ	N	K	Q	Q	N	C	C

Viết tắt: K: Kéo co; C: Cướp cờ; Q: Ô ăn quan; N: Nhảy dây; Đ: Đi cà kheo.

- Lớp 6A có bao nhiêu học sinh?
- Có bao nhiêu trò chơi được các bạn lớp 6A lựa chọn?
- Lập bảng thống kê tương ứng.
- Vẽ biểu đồ cột biểu diễn các trò chơi của học sinh lớp 6A.

PHÒNG GD&ĐT QUY NHƠN

TRƯỜNG THCS TRẦN QUANG DIỆU

HƯỚNG DẪN CHẤM

BÀI KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I – NĂM HỌC 2022-2023

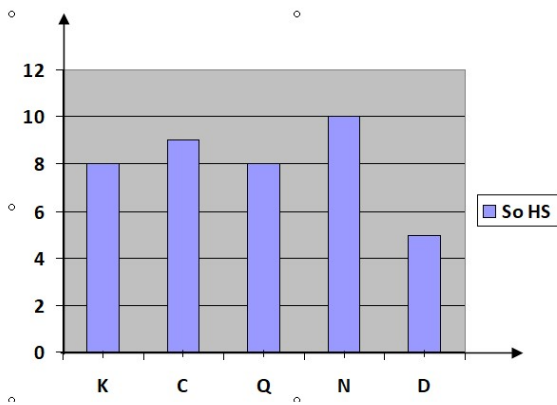
MÔN: TOÁN 6

I. TRẮC NGHIỆM:

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	A	B	B	D	D	C	D	B	C	D	A	A

II. TỰ LUẬN:

Câu (Bài)	Nội dung	Điểm					
Câu 1 2,0 điểm	a) Thực hiện phép tính: $3^2.121 - 3^2.21$ $= 3^2.(121 - 21)$ $= 9.100 = 900$	 0,25 0,25					
	b) Vẽ một đoạn của trục số từ -7 đến 7. Biểu diễn trên đó các số nguyên: -5; 0; 2; -2. HS: vẽ đúng theo yêu cầu được 0,5đ, biểu diễn sai 0đ	 0,75					
	c) Sắp xếp theo thứ tự tăng dần: -5; -1 ; 0 ; 9 ; 2022	0,75					
Câu 2 2,5 điểm	a) $(-5)^2 + \{150 - [3^5:3^4 + (-12 + 59)]\}$ $= 25 + \{150 - [3 + 47]\}$ $= 25 + \{150 - 50\}$ $= 25 + 100 = 125$	 0,25 0,25 0,25					
	b) Tìm các số nguyên x,y biết: $(2x - 1)(y + 3) = 10$ Ta có $U(10) = \{1;-1;2;-2;5;-5;10;-10\}$ Mà $2x - 1$ là số lẻ Nên ta có bảng						
	<table><tr><td>$2x - 1$</td><td>1</td><td>-1</td><td>5</td><td>-5</td></tr></table>	$2x - 1$	1	-1	5	-5	0,5
	$2x - 1$	1	-1	5	-5		
	<table><tr><td>$2x$</td><td>2</td><td>0</td><td>6</td><td>-4</td></tr></table>	$2x$	2	0	6	-4	
	$2x$	2	0	6	-4		
	<table><tr><td>x</td><td>1</td><td>0</td><td>3</td><td>-2</td></tr></table>	x	1	0	3	-2	
x	1	0	3	-2			
<table><tr><td>$y + 3$</td><td>10</td><td>-10</td><td>2</td><td>-2</td></tr></table>	$y + 3$	10	-10	2	-2		
$y + 3$	10	-10	2	-2			
<table><tr><td>y</td><td>7</td><td>-13</td><td>-1</td><td>-5</td></tr></table>	y	7	-13	-1	-5		
y	7	-13	-1	-5			
Vậy $(x;y) = (1;7) ; (0;-13) ; (3;-1) ; (-2;-5)$	0,25						
c) Gọi x là số ngày ít nhất hai bạn lại cùng đến thư viện ($x \in \mathbb{N}^*$) Ta có $x \vdots 10$; $x \vdots 12$ và x nhỏ nhất khác 0. Suy ra $x = \text{BCNN}(10;12)$	 0,25						

	$10 = 2.5$ $12 = 2^2.3$ $BCNN(10;12) = 2^2.3.5 = 60$ Mỗi tuần có 7 ngày; mà 60 chia cho 7 dư 4 Lần đầu hai bạn cùng đến vào thứ 2 thì lần tiếp theo hai bạn cùng đến vào thứ 6.	0,25 0,25 0,25										
Câu 3 2,5 điểm	a) Lớp 6A có 40 HS	0,5										
	b) Có 5 trò chơi được các bạn lựa chọn.	0,5										
	c) Bảng thống kê: <table><tr><td>Trò chơi</td><td>K</td><td>C.....Q</td><td>N</td><td>Đ</td></tr><tr><td>Số bạn</td><td>8</td><td>9.....8</td><td>10</td><td>5</td></tr></table>	Trò chơi	K	C.....Q	N	Đ	Số bạn	8	9.....8	10	5	0,75
	Trò chơi	K	C.....Q	N	Đ							
Số bạn	8	9.....8	10	5								
d) Biểu đồ cột 	0,75											

(Mọi cách giải khác đúng trong chương trình đã học vẫn đạt điểm tối đa)

PHÒNG GD&ĐT TP HÒA BÌNH
TRƯỜNG TH&THCS THỐNG NHẤT

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2023 - 2024
MÔN: TOÁN - LỚP 6

Ngày kiểm tra: /01/2024

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

(Đề kiểm tra gồm có 02 trang)

I. TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm)

Hãy chọn chữ cái đứng trước phương án đúng trong mỗi câu sau và viết vào bài kiểm tra:

Câu 1. Cho $M = \{5; 6; 7; 8\}$. Khẳng định đúng là:

- A. $5 \notin M$; B. $5 \in M$; C. $6 \notin M$; D. $1 \in M$.

Câu 2. Trong các số sau, số nào chia hết cho 3

- A. 173; B. 65; C. 102; D. 73.

Câu 3. Tập hợp các số nguyên gồm:

A. Các số nguyên âm, số 0 và các số nguyên dương;

B. Số 0 và các số nguyên âm;

C. Các số nguyên âm và các số nguyên dương;

D. Số 0 và các số nguyên dương.

Câu 4. Số nào sau đây là ước của -18 ?

- A. -6 ; B. -4 ; C. 8 ; D. -5 .

Câu 5. Trong hình thang cân có:

A. Hai cạnh bên bằng nhau, hai đường chéo bằng nhau, hai cạnh đáy bằng nhau, hai góc kề một đáy bằng nhau;

B. Hai cạnh bên bằng nhau, hai đường chéo bằng nhau, hai cạnh đáy song song, hai góc kề một đáy bằng nhau;

C. Hai cạnh bên song song, hai đường chéo bằng nhau, hai cạnh đáy bằng nhau, hai góc kề một đáy bằng nhau;

D. Hai cạnh bên bằng nhau, hai đường chéo song song, hai cạnh đáy bằng nhau, hai góc kề một đáy bằng nhau.

Câu 6. Tam giác có độ dài các cạnh đều bằng 3cm là:

A. Tam giác vuông cân;

B. tam giác vuông;

C. tam giác đều;

D. tam giác cân.

Câu 7. Trong các hình sau, hình nào có trục đối xứng?



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

Hình 1

Hình 2

Hình 3

Hình 4

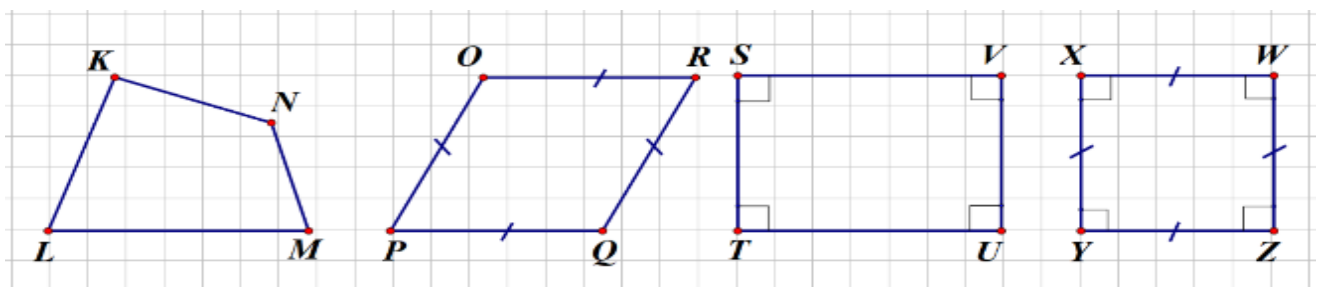
A. Hình 2;

B. Hình 4;

C. Hình 3;

D. Hình 1.

Câu 8: Trong các hình sau, hình nào **không** có tâm đối xứng?



Hình 1

Hình 2

Hình 3

Hình 4

A. Hình 3;

B. Hình 4;

C. Hình 1;

D. Hình 2.

II. TỰ LUẬN (8,0 điểm)**Câu 1. (1,5 điểm)**

- a) Biểu diễn các số nguyên sau trên trục số: -3 ; 0 ; 1 ;
- b) Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự tăng dần: 26 , -99 , -12 ; 0 ; 5 ;
- c) Tìm ước của số nguyên -8 .

Câu 2. (2,0 điểm) Thực hiện các phép tính sau một cách hợp lý (nếu có thể):

- a) $72 - (-51)$;
- b) $4 \cdot (-38) \cdot (-25)$;
- c) $32 \cdot 21 - 32 \cdot 64 + (-43) \cdot 68$.

Câu 3. (1,5 điểm)

- a) Liệt kê các phần tử của tập hợp sau rồi tính tổng của chúng:

$$T = \{x \in \mathbb{Z} \vee -3 < x \leq 2\};$$

- b) Tìm số nguyên x , biết: $9 \cdot (1 - x) = -45$.

Câu 4. (2,0 điểm) Sân trường THCS Minh Châu hình chữ nhật có chiều dài 45m, chiều rộng 27m. Nhà trường mua gạch lát hình vuông có cạnh 0,6m để lát sân trường. Biết cứ mỗi thùng chứa 15 viên gạch lát hình vuông cạnh 0,6m đó.

- a) Tính diện tích sân trường hình chữ nhật đó?
- b) Tính diện tích mỗi viên gạch lát hình vuông cạnh 0,6m?
- c) Hỏi nhà trường cần bao nhiêu thùng gạch để lát sân trường đó?

Bài 5. (1,0 điểm) Tìm số nguyên x , biết:

$$(x+1)+(x+2)+(x+3)+\dots+(x+1000)=500.$$

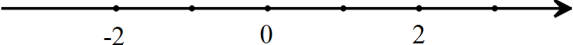
----- Hết -----

I. TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm)

Mỗi câu trắc nghiệm trả lời đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	B	D	D	D	B	C	C

II. TỰ LUẬN (8,0 điểm)

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
1	a)	Số đối của các số: $-15; 0$ lần lượt là $15; 0$	0,5
	b)	Số nguyên nhỏ nhất : -2023	0,25
		Số nguyên lớn nhất: 2023	0,25
	c)	Biểu diễn các số nguyên sau trên trục số: $-2; 2$ 	0,5
2	a)	$(-35) + (-9) = -(35 + 9) = -44$	0,5
	b)	$50 \cdot (-8) \cdot 5 \cdot 2 = (50 \cdot 2) \cdot (-8 \cdot 5) = 100 \cdot (-40) = -4000$	0,5
	c)	$48 \cdot 19 - 48 \cdot 115 - 96 \cdot 52$ $= 48 \cdot (19 - 115) - 96 \cdot 52 = 48 \cdot (-96) - 96 \cdot 52$ $= -96(48 + 52) = -96 \cdot 100 = -9600$	0,5 0,5
3	a)	$-5 \leq x \leq 4$ $x \in \{-5; -4; -3; -2; -1; 0; 1; 2; 3; 4\}$	0,5
	b)	$(6x - 39) : 3 = -21$ $(6x - 39) = -21 \cdot 3$	0,25 0,25

		$6x = -63 + 39$ $x = -24 : 6$ $x = -4$ Vậy $x = -4$	0,25 0,25
4		Độ dài cạnh còn lại là: $12 : 3 = 4(cm)$ Chu vi của hình chữ nhật đó là: $(3 + 4) \cdot 2 = 14 (cm)$	0,75 0,75
5		Số điểm đạt được của 3 ngày học tốt là : $3 \cdot 40 = 120$ (điểm) Số điểm của ngày có học sinh vi phạm là: $2 \cdot (-5) = -10$ (điểm) Số điểm của ngày không đạt ngày học tốt và không có học sinh vi phạm nề nếp : $2 \cdot 0 = 0$ (điểm)	0,5
		Tổng số điểm đạt được của của lớp trong tuần đó là: $120 + (-10) + 0 = 110$ (điểm)	0,5
6		Ta có: $(x+1)+(x+2)+(x+3)+\dots+(x+1000)=500$ $(x+x+x+\dots+x)+(1+2+3+\dots+1000)=500$ Ta nhận thấy rằng từ số 1 đến 2019 có tất cả $(2019 - 1) : 2 + 1 = 1010$ số hạng và tạo thành $1010 : 2 = 505$ cặp số. Mỗi cặp số có tổng bằng -2. Vậy $A = (-2).505 + 2021$ $A = -1010 + 2021$ $A = 1011.$	0,25 0,25

Chú ý: Nếu HS đưa ra cách giải khác với đáp án nhưng lời giải đúng vẫn cho điểm tối đa.

PHẦN 1: TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Chọn câu trả lời đúng nhất cho mỗi câu hỏi sau.

Câu 1(NB). Cho tập hợp $M = \{12; 13; 15; 17\}$. Cách viết nào sau đây là đúng?

- A. $11 \in M$.
 B. $12 \in M$.
 C. $17 \notin M$.
 D. $16 \in M$.

Câu 2(NB). Tập hợp nào sau đây chỉ gồm các hợp số ?

- A. $\{2; 3; 5\}$.
 B. $\{3; 5; 6\}$.
 C. $\{4; 5; 6\}$.
 D. $\{8; 2; 4\}$.

Câu 3(VD). Kết quả của phép tính $13.25 + 13.75$ bằng

- A. 100
 B. 1300
 C. 75
 D. 12

Câu 4(TH): Các số nguyên a và b được biểu diễn trên trục số như sau:



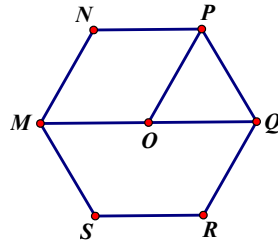
Khẳng định nào sau đây là **sai**:

- A. $a < 0 < b$.
 B. $b > 0 > a$.
 C. $b < 0 < a$.
 D. $a < b$.

Câu 5(TH): Kết quả $2^3 \cdot 2^4$ bằng

- A. 2^4
 B. 2^7
 C. 2^{12}
 D. 2^{48}

Câu 6(NB). Cho hình vẽ dưới đây. Khẳng định nào sau đây là đúng?



A. $NPOM$ là hình thang cân.
giác đều.

B. $MNPQ$ là hình lục

C. OPQ là tam giác đều.
hành.

D. $MQRS$ là hình bình

Câu 7(NB). Khẳng định nào sau đây là **Sai**?

A. Hai góc kề một đáy của hình thang cân bằng nhau.

B. Trong hình thoi các góc đối không bằng nhau.

C. Trong hình chữ nhật hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường.

D. Hai đường chéo của hình vuông bằng nhau.

Câu 8(NB): Hình **không** có tâm đối xứng là:

A. Hình chữ nhật.

B. Hình tam giác

C. Hình vuông

D. Hình lục giác đều.

Câu 9(NB): Trong các biển báo giao thông sau. Có bao nhiêu biển báo giao thông có trục đối xứng?



a)

b)

c)

d)

A. 1 biển báo.

B. 3 biển báo.

C. 2 biển báo.

D. 4 biển báo

Câu 10(NB). Trong các hình vẽ sau hình nào có trục đối xứng?



a)



b)



c)



d)

A. a);b).

B. a);c).

C. b);c).

D. c);d).

Câu 11(VD): Kết quả đúng của phép tính $5^3 : 5 + 2 - 3^3 \cdot 3^0$ là

A. 0.

B. 5.

C. 2.

D. 3.

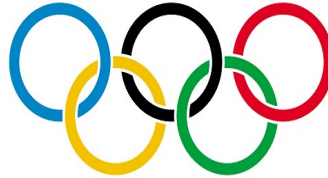
Câu 12(NB): Trong các hình sau hình nào có nhiều hơn 1 trục đối xứng?





Hình 1

uigeli.xyz



Hình 2



Hình 3

Hình 4

A. Hình 1.

B. Hình 2.

C. Hình 3.

D.

Hình 4.

TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu 13: (0,5 điểm) Viết tập hợp A các số tự nhiên không vượt quá 7 bằng hai cách?

Câu 14: (2,0 điểm)

a) Biểu diễn các số nguyên sau trên một trục số: $-4; -3; -5; 0; 4; 3; 6$

b) Sắp xếp các số sau theo thứ tự tăng dần $-3; 4; 7; -7; 0; -1; 15; -8; 25$

Câu 15: (1,0 điểm) Thực hiện phép tính (tính nhanh nếu có thể)

a) $(-37).214 + 214.(-63)$

b) $1150 - (115 + 1150) + (115 - 39)$

Câu 16: (1,0 điểm) Nửa tháng đầu một cửa hàng bán lẻ được lãi 5 triệu đồng, nửa tháng sau lại lỗ 2 triệu đồng. Hỏi tháng đó cửa hàng lãi hay lỗ bao nhiêu triệu đồng?

Câu 17: (1,5 điểm) Một lối đi hình chữ nhật có chiều dài là $12m$ và chiều rộng là $2m$. Người ta lát gạch lên lối đi, chi phí có mỗi mét vuông lát gạch là 100000 đồng.

a. Tính diện tích lối đi hình chữ nhật.

b. Tính chi phí để lát gạch trên lối đi.

Câu 18: (1,0 điểm)

Cho $B = 3 + 3^2 + 3^3 + \dots + 3^{60}$. Hãy cho biết B có chia hết cho 13 không?

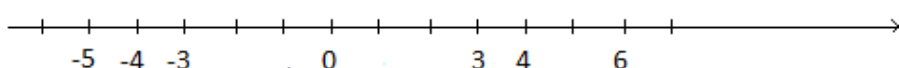
Vì sao

ĐÁP ÁN KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

PHẦN 1: TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	D	B	C	B	C	B	B	B	B	A	B

PHẦN 2: TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
13	Viết tập hợp A các số tự nhiên không vượt quá 7 bằng hai cách?	
0,5 điểm	C1 : $A = \{0; 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7\}$	0,25
	C2: $A = \{x \in \mathbb{N} \mid x \leq 7\}$	0,25
14	a) Biểu diễn các số nguyên sau trên một trục số: $-4; -3; -5; 0; 4; 3; 6$ b) Sắp xếp các số sau theo thứ tự tăng dần $-3; 4; 7; -7; 0; -1; 15; -8; 25$	
2 điểm	a) 	1,0
	b) $-8; -7; -3; -1; 0; 4; 7; 15; 25$	1,0
15	Thực hiện phép tính (tính nhanh nếu có thể) a) $(-37).214 + 214.(-63)$ b) $1150 - (115 + 1150) + (115 - 39)$	
1 điểm	a) $(-37).214 + 214.(-63)$ $= 214. [(-37) + (-63)]$ $= 214.(-100)$ $= -21400$ b) $1150 - (115 + 1150) + (115 - 39)$ $= 1150 - 115 - 1150 + 115 - 39$ $= (1150 - 1150) + (115 - 115) - 39$ $= -39$	1,0

16	Nửa tháng đầu một cửa hàng bán lẻ được lãi 5 triệu đồng, nửa tháng sau lại lỗ 2 triệu đồng. Hỏi tháng đó cửa hàng lãi hay lỗ bao nhiêu triệu đồng?	
1 điểm	Tháng đó cửa hàng được lãi số tiền là $5 + (-2) = 3$ (triệu đồng)	1,0
17	Một lối đi hình chữ nhật có chiều dài là $12m$ và chiều rộng là $2m$. Người ta lát gạch lên lối đi, chi phí để lát một mét vuông gạch là 100000 đồng. a) Tính diện tích lối đi hình chữ nhật. b) Tính chi phí để lát gạch trên lối đi.	
1,5 điểm	a) Diện tích của lối đi hình chữ nhật là: $12 \cdot 2 = 24(m^2)$ b) Chi phí để lát gạch trên lối đi là: $24 \cdot 100\,000 = 2\,400\,000$ (đồng)	0,75 0,75
18	Cho $B = 3 + 3^2 + 3^3 + \dots + 3^{60}$. Hãy cho biết B có chia hết cho 13 không?	
1 điểm	Ta có: $B = 3 + 3^2 + 3^3 + \dots + 3^{60}$ $B = (3 + 3^2 + 3^3) + (3^4 + 3^5 + 3^6) + \dots + (3^{58} + 3^{59} + 3^{60})$ $B = 3 \cdot (1 + 3 + 3^2) + 3^4 \cdot (1 + 3 + 3^2) + \dots + 3^{58} \cdot (1 + 3 + 3^2)$ $B = 3 \cdot 13 + 3^4 \cdot 13 + \dots + 3^{58} \cdot 13$ $B = 13 \cdot (3 + 3^4 + \dots + 3^{58})$ Vậy B chia hết cho 13	0,25 0,25 0,25 0,25

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Hãy chọn câu trả lời đúng nhất và ghi vào giấy làm bài.

Câu 1: Tập hợp số tự nhiên kí hiệu là

- A. $\mathbb{N}$. B. $\mathbb{N}^*$. C. $\mathbb{Q}$. D. $\mathbb{Z}$.

Câu 2: Kết quả của phép tính $2^3 \cdot 2^2$ là

- A. 2^4 . B. 2^5 . C. 2^6 . D. 2.

Câu 3: Trong các số sau: 2; 4; 15; 11. Số nguyên tố là số

- A. 2. B. 4. C. 15. D. 111.

Câu 4: Tập hợp các số chia hết cho 9 là

- A. {81; 109; 198}. B. {72; 480; 21}. C. {81; 108; 117}. D. {18; 72; 119}.

Câu 5: BCNN(6;42) là

- A. 1. B. 3. C. 6. D. 42.

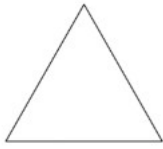
Câu 6: Chọn đáp án sai. Số âm biểu thị

- A. nhiệt độ dưới 0°C . B. số tiền lỗ.
C. độ vĩên thị. D. độ cao dưới mực nước biển.

Câu 7: Kết quả của phép tính $(-12) + (-57)$ là

- A. - 45. B. 45. C. - 69. D. 69.

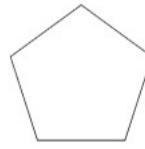
Câu 8: Trong các hình sau, hình lục giác đều là



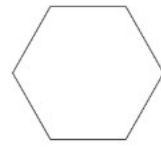
Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

A. hình 1.
4.

B. hình 2.

C. hình 3.

D. hình

Câu 9: Hình thoi là hình có

A. bốn góc bằng nhau.
nhau.

B. hai đường chéo bằng

C. hai góc kề một cạnh bằng nhau.
góc.

D. hai đường chéo vuông

Câu 10: Một chiếc đồng hồ hình vuông có độ dài cạnh là 10 cm. Một em nhỏ muốn dùng dây trang trí quanh viền của chiếc đồng hồ 2 vòng. Độ dài dây trang trí mà em nhỏ cần dùng là

A. 20 cm.
cm.

B. 40 cm.

C. 60 cm

D. 80

Câu 11: Hình vuông có mấy trục đối xứng?

A. 2.

B. 4.

C. 6.

D. 8.

Câu 12: Hình không có tâm đối xứng là

A. hình tam giác đều. B. hình vuông.
bình hành.

C. hình thoi.

D. hình

II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Bài 1 (0,5 điểm)

Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự giảm dần: 48; -37; -43; 24; -15.

Bài 2 (1,25 điểm)

Tìm x, biết:

a, $2x + 14 = 4$.

b, $125 : (2x + 5) = 5^{2023} : 5^{2020}$.

Bài 3 (1,5 điểm)

a, Thực hiện phép tính: $\left[137 - 12 \cdot (2020 - 2019)^{17}\right] - 5^{12} : 5^{10}$.

b, Tính hợp lí: $(-49) \cdot 2023 + (-51) \cdot 2023$.

Bài 4 (1 điểm)

Các bạn học sinh lớp 6A cần chia 64 quyển vở và 56 chiếc bút chì vào trong các túi để tặng các bạn học sinh ở vùng khó khăn. Biết số quyển vở và bút chì ở mỗi túi quà đều như nhau. Tính số lượng túi quà nhiều nhất mà các bạn 6A có thể chia được.

Bài 5 (1,75 điểm)

Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài 20m, chiều rộng bé hơn chiều dài 5m.

a, Tính chu vi và diện tích của mảnh vườn trên.

b, Chủ nhà định trồng hoa trên một nửa diện tích mảnh vườn và trồng rau trên nửa diện tích còn lại. Biết chi phí trồng hoa là 50 000 đồng/m², chi phí trồng rau là 35 000 đồng/m². Hỏi tổng số tiền cần để trồng hoa và trồng rau kín mảnh vườn là bao nhiêu?

Bài 6 (1 điểm)

Cho $A = 2021^3$ và $B = 2020 \cdot 2021 \cdot 2022$. Không tính cụ thể các giá trị của A và B, hãy so sánh A và B.

-----Hết-----

(Lưu ý: HS làm bài trên tờ giấy riêng, không được làm bài trên đề thi)

UBND THÀNH PHỐ HỘI AN

TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

KIỂM TRA CUỐI KỲ I NĂM HỌC 2023-2024

ĐÁP ÁN, BIỂU ĐIỂM VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

MÔN: TOÁN 6

I. TRẮC NGHIỆM (3,0đ)

Mỗi câu đúng 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	A	B	A	C	D	C	C	C	D	D	B	A

***HSKK làm đúng 4 câu đạt điểm tối đa.**

II. PHẦN TỰ LUẬN (7,0đ)

Câu	Nội dung	Điểm
1	Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự giảm dần: 48; -37; -43; 24; -15.	0,5
	Các số nguyên theo thứ tự giảm dần là: -43; -37; -15; 24; 48. *HSKK sắp xếp được 2 số đầu tiên thì đạt điểm tối đa.	0,5
2	Tìm x, biết: a, $2x + 14 = 4$. b, $125 : (2x + 5) = 5^{2023} : 5^{2020}$.	1,25
	a, $2x + 14 = 4$. $2x = 4 - 14$ $2x = -10$ $x = -5$	0,25
	b, $125 : (2x + 5) = 5^{2023} : 5^{2020}$. $125 : (2x + 5) = 5^3$. $125 : (2x + 5) = 125$. $2x + 5 = 125 : 125 = 1$ $2x = 1 - 5 = -4$ $x = -2$.	0,25
		0,25
3	a, Thực hiện phép tính: $\left[137 - 12 \cdot (2020 - 2019)^{17} \right] - 5^{12} : 5^{10}$.	0,75

	$\left[137 - 12 \cdot (2024 - 2023)^{17} \right] - 5^{12} : 5^{10}$ $= [137 - 12 \cdot 1] - 5^2$ $= 125 - 25$ $= 100$	0,25 0,25 0,25
	b, Tính hợp lí: $(-49) \cdot 2023 + (-51) \cdot 2023$.	0,75
	$(-49) \cdot 2023 + (-51) \cdot 2023$ $= 2023 \cdot [(-49) + (-51)]$ $= 2023 \cdot (-100)$ $= -202300$	0,25 0,25 0,25
	Các bạn học sinh lớp 6A cần chia 64 quyển vở và 56 chiếc bút chì vào trong các túi để tặng các bạn học sinh ở vùng khó khăn. Biết số quyển vở và bút chì ở mỗi túi quà đều như nhau. Tính số lượng túi quà nhiều nhất mà các bạn 6A có thể chia được.	1
4	<p>Gọi x (túi) là số lượng túi quà nhiều nhất các bạn 6A có thể chia được ($x \in \mathbb{N}^*$).</p> <p>Theo đề ta có: $64 : x, 56 : x$, x nhiều nhất.</p> <p>Nên $x = \text{ƯCLN}(64; 56)$</p> <p>$64 = 2^6$.</p> <p>$56 = 2^3 \cdot 7$</p> <p>$x = \text{ƯCLN}(64; 56) = 2^3 = 8$</p> <p>Vậy số lượng túi quà lớp 6A chia được nhiều nhất là 8 túi.</p>	0,25 0,25 0,25 0,25
5	Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài 20m, chiều rộng bé hơn chiều dài 5m.	0,75
	a, Tính chu vi và diện tích của mảnh vườn trên.	
	Chiều rộng của mảnh vườn hình chữ nhật là $20 - 5 = 15$ (m).	0,25
	Chu vi của mảnh vườn hình chữ nhật là $(20 + 15) \cdot 2 = 70$ (m).	0,25

***HSKK làm được Bài 1 và Bài 2a thì đạt điểm tối đa của Phần Tự luận**

TRƯỜNG TH&THCS 10

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I

NĂM HỌC: 2023 - 2024

MÔN TOÁN - LỚP 6

(Thời gian làm bài: 90 phút)

Họ và tên: Lớp

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (4 điểm)

Chọn phương án trả lời đúng cho các câu hỏi sau:

Câu 1: Cho M là tập hợp các số tự nhiên nhỏ hơn hoặc bằng 4. Khẳng định dưới đây đúng là

- A. $M = \{0; 1; 2; 3; 4\}$. B. $M = \{0; 1; 2; 3\}$. C. $M = \{1; 2; 3; 4\}$. D. $M = \{1; 2; 3\}$.

Câu 2: Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Thực hiện nhân chia trước, cộng trừ sau rồi đến lũy thừa.
B. Khi thực hiện các phép tính có dấu ngoặc ưu tiên ngoặc vuông trước.
C. Nếu chỉ có phép cộng, trừ thì ta thực hiện cộng trước trừ sau.
D. Với các biểu thức có dấu ngoặc: trong ngoặc trước, ngoài ngoặc sau: $() \rightarrow [] \rightarrow \{ \}$.

Câu 3: Chọn câu đúng:

- A. $6,2 \in \mathbb{N}$ B. $9 \notin \mathbb{N}$ C. $-9 \in \mathbb{N}$
D. $-19 \in \mathbb{Z}$

Câu 4: Số đối của -12 là

- A. -6 . B. 6 . C. -12 . D. 12 .

Câu 5: Trong các tổng (hiệu) sau, tổng(hiệu) nào **không** chia hết cho 8?

A. $5 + 56$
 $240 - 16 + 32$

B. $48 + 32 + 40$

C. $240 + 160$

D.

Câu 6: Hình nào sau đây luôn có tất cả các cạnh bằng nhau?

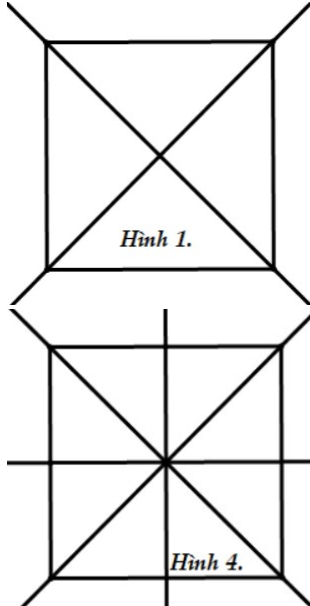
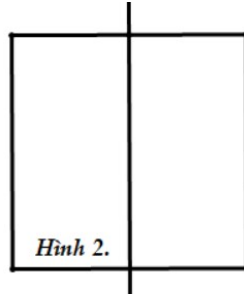
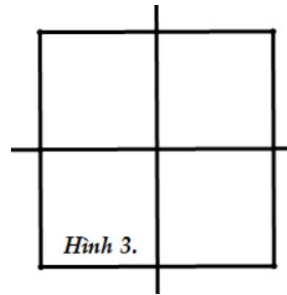
A. Hình thang cân.

B. Hình chữ nhật.

C. Hình bình hành. D.

Hình thoi

Câu 7: Hình nào dưới vẽ đúng trục đối xứng của hình vuông



A. Hình 1.
Hình 4.

B. Hình 2.

C. Hình 3.

D.

Câu 8: Biển báo giao thông nào sau đây **không** có tâm đối xứng?



D.



Câu 9: Tổng $1.1000 + 4.100 + 2.10$ biểu diễn số tự nhiên nào sau đây?

A. 14200 B. 1420

C. 100040020

D. 14020 .

Câu 10: Trên trục số, điểm A nằm bên trái điểm O cách O một khoảng 10 đơn vị độ dài, điểm B nằm bên phải điểm A và cách A một khoảng 15 đơn vị. Điểm B biểu diễn số nguyên nào?

- A. -25 . B. 25 . C. 5 . D. -5 .

Câu 11: Tập hợp các số nguyên x thỏa mãn $-2 \leq x < 3$ là

- A. $\{0; 1; 2; 3\}$ B. $\{-2; -1; 0; 1; 2\}$ C. $\{-1; 0; 1; 2\}$ D. $\{-2; -1; 0; 1; 2; 3\}$

Câu 12: Tam giác ABC được gọi là tam giác đều nếu

- A. Góc đỉnh A bằng góc đỉnh B . B. Góc đỉnh A bằng góc đỉnh C .
C. Ba góc đỉnh ở các đỉnh A , B , C bằng nhau D. Góc đỉnh B bằng góc đỉnh C .

Câu 13: Một sân bóng hình chữ nhật có chu vi là $40m$, biết chiều dài bằng $\frac{3}{2}$ chiều rộng. Diện tích sân bóng là

- A. $96m^2$. B. $48m^2$. C. $384m^2$. D. $72m^2$.

Câu 14: Một thửa ruộng hình thang có tổng độ dài hai đáy là $60m$. Diện tích thửa ruộng là $600m^2$ Chiều cao của hình thang là

- A. $5m$. B. $10m$. C. $20m$. D. $25m$.

Câu 15: Cho số $\overline{173^*}$. Có thể thay $*$ bởi chữ số nào để $\overline{173^*}$ chia hết cho cả 2 và 5 .

- A. 0 . B. 5 . C. 9 . D. $0; 5$.

Câu 16: Học sinh lớp 6B khi xếp thành hàng 2 , hàng 3 , hàng 7 đều vừa đủ hàng. Hỏi số học sinh lớp 6B là bao nhiêu, biết rằng số học sinh nhỏ hơn 50 ?

- A. 48 B. 45 C. 42 D. 35

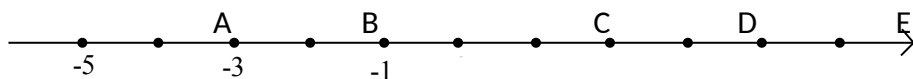
II. PHẦN TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 1: (0,5 điểm) Tìm các bội của 6 nhỏ hơn 20 và lớn hơn 10.

Câu 2: (0,5 điểm) Thay chữ số vào dấu $*$ để số $\overline{2^*}$ là số nguyên tố.

Câu 3: (1,0 điểm)

a) Trên trục số các điểm A, B, C, D, E biểu diễn các số nguyên âm nào?



b) Tìm số nguyên x , biết $-4 \leq x < 3$.

Câu 4: (0,75 điểm) Viết tập hợp các số tự nhiên có hai chữ số, trong đó tổng hai chữ số bằng 3

Câu 5: (0,75 điểm) Cho các số nguyên sau: $-98; 0; 15; -24; -10$. Hãy sắp xếp các số nguyên trên theo thứ tự giảm dần.

Câu 6: (0,5 điểm) Tính giá trị của biểu thức sau: $[299.(-74) + (-299).(-24)]: (-50)$

Câu 7: (1,0 điểm) Một nhà máy có mặt bằng hình vuông diện tích 100m^2 . Tính chu vi mặt bằng của nhà máy đó.

Câu 8: (1,0 điểm) Chuẩn bị cho năm học mới, Hoa được mẹ mua cho một số bút và một số quyển vở hết tất cả 155 nghìn đồng. Biết một chiếc bút giá 17 nghìn đồng, một quyển vở giá 5 nghìn đồng. Hỏi mẹ đã mua cho Hoa bao nhiêu cái bút và bao nhiêu quyển vở?
HẾT

TRƯỜNG TH&THCS 10

HƯỚNG DẪN CHẤM

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I

NĂM HỌC: 2023 - 2024

MÔN TOÁN - LỚP 6

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (4 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	D	D	D	A	D	D	A
Câu	9	10	11	12	13	14	15	16
Đáp án	B	C	B	C	A	B	A	C

II. PHẦN TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
1	Gọi n là bội của 6 nhỏ hơn 20 và lớn hơn 10	0,5 điểm

	$\Rightarrow n \vdots 6; 10 < n < 20 \Rightarrow n \in \{12; 18\}$	
2	Ta có $19 < \overline{2^*} < 30$. Các số nguyên tố $\overline{2^*}$ thỏa mãn là 23; 29 Vậy để số $\overline{2^*}$ là số nguyên tố thì $^* \in \{3; 9\}$	0,5 điểm
3	a) Điểm A biểu diễn số -4; Điểm B biểu diễn số -2; Điểm C biểu diễn số 1; Điểm D biểu diễn số 3; Điểm E biểu diễn số 5	0,5 điểm
	b) $x \in \mathbf{Z}, -4 \leq x < 3 \Rightarrow x \in \{-4; -3; -2; -1; 0; 1; 2\}$	0,5 điểm
4	Tập hợp A các số tự nhiên có hai chữ số, trong đó tổng hai chữ số bằng ³ là: $A = \{12; 21; 30\}$	0,75 điểm
5	Sắp xếp các số nguyên theo thứ tự giảm dần: 15; 0; -10; -24; -98	0,75 điểm
6	$[299.(-74) + (-299).(-24)]: (-50)$ $= [299.(-74) + 299.24]: (-50)$ $= 299.[-74+24]: (-50)$ $= 299.(-50): (-50)$ $= 299$	0,5 điểm
7	-Gọi a là độ dài cạnh hình vuông diện tích 100m^2 . Khi đó ta có $a^2 = 100 \Rightarrow a = 10$ (m) - Chu vi mặt bằng của nhà máy đó là: 4. $a = 4.10 = 40$ (m)	0,5 điểm
		0,5 điểm
8	-Gọi số bút và số vở mẹ Hoa mua lần lượt là x, y ($x, y \in \mathbb{N}^*$) -Theo bài ta có : $17x + 5y = 155$ $17x = 155 - 5y$ -Vì $155 \vdots 5; 5y \vdots 5$ nên $17x \vdots 5 \Rightarrow x \vdots 5$ -Mà $17x < 155$ nên $x < \frac{155}{17} \approx 9 \Rightarrow x = 5 \Rightarrow y = (155 - 17.5) = 14$ Vậy mẹ mua cho Hoa 5 cây bút và 14 quyển vở .	1,0 điểm

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

KIỂM TRA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023-2024

THỊ XÃ

MÔN: TOÁN LỚP 6

TRƯỜNG THCS HH

Thời gian làm bài: 90 phút

ĐỀ CHÍNH THỨC

Ngày kiểm tra: 28 tháng 12 năm 2023

Bài 1 (2,5 đ).

a) Viết tập hợp A các số tự nhiên lớn hơn 5 và bé hơn 13 bằng cách liệt kê các phần tử.

$$-32; 11; 0; 7; -13$$

b) Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự tăng dần:

c) Tìm số đối của các số nguyên sau : 17; - 23

d) Không thực hiện phép tính, hãy kiểm tra xem tổng $135 + 54 + 36$ có chia hết cho 9 không? Vì sao?

e) Tìm tất cả các ước của -8.

Bài 2 (2,75 đ). Thực hiện phép tính :

a) $-27 + 18$

b) $[19 + (50 - 3^4 : 3^2)] - 2024^0$

c) $13 - 96 : 12$

d) $(-13) \cdot 28 + 72 \cdot (-13) - (-100)$

Bài 3 (1,25 đ). Tìm số nguyên x, y.

a) $x - 17 = -19 + 13$

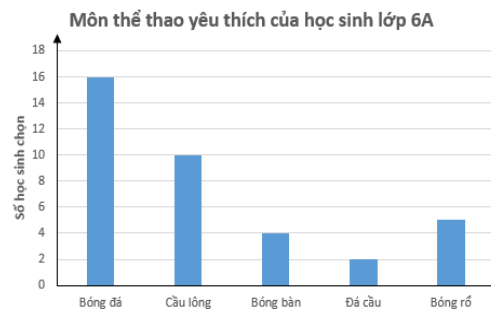
b) $(x + 1) \cdot (2y + 1) = 13$

Bài 4 (0,75 đ):

Ba bạn Long, Hạnh và Phúc cùng học một trường nhưng ở ba lớp khác nhau. Long cứ 10 ngày lại trực nhật, Hạnh cứ 12 ngày lại trực nhật, Phúc cứ 15 ngày lại trực nhật. Lần đầu tiên ba bạn cùng trực nhật vào một ngày. Hỏi sau ít nhất bao nhiêu ngày thì ba bạn lại cùng trực nhật?

Bài 5 (1,25 đ):

1. Cho biểu đồ sau: Môn thể thao nào được nhiều học sinh lớp 6A yêu thích nhất? Tổng số học sinh yêu thích môn: Bóng đá, Đá cầu và Cầu lông của lớp 6A là bao nhiêu?



2. Điều tra thể loại phim yêu thích nhất của 30 học sinh, bạn Hồng ghi lại bảng dữ liệu như sau:

H	C	H	L	H	K	H	C	T	H	L	K	H	T	H
K	L	T	H	L	K	L	C	T	C	T	H	C	L	T

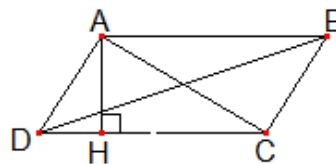
(H: Hoạt hình; L: Lịch sử; K: Khoa học; C: Ca nhạc; T: Trình thám)

Hãy lập bảng thông kê tương ứng.

Bài 6 (1,5 đ):

1. Cho hình bình hành ABCD (hình bên)

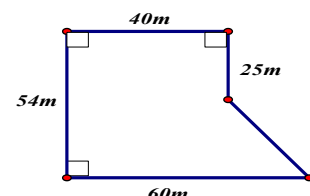
a) Kể tên các đường chéo của hình bình hành ABCD?

b) Biết $DC = 7\text{dm}$, $AD = 4\text{dm}$, $AH = 3\text{dm}$.

Tính diện tích hình bình hành ABCD

2. Ông Hiền vừa mới mua một mảnh đất như hình vẽ với giá 2 triệu đồng/1m².

Em hãy tính xem ông Hiền đã mua mảnh đất ấy hết bao nhiêu tiền?



-----Hết-----

*Học sinh không được sử dụng tài liệu. Giáo viên coi kiểm tra không giải thích gì thêm.***PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO****THỊ XÃ****TRƯỜNG THCS HH****HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ CHÍNH THỨC****KIỂM TRA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022-2023****MÔN: TOÁN LỚP 6***(Hướng dẫn chấm có 04 trang)***Bài 1 (2,5 điểm).**

a) Viết tập hợp A các số tự nhiên lớn hơn 5 và bé hơn 13 bằng cách liệt kê các phần tử.

 $-32; 11; 0; 7; -13$

b) Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự tăng dần:

c) Tìm số đối của số nguyên sau : 17; - 23

d) Không thực hiện phép tính, hãy kiểm tra xem tổng $135 + 54 + 36$ có chia hết cho 9 không?
Vì sao?

e) Tìm tất cả các ước của -8.

Câu	Nội dung	Điểm
a (0,5đ)	$A = \{6; 7; 8; 9; 10; 11; 12\}$	0,5
b	$-32; -13; 0; 7; 11$	0,5

a) $-27 + 18$ b) $[19 + (50 - 3^4 : 3^2)] - 2024^0$
c) $13 - 96 : 12$ d) $(-13) \cdot 28 + 72 \cdot (-13) - (-100)$

câu	Nội dung	Điểm
a (0,5 điểm)	$- 27 + 18 = - (27 - 18) = -9$	0,25x2
b (0,75 điểm)	$[19 + (50 - 3^4 : 3^2)] - 2024^0 =$ $[19 + (50 - 3^2)] - 2024^0 = [19 + (50 - 9)] - 1 = [19 + 41] - 1 = 60 - 1 = 59$	0,25 x3
c (0,75 điểm)	$13 - 96 : 12 = 13 - 8 = 5$	0,5 + 0,25
d (0,75 điểm)	$(-13).28 + 72.(-13) - (-100) = (-13).(28 + 72) - (-100) =$ $(-13).100 + 100 = -1300 + 100 = -1200$	0,25 x3

a) $x - 17 = -19 + 13$ b) $(x + 1)(2y + 1) = 13$

câu	Nội dung	Điểm
a (0,5 điểm)	$x - 17 = -19 + 13$ $x - 17 = - 6$ $x = - 6 + 17 = 11$	0,25x3

<p>b (0,5 điểm)</p>	$(x+1)(2y+1)=13$ Ta có $1.13=(-1).(-13)=13$ +) $x+1=1$ và $2y+1=13 \Rightarrow x=0$ và $y=6$ +) $x+1=13$ và $2y+1=1 \Rightarrow x=12$ và $y=0$ +) $x+1=-1$ và $2y+1=-13 \Rightarrow x=-2$ và $y=-7$ +) $x+1=-13$ và $2y+1=-1 \Rightarrow x=-14$ và $y=-1$	<p>0,25 x2</p>
---------------------------------------	---	----------------

Bài 4 (0,75 điểm):

Ba bạn Long, Hạnh và Phúc cùng học một trường nhưng ở ba lớp khác nhau. Long cứ 10 ngày lại trực nhật, Hạnh cứ 12 ngày lại trực nhật, Phúc cứ 15 ngày lại trực nhật. Lần đầu tiên ba bạn cùng trực nhật vào một ngày. Hỏi sau ít nhất bao nhiêu ngày thì ba bạn lại cùng trực nhật?

Câu	Nội dung	Điểm
<p>(0,75đ)</p>	Gọi x là số ngày ít nhất để ba bạn lại cùng trực nhật ($x \in \mathbb{N}^*$) Theo đề bài ta có: $x:10; x:12; x:15$, x bé nhất nên $x = \text{BCNN}(10,12,15)$	<p>0,25x3</p>
	$10=2.5$; $12=2^2.3$; $15=3.5$	
	$\text{BCNN}(10,12,15)=60$ Vậy sau ít nhất 60 ngày để ba bạn lại cùng trực nhật vào một ngày	

Bài 5 (1,25 điểm):

1.Cho biểu đồ sau:

Môn thể thao nào được nhiều học sinh lớp 6A yêu thích nhất ?

Số học sinh yêu thích môn: Bóng đá, Đá cầu và Cầu lông của lớp 6A là bao nhiêu?

2.Điều tra thể loại phim yêu thích nhất của 30 học sinh, bạn Hồng ghi lại bảng dữ liệu như sau:



H	C	H	L	H	K	H	C	T	H	L	K	H	T	H
K	L	T	H	L	K	L	C	T	C	T	H	C	L	T

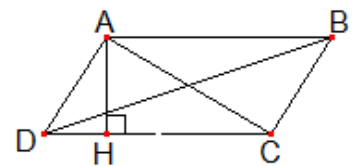
Hãy lập bảng thống kê tương ứng

Câu	Nội dung	Điểm												
1 (0,75 điểm)	Môn thể thao được nhiều học sinh lớp 6A yêu thích nhất là : Bóng đá Tổng số học sinh yêu thích môn: Bóng đá, Đá cầu và Cầu lông của lớp 6A là:16+2+10=28 (HS)	0,25 0,5												
2 (0,5 điểm)	<table><tr><td>Loại phim</td><td>H</td><td>L</td><td>C</td><td>K</td><td>T</td></tr><tr><td>Số HS yêu thích</td><td>9</td><td>6</td><td>5</td><td>4</td><td>6</td></tr></table>	Loại phim	H	L	C	K	T	Số HS yêu thích	9	6	5	4	6	0,25 0,25
Loại phim	H	L	C	K	T									
Số HS yêu thích	9	6	5	4	6									

Bài 6 (1,5 điểm):

Câu 1: Cho hình bình hành ABCD (hình bên)

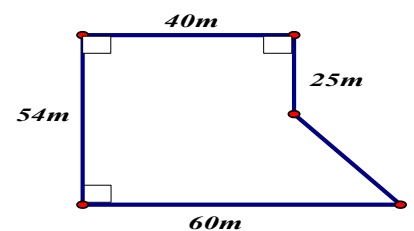
- a) Kể tên các đường chéo của hình bình hành ABCD?
- b) Biết $DC = 7 \text{ dm}$, $AD = 4 \text{ dm}$, $AH = 3 \text{ dm}$.



Tính diện tích hình bình hành ABCD

Câu 2: Ông Hiền vừa mới mua một mảnh đất như hình vẽ với giá 2 triệu đồng/1m².

Em hãy tính xem ông Hiền đã mua mảnh đất ấy hết bao nhiêu tiền?



Câu	Nội dung	Điểm
a) (0,5 điểm)	Kể tên các đường chéo của hình bình hành ABCD là : AC,DB	0,25x2
b) (0,5 điểm)	Tính diện tích hình bình hành ABCD : DC. AH = 7.3 =21 (dm ²)	0,25x2
b (0,5 điểm)	<p>Chia miếng đất thành 2 miếng nhỏ</p> <p>-Một miếng là hình chữ nhật có độ dài 2 cạnh là 40 m, 54m</p> <p>-Một miếng là hình tam giác có độ dài 2 cạnh là</p> <p>60 m - 40m =20m và 54m - 25m= 29m</p> <p>Diện tích miếng đất là:</p> $40.54 + 29.20 :2 = 2450 \text{ (m}^2\text{)}$ <p>Số tiền ông Hiền đã mua mảnh đất là:</p> $2450 . 2000000 =4800000000 \text{ (đồng)}$	0,25x2

* **Ghi chú:** Nếu học sinh làm cách khác đúng, giáo viên căn cứ vào điểm của từng phần để chấm cho phù hợp.

—————Hết—————

ĐỀ KIỂM TRA TOÁN 6 - HỌC KỲ I - CTST

THỜI GIAN: 90 PHÚT

I. Trắc nghiệm. (7 điểm)

Câu 1: Tập hợp A các số tự nhiên nhỏ hơn 5 là:

- A. $A = \{0; 1; 2; 3; 4\}$ B. $A = \{1; 2; 3; 4\}$
 C. $A = \{0; 1; 2; 3; 4; 5\}$ D. $A = \{1; 2; 3; 4; 5\}$

Câu 2. Cách viết nào sau đây là đúng:

- A. $7^2 : 7^5 = 7^7$ B. $X^2 . X^5 = X^7$ C. $3^9 : 3 = 3^9$ D. $2^4 . 2 = 2^4$

Câu 3. Số chia hết cho 9 là:

- A. 405 B. 509 C. 123 D. 789

Câu 4. Số nguyên tố là:

- A. 21 B. 11 C. 15 D. 2022

Câu 5. Kết quả phân tích ra thừa số nguyên tố của 12 là:

- A. 2.6 B. 3.4 C. $2^2.3$ D. 2.3^2

Câu 6. Phát biểu nào sau đây là đúng:

- A. $-4 \in \mathbb{N}$ B. $8 \notin \mathbb{Z}$ C. $-4 \in \mathbb{Z}$ D. $0 \notin \mathbb{N}$

Câu 7. Số đối của 29 là:

A. -29

B. 30

C. -30

D. 0

Câu 8. Các ước của 5 là:

A. 1; 5

B. -1; -5

C. $\pm 1; \pm 5$

D. 0; 5; 10

Câu 9. Ba bội của -5 là:

A. 1; 5; -5

B. 0; 5; -5

C. 1; -1; 5

D. 1; -1; -5

Câu 10. Khẳng định nào sau đây là đúng:

A. $-5 > -9$ B. $-1 > 0$ C. $3 < -4$ D. $-9 > -8$

Câu 11. Sắp xếp các số 5; -1; 3; 0; -7 theo thứ tự tăng dần là:

A. 0; -1; 3; 5; -7

B. -1; -7; 0; 3; 5

C. 0; -1; -7; 3; 5

D. -7; -1; 0; 3; 5

Câu 12. Kết quả phép tính $(-5) + (+2)$ là:

A. -3

B. 3

C. 7

D. -7

Câu 13. Kết quả phép tính $(-5) - (+2)$ là:

A. -3

B. 3

C. 7

D. -7

Câu 14. Kết quả phép tính $(-5) \cdot (+2)$ là:

A. -3

B. 3

C. 10

D. -10

Câu 15. Kết quả phép tính $(-10) : (+2)$ là:

A. 5

B. -5

C. 8

D. -8

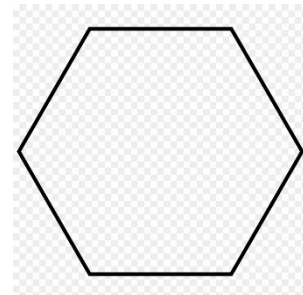
Câu 16. Hình vẽ bên có tên là:

A. Hình tam giác đều

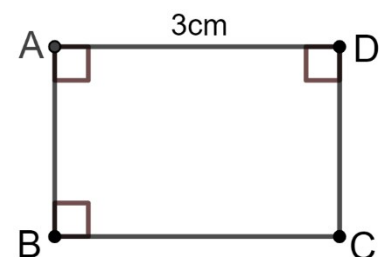
B. Hình vuông

C. Hình thang cân

D. Hình lục giác đều



Câu 17. Cho hình chữ nhật ABCD có cạnh $AD = 3\text{cm}$, chọn khẳng định đúng:

A. $BC = 3\text{cm}$ B. $AB = 3\text{cm}$ C. $DC = 3\text{cm}$ D. $AC = 3\text{cm}$ 

Câu 18. Hình thoi có độ dài hai đường chéo lần lượt là 50 m và 60 m thì có diện tích là:

A. 300m^2 B. 3000m^2 C. 1500m^2 D. 150m^2

Câu 19. Điều tra tuổi của 10 bé đăng ký tiêm chủng tại một xã trong huyện Tháp Mười vào buổi sáng, người ta thu được bảng số liệu ban đầu như sau:

3	4	4	3	-2	2	3	2	4	3
---	---	---	---	----	---	---	---	---	---

Điểm không hợp lí trong bảng dữ liệu là:

- A. 2 B. -2 C. 3 D. 4

Câu 20. Thân nhiệt của bệnh nhân A trong 10 tiếng theo dõi được ghi lại trong bảng sau:

39	39	40	41	38	37	100	37	30	0
----	----	----	----	----	----	-----	----	----	---

Điểm không hợp lí trong bảng dữ liệu là:

- A. 0 B. 41 C. 100 D. 0 và 100

Câu 21. Ghi nhanh về món ăn sáng nay của các bạn tổ 3 lớp 6A như sau:

B	B	P	C	X	B	C	B	X	B
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

Viết tắt: C: Com tấm; X: Xôi; B: Bánh mì; P: Phở

Số bạn chọn món ăn sáng com tấm là:

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 22. Điều tra loại phim yêu thích nhất của 20 học sinh lớp 6A3, bạn lớp trưởng thu được bảng dữ liệu sau:

H	H	L	L	K	K	H	T	K	K
H	H	T	T	K	H	L	H	H	H

Loại quả	Số học sinh yêu thích
Táo	★★★★
Chuối	★★★★★
Dưa hấu	★★★★★★
Cam	★★★★★
Bưởi	★★★★★

(★ = 10 học sinh; ★ = 5 học sinh)

Viết tắt: H: Hoạt hình; L: Lịch sử; K: Khoa học; T: Trinh thám

Loại phim được các bạn lớp 6A3 yêu thích nhất là:

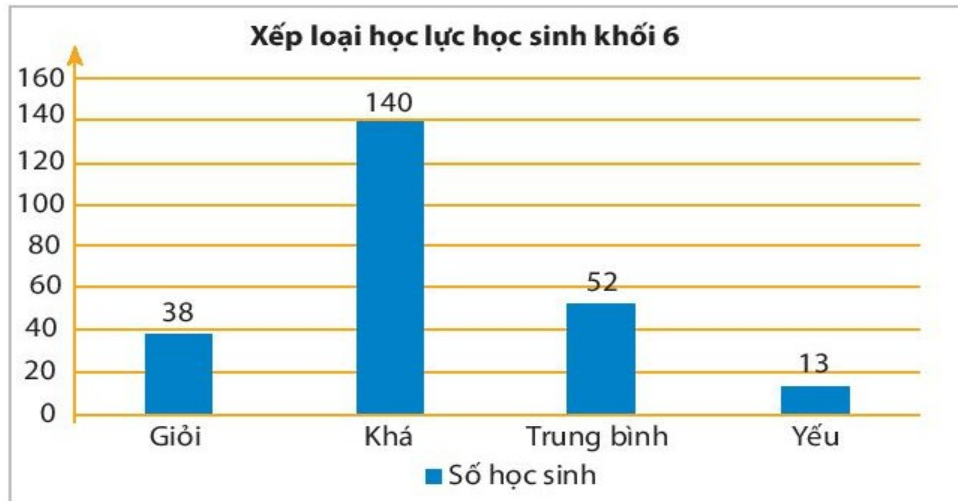
- A. Hoạt hình B. Lịch sử C. Khoa học D. Trinh thám

Câu 23. Biểu đồ tranh dưới đây cho ta thông tin về loại quả yêu thích của các bạn học sinh khối 6.

Loại quả được học sinh khối 6 yêu thích nhất là:

- A. Chuối B. Dưa hấu C. Cam D. Bưởi

Câu 24. Biểu đồ cột dưới đây cho biết thông tin về kết quả học lực của học sinh khối 6 ở một trường THCS.



Học sinh xếp loại học lực đông nhất là:

- A. Giỏi B. Khá C. Trung bình D. Yếu

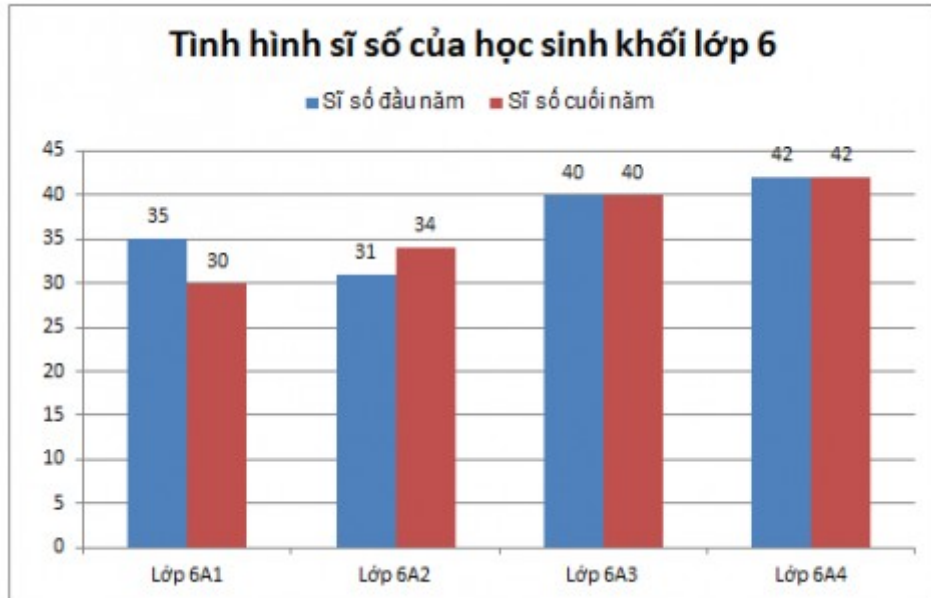
Câu 25. Biểu đồ tranh dưới đây cho ta thông tin về loại quả yêu thích của các bạn học sinh khối 6.

Số lượng học sinh yêu thích quả cam là:



- A. 45 B. 50 C. 55 D. 70

Câu 26. Đọc biểu đồ cột kép sau:



Lớp có số lượng học sinh thay đổi nhiều nhất là:

- A. 6A1 B. 6A2 C. 6A3 D. 6A4

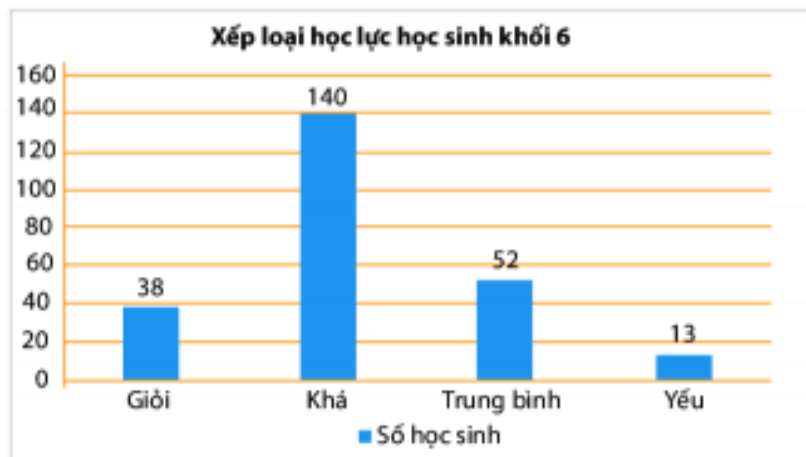
Câu 27. Câu lạc bộ tiếng Anh của một trường THCS thống kê số lượng học viên trong 4 năm liên tiếp trong bảng sau:

Năm	2019	2020	2021	2022
Số học viên	50	55	60	65

Số lượng học viên tăng theo từng năm là:

- A. 5 B. 10 C. 15 D. 20

Câu 28. Đọc biểu đồ cột sau:



Hình 4

Số học sinh xếp loại học lực từ trung bình trở lên là:

- A. 38 B. 140 C. 52 D. 230

B. Tự luận:

Câu 1. (1 điểm)

1.1. Lớp 6A có không quá 42 học sinh. Nếu xếp hàng 4 hoặc hàng 6 thì vừa đủ. Nếu xếp hàng 5 thì thừa 1 em. Hỏi lớp 6A có bao nhiêu học sinh?

1.2. Tuổi của các bạn đến dự sinh nhật của bạn Mai được ghi lại như sau:

11 12 11 12 14 12 13 10 11 12 12 15

a) Hãy lập bảng thống kê cho các dữ liệu trên.

b) Khách có tuổi nào là nhiều nhất?

Câu 2. (1 điểm)

2.1. Thực hiện phép tính bằng cách hợp lý nhất: $A = (-29).19 + (-29).81 + 900$

2.2. Bỏ ngoặc rồi thực hiện phép tính: $B = (77 + 22 - 65) - (67 + 12 - 75)$

Câu 3. (1 điểm)

3.1. Tìm số nguyên x , biết: $3x + 11 = 5$

3.2. Nhiệt độ đầu tuần tại một trại nghiên cứu ở Nam Cực là -25°C . Sau 7 ngày nhiệt độ tại đây là -39°C . Hỏi trung bình mỗi ngày nhiệt độ tăng hay giảm bao nhiêu độ C?

I. Trắc nghiệm: 7 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Đáp án	A	B	A	B	C	C	A	C	B	A	D	A	D	D
Câu	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
Đáp án	B	D	A	C	B	D	B	A	B	B	A	A	A	D

II. Tự luận: 3 điểm

Câu	Đáp án	Điểm														
1.1	Số học sinh lớp 6A là bội chung của 4 và 6 $BC(4, 6) = \{0; 12; 24; 36; 48; \dots\}$	0,25														
	Vì số học sinh không quá 42 và chia 5 dư 1 Nên lớp 6A có 36 học sinh	0,25														
1.2.a.	<table><tr><td>Tuổi</td><td>10</td><td>11</td><td>12</td><td>13</td><td>14</td><td>15</td></tr><tr><td>Số lượng</td><td>1</td><td>3</td><td>5</td><td>1</td><td>1</td><td>1</td></tr></table>	Tuổi	10	11	12	13	14	15	Số lượng	1	3	5	1	1	1	0,25
	Tuổi	10	11	12	13	14	15									
Số lượng	1	3	5	1	1	1										
1.2.b.	Khách có tuổi 12 là nhiều nhất	0,25														
2.1	$A = (-29).19 + (-29).81 + 900$ $A = (-29).(19 + 81) + 900$	0,25														
	$A = (-2900) + 900 = -2000$	0,25														
2.2	$B = (77 + 22 - 65) - (67 + 12 - 75)$ $B = 77 + 22 - 65 - 67 - 12 + 75$	0,25														
	$B = 30$	0,25														
3.1	$3x + 11 = 5 \Rightarrow 3x = -6$	0,25														
	$x = -2$	0,25														
3.2	$[(-39) - (-25)] : 7 = -2$	0,25														
	Vậy trung bình mỗi ngày nhiệt độ giảm 2°C	0,25														

ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2023 - 2024

Môn: Toán 6 - Thời gian: 90 phút.

(không kể thời gian giao đề)

ĐỀ ĐỀ NGHỊ

A. TRẮC NGHIỆM: (3đ) Hãy ghi chữ cái có phương án đúng nhất vào giấy thi.

Câu 1. Tập hợp P các số tự nhiên lớn hơn 5 có thể viết là

A. $P = \{x \mid x \geq 6\}$

B. $P = \{x \mid x \leq 6\}$

C. $P = \{x \mid x > 6\}$

D. $P = \{x \mid x < 6\}$

Câu 2. Số 25 **không phải** là bội của số tự nhiên nào dưới đây?

A.10

B.25

C.5

D.

20

Câu 3. Trong thực tế, ta thường dùng số nguyên âm để biểu thị đại lượng nào sau đây?

A. Nhiệt độ dưới 0°C

B. Nhiệt độ trên 0°C

C. Số tiền lãi
biên

D. Độ cao trên mực nước

Câu 4. Các số nguyên a và b được biểu diễn trên trục số như sau:



Khẳng định nào sau đây là **sai**:

A. $a < 0 < b$

B. $b > 0 > a$

C. $b < 0 < a$

D. $a < b$

Câu 5. Trong các tập hợp sau, tập hợp các ước nguyên của 3 là

A. $\{-2; -1; 1; 2\}$

B. $\{-3; -1; 1; 3\}$

C. $\{-6; -1; 1; 6\}$

D. $\{0; -1; 1\}$

Câu 6. Ta có $(-20) : 5$ nên

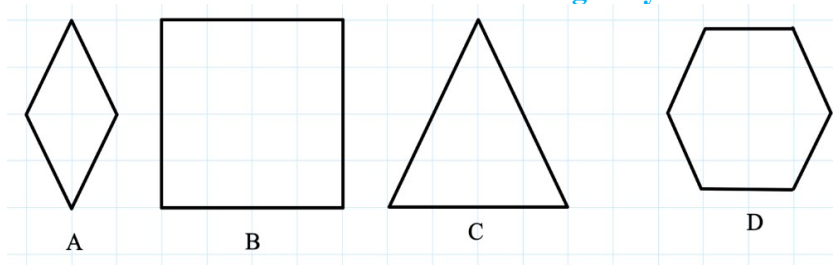
A. -20 là bội của 5

B. -20 là ước của 5

C. 5 là bội của -20

D. 5 chia hết cho -20

Câu 7. Trong các hình sau, hình nào là **hình lục giác đều**?



A. Hình A

B. Hình B

C. Hình C

D.

Hình D

Câu 8. Phát biểu nào là **không** đúng về hình vuông?

A. Bốn cạnh bằng nhau.
góc vuông.

B. Bốn góc bằng nhau và bằng

C. Hai đường chéo song song với nhau.
với nhau.

D. Hai đường chéo vuông góc

Câu 9. Trong hình thoi, hai đường chéo

A. Bằng nhau

B. Vuông góc

C. Bằng nhau và song song

D. Song song.

Câu 10. Chu vi một viên gạch lát nền nhà hình vuông cạnh 60cm là

A. 60 cm

B. 120cm

C. 240cm

D.

360cm

Câu 11. Danh sách học sinh dự thi văn nghệ của lớp 6A.

STT	Họ và tên
1	Lê Thị Kim Ngân
2	Nguyễn Cát Sơn Trà
3	Nguyễn Viết Minh Trí
4	0938089991

Điểm không hợp lí trong bảng dữ liệu trên thuộc dòng thứ tự thứ mấy?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 12. Biểu đồ tranh sau đây biểu diễn số lượng học sinh lớp 6A sử dụng các phương tiện khác nhau để đi đến trường

Đi bộ	
Xe đạp	
Xe máy (ba mẹ chở)	
Phương tiện khác	

(Mỗi  ứng với 3 học sinh)

Từ biểu đồ trên, em hãy cho biết: Lớp 6A có bao nhiêu học sinh?

- A. 3 B. 5 C. 14 **D. 42**

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu 13. (0,75 điểm)

Biểu diễn được các số tự nhiên: 9, 15, 27 bằng cách sử dụng các chữ số La Mã.

Câu 14. (1,5 điểm) Thực hiện phép tính (tính một cách hợp lý)

a) $4^2 \cdot 32 + 4^2 \cdot 70 - 2 \cdot 16$ b) $465 + [58 + (-465) + (-38)]$

Câu 15 (1,25 điểm)

a) Tìm số nguyên x, biết: $6x + x = 5^{11} : 5^{10} - 12$

b) Tính tổng tất cả các số nguyên x thỏa mãn: $-5 < x < 4$

Câu 16. (1,0 điểm) Trong năm 2022 Công ty An Bình có lợi nhuận ở mỗi tháng trong 4 tháng đầu năm là -70 triệu đồng. Trong 8 tháng tiếp theo lợi nhuận mỗi tháng của công ty là 60 triệu đồng. Sau 12 tháng kinh doanh trong năm 2022, lợi nhuận của công ty An Bình là bao nhiêu tiền? Sang năm 2023 do tình hình kinh tế khó khăn nên lợi nhuận tính từ tháng 1 năm 2022 tính đến hết tháng 12 năm 2023 là -300 triệu đồng. Hỏi lợi nhuận trong năm 2023 của công ty An Bình là bao nhiêu?

Câu 17 (2,5 điểm) Số liệu điểm kiểm tra Toán giữa học kỳ I của lớp 6 A được ghi bằng bảng dữ liệu như sau:

7	7	6	3	3	5	7	9
9	10	8	8	9	5	6	5
5	3	5	6	7	4	10	8

- a) Hãy gọi tên bảng dữ liệu ở trên.
b) Hãy lập bảng thống kê tương ứng và cho biết lớp 6A có bao nhiêu thành viên?
c) Dựa vào bảng thống kê, em hãy cho biết các học sinh lớp 6A đạt điểm mấy là nhiều nhất, có bao nhiêu bạn đạt điểm giỏi (từ 8 điểm trở lên)?

--- Hết ---

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I – MÔN TOÁN 6

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)

$$12 \text{ câu} \times 0,25\text{đ} = 3\text{đ}$$

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án đúng	A	D	A	C	B	A	D	C	B	C	D	D

II. TỰ LUẬN : (7,0 điểm)

Câu	ĐÁP ÁN	Điểm
Câu 13 (0,75 điểm)	Biểu diễn được các số tự nhiên: 9, 15, 27 bằng cách sử dụng các chữ số La Mã.	$\sum$ 0,75đ
	a) IX, XV, XXVII.	0,25đ x3
Câu 14 (1,5 điểm)	Thực hiện phép tính (tính một cách hợp lý) a) $4^2.32 + 4^2.70 - 2.16$	$\sum$ 1,5đ
	b) $465 + [58 + (-465) + (-38)]$	
	a) $= 16.32 + 16.70 - 2.16$ $= 16.(32 + 70 - 2)$	0,5đ
	$= 16.100 = 1600$	0,25 đ
	b) $465 + [58 + (-465) + (-38)]$	0,25 đ 0,25đ

	$= 465 + 58 + (-465) + (-38)$ $= [465 + (-465)] + [58 + (-38)]$																									
	$= 0 + 20 = 20$	0,25đ																								
Câu 15 (1,25 điểm)	a) Tìm số nguyên x , biết: $6x + x = 5^{11} : 5^{10} - 12$ b) Tính tổng tất cả các số nguyên x thỏa mãn: $-5 < x < 4$	$\sum$ 1,25đ																								
	a) $6x + x = 5^{11} : 5^{10} - 12$ $7x = 5 - 12$ $7x = -7$	0,25 đ 0,25 đ																								
	$x = -7 : 7 = -1$	0,25 đ																								
	$-5 < x < 4$ suy ra: $x \in \{-4; -3; -2; -1; 0; 1; 2; 3\}$	0,25 đ																								
	Tính tổng các x : $-4 + (-3) + (-2) + (-1) + 0 + 1 + 2 + 3$ $= -4 + (-3 + 3) + (-2 + 2) + (-1 + 1) + 0 = -4$	0,25 đ																								
Câu 16 (1 điểm)	Trong năm 2022 Công ty An Bình có lợi nhuận ở mỗi tháng trong 4 tháng đầu năm 2022 là -70 triệu đồng. Trong 8 tháng tiếp theo lợi nhuận mỗi tháng của công ty là 60 triệu đồng. Sau 12 tháng kinh doanh trong năm 2022, lợi nhuận của công ty An Bình là bao nhiêu tiền? Sang năm 2023 do tình hình kinh tế khó khăn nên lợi nhuận tính từ tháng 1 năm 2022 tính đến hết tháng 12 năm 2023 là -300 triệu đồng. Hỏi lợi nhuận trong năm 2023 của công ty An Bình là bao nhiêu?	$\sum$ 1đ																								
	Trong 4 tháng đầu kinh doanh, lợi nhuận của công ty An Bình là: $(-70) \cdot 4 = -280$ (triệu đồng) Trong 8 tháng tiếp theo kinh doanh, lợi nhuận của công ty An Bình là: $60 \cdot 8 = 480$ (triệu đồng)	0,25đ																								
	Sau 12 tháng kinh doanh trong năm 2022, lợi nhuận của công ty An Bình là: $(-280) + 480 = 200$ (triệu đồng)	0,25đ																								
	Gọi lợi nhuận trong năm 2023 của công ty An Bình là x Ta có: $x + 200 = -300$ $x = (-300) - 200 = -500$ (triệu đồng) Vậy lợi nhuận trong năm 2023 của công ty An Bình là -500 triệu đồng	0,5đ																								
Câu 17 (2,5 điểm)	Số liệu điểm kiểm tra Toán giữa học kỳ I của lớp 6 A được ghi bằng bảng dữ liệu như sau: <table><tr><td>7</td><td>7</td><td>6</td><td>3</td><td>3</td><td>5</td><td>7</td><td>9</td></tr><tr><td>9</td><td>10</td><td>8</td><td>8</td><td>9</td><td>5</td><td>6</td><td>5</td></tr><tr><td>5</td><td>3</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>4</td><td>10</td><td>8</td></tr></table> a) Hãy gọi tên bảng dữ liệu ở trên. b) Hãy lập bảng thống kê tương ứng và cho biết lớp 6A có bao nhiêu thành viên? c) Dựa vào bảng thống kê, em hãy cho biết các học sinh lớp 6A đạt điểm mấy là nhiều nhất, có bao nhiêu bạn đạt điểm giỏi (từ 8 điểm trở lên)?	7	7	6	3	3	5	7	9	9	10	8	8	9	5	6	5	5	3	5	6	7	4	10	8	$\sum$ 2,5đ
7	7	6	3	3	5	7	9																			
9	10	8	8	9	5	6	5																			
5	3	5	6	7	4	10	8																			

điểm kiểm tra Toán giữa học kỳ I									1,0 đ
a) Bảng dữ liệu ban đầu về điểm kiểm tra Toán giữa học kỳ I của lớp 6 A									
b) Bảng thống kê tương ứng:									0,75 đ
Điểm	3	4	5	6	7	8	9	10	
Số HS	3	1	5	3	4	3	3	2	
Lớp 6A có 24 thành viên.									0,25đ
c) Các HS lớp 6A đạt điểm 5 là nhiều nhất									0,25 đ
Có 8 bạn HS đạt điểm giỏi									0,25 đ

Nếu HS giải bằng cách khác, bảo đảm tính chính xác và hợp lý thì vẫn cho đủ điểm theo từng phần của đáp án.

UBND THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I

Trường THCS Nguyễn Văn Linh

Năm học: 2022-2023

MÔN: TOÁN LỚP 6

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề

Bài 1: (1,5 điểm)

1) Cho các số nguyên sau: -17; 0 ; 5 ; -3 ; -121

- Tìm số đối của các số nguyên trên.
- Sắp xếp dãy các số nguyên trên theo thứ tự tăng dần.

2) Cho $A = \{ x \in \mathbb{Z} \mid -4 \leq x < 7 \}$

Hãy viết tập hợp A dưới dạng liệt kê phần tử ?

Bài 2: (3,5 điểm)

1. Tính (2,0 điểm):

- $84 : 4 + 3^9 : 3^7 + 2023^0$
- $(-85) \cdot 5 + 95 \cdot (-85) + 8500$
- $480 : [75 + (7^2 - 8 \cdot 3) : 5] + 2022^0$

2. Tìm x biết (1,5 điểm):

- $x + 5 = -18$
- $198 - 3 \cdot (x + 4) = 120$

Bài 3: (1,0 điểm)

Để chuẩn bị cho chương trình “ Xuân Yêu Thương – Xuân Quý Mão 2023 “ lớp bạn Hoa cần chia 120 quyển vở và 84 chiếc bút bi vào trong các túi quà mang tặng các bạn ở trung tâm trẻ mồ côi sao cho số quyển vở và số bút bi ở mỗi túi đều như nhau. Tính số lượng túi quà nhiều nhất mà các bạn lớp Hoa có thể chia được?

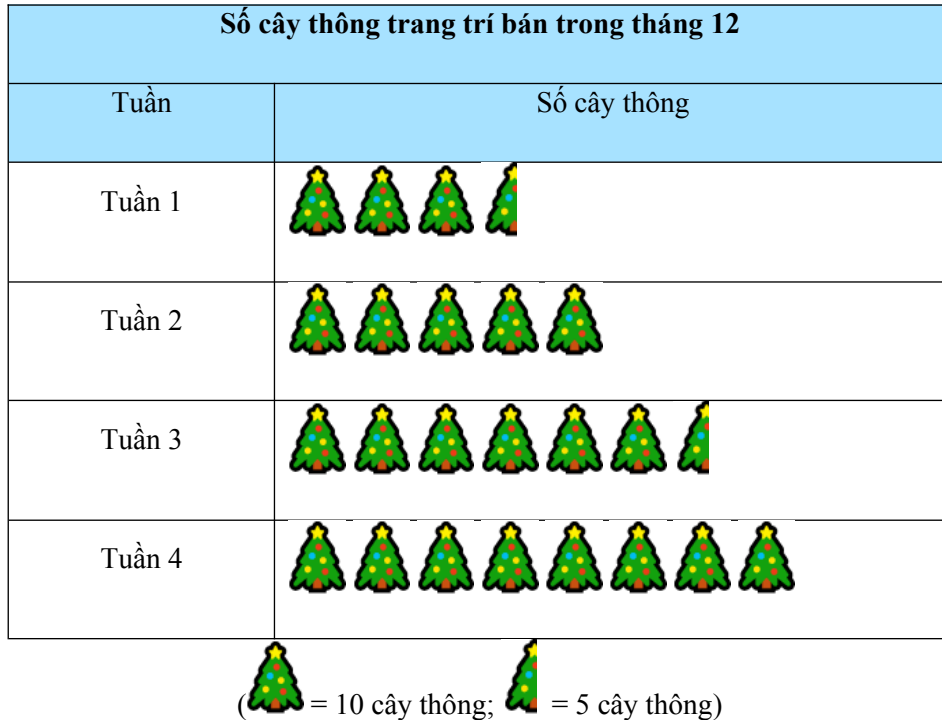
Bài 4: (1,5 điểm)

a) (0,5 điểm)Vẽ hình chữ nhật biết cạnh $AB = 8\text{cm}$, $AC = 5\text{cm}$.

b) (1,0 điểm) Tính chu vi và diện tích hình trên.

Bài 5: (1,5 điểm)

Hãy đọc dữ liệu thống kê từ biểu đồ tranh và trả lời các câu hỏi bên dưới:



- Tuần nào trong tháng 12 bán được nhiều cây thông nhất?
- Tuần 3 bán được nhiều hơn tuần 2 bao nhiêu cây thông?
- Trong tháng 12 bán được tất cả bao nhiêu cây thông?

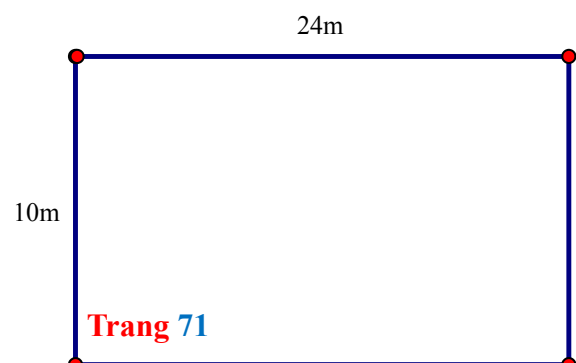
Bài 6: (1,0 điểm)

a, (0,5 điểm) Tiệm gà rán A : niêm yết giá Gà : 19 000 đ/ miếng; Nước ngọt : 10 000 đ/ ly; Khoai chiên : 15 000 đ/ bịch.

Tiệm gà rán B : niêm yết giá Gà : 22 000 đ/ miếng; Nước ngọt : 9 000 đ/ ly; Khoai chiên : 12 000 đ/ bịch.

Bạn Minh muốn mua 3 miếng gà, 2 ly nước và 5 khoai chiên thì bạn Minh sẽ đến tiệm gà nào rẻ hơn và rẻ hơn bao nhiêu (chất

lượng sản phẩm 2 tiệm như nhau)



b, (0,5 điểm) Một phòng họp hình chữ nhật có các kích thước như hình dưới. Biết rằng cứ mỗi $5m^2$ là người ta xếp vào đó 4 cái ghế sao cho đều nhau và kín phòng học. Hỏi phòng đó có bao nhiêu ghế?

		$x = -18 + (-5)$ $x = -23$ <p>b) $198 - 3.(x + 4) = 120$</p> $3.(x + 4) = 198 - 120$ $3.(x + 4) = 78$ $(x + 4) = 78 : 3$ $(x + 4) = 26$ $x = 26 - 4$ $x = 22$	0,25x3
Bài 3 (1,0 điểm)		<p>Giải:</p> <p>Số phần quà có thể chia được nhiều nhất là ƯCLN (120; 84)</p> $120 = 2^3.3.5$ $84 = 2^2.3.7$ $\text{ƯCLN}(120; 84) = 2^2.3 = 4.3 = 12$ <p>Vậy chia được nhiều nhất 12 phần quà.</p>	0,25 0,25 0,25 0,25
Bài 4:		<p>a) Vẽ chính xác đúng số đo cạnh, góc vuông.</p>	0,5
		<p>b) Chu vi hình chữ nhật là : $(8 + 5) \cdot 2 = 26$ (cm)</p> <p>Diện tích hình chữ nhật là : $8.5 = 40$ (cm²)</p>	0,5 0,5
Bài 5 (1,5 điểm)		<p>a) Tuần 4 trong tháng 12 bán được nhiều cây thông nhất.</p> <p>b) Tuần 3 bán được nhiều hơn tuần 2 số cây thông là : $65 - 50 = 15$ (cây thông)</p> <p>c) Trong tháng 12 bán được tất cả 230 cây thông.</p>	0,5 0,5 0,5
Bài 6	a, (0,5 điểm)	<p>Nếu bạn Minh mua 3 miếng gà, 2 ly nước và 5 khoai chiên ở tiệm A thì bạn Minh sẽ cần trả số tiền là :</p> $3 \cdot 19\,000 + 2 \cdot 10\,000 + 5 \cdot 15\,000 = 152\,000 \text{ (đồng)}$ <p>Nếu bạn Minh mua 3 miếng gà, 2 ly nước và 5 khoai chiên ở tiệm B thì bạn Minh sẽ cần trả số tiền là :</p>	0,25x2

		$3 \cdot 22\,000 + 2 \cdot 9\,000 + 5 \cdot 12\,000 = 144\,000$ (đồng) Vậy bạn Minh đến tiệm gà B rẻ hơn và rẻ hơn số tiền là : $152\,000 - 144\,000 = 8\,000$ (đồng)	
	b, 0,5 điểm m)	Giải Diện tích phòng họp hình chữ nhật là : $24 \cdot 10 = 240$ (m ²) Phòng họp đó có số ghế là : $240 : 5 \cdot 4 = 192$ (cái ghế)	0,25 0,25

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 1

MÔN: TOÁN 6

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Hãy khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng (từ câu 1 đến câu 12)

Câu 1. Cho tập $A = \{2; 3; 4; 5\}$. Phần tử nào sau đây thuộc tập A.

- A. 1 B. 3 C. 7 D. 8

Câu 2. Tập hợp A các số tự nhiên khác 0 và nhỏ hơn 8 được viết là:

- A. $A = \{x \in \mathbb{N}^* | x < 8\}$. B. $A = \{x \in \mathbb{N} | x < 8\}$.
 C. $A = \{x \in \mathbb{N} | x \leq 8\}$. D. $A = \{x \in \mathbb{N}^* | x \geq 8\}$.

Câu 3. ƯCLN (24, 18) là:

- A. 8. B. 3. C. 6. D. 72.

Câu 4: Kết quả của phép tính $2021^{2022} : 2021^{2021}$ là:

- A. 1. B. 2021. C. 2022. D. 2021^2

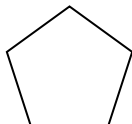
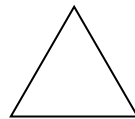
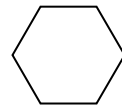
Câu 5. BCNN (15, 30, 60) là :

- A. $2^4 \cdot 5 \cdot 7$. B. $2^2 \cdot 3 \cdot 5$. C. 2^4 . D. $5 \cdot 7$.

Câu 6. Điền số thích hợp vào dấu * để số $\overline{711}^*$ chia hết cho cả 2, 3, 5, 9?

- A. 5. B. 9. C. 3. D. 0.

Câu 7. Trong các hình dưới đây, hình nào là hình lục giác đều



Câu 8. Hình có một trục đối xứng là:

- A. Hình chữ nhật.
C. Hình thoi.

- B. Hình bình hành.
D. Hình thang cân.

Câu 9. Hình thoi có độ dài hai đường chéo là 20 cm và 40 cm. Diện tích hình thoi đó là:

- A. 400 cm^2 . B. 600 cm^2 . C. 800 cm^2 . D. 200 cm^2 .

Câu 10. Cho hình thang cân ABCD. Biết đáy nhỏ $AB = 3\text{cm}$, cạnh bên $BC = 2\text{cm}$, đáy lớn $CD = 5\text{cm}$. Chu vi của hình thang cân ABCD là:

- A. 6 cm. B. 10cm. C. 12cm. D. 15cm

Câu 11. Nhiệt độ buổi sáng của phòng ướp lạnh là -9°C . Nhiệt độ buổi chiều của phòng ướp lạnh đó là bao nhiêu, biết nhiệt độ tăng 4°C so với buổi sáng?

- A. 13°C . B. -5°C C. 5°C . D. -13°C .

Câu 12. Hình nào có tâm đối xứng trong các hình sau ?

- A. Hình tam giác đều. B. Hình vuông. C. Hình thang. D. Hình thang cân.

PHẦN II: TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu 13: (2,0 điểm). Thực hiện phép tính (tính hợp lý nếu có thể):

a) $(-18) + 25 - 21$

b) $24.82 + 24.18 - 100$

c) $(-26) + 48 + (-34) + 42 - 1724$.

d) $476 - \{5.[409 - (8.3 - 21)^2]\}$

(1,0 điểm). Tìm số nguyên x, biết:

Câu 14

a) $3 + x = -8$

b) $(20 - 2.x) : 2 = 60$

Câu 15(1,5 điểm). Một đội y tế có 48 bác sĩ và 216 y tá được điều động đi tham gia phòng chống Covid-19. Để phục vụ được nhiều nơi có thể chia đội y tế đó nhiều nhất thành bao nhiêu tổ để số bác sĩ cũng như số y tá được chia đều vào các tổ ? Khi đó mỗi tổ có bao nhiêu bác sĩ và bao nhiêu y tá ?

Câu 16(1,5 điểm) . Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều rộng bằng 8m và chiều dài bằng 15 m.

a) Tính chu vi và diện tích mảnh vườn hình chữ nhật đó.

b) Người ta tính rằng trung bình cứ 1m² thì thu hoạch được 8kg cải bắp với giá bán 7000 đồng/kg. Tính số tiền thu được sau khi bán hết số cải bắp trên mảnh vườn đó.

Câu 17 (1,0 điểm).

Cho $B = 4^1 + 4^2 + 4^3 + \dots + 4^{300}$. Chứng minh rằng B chia hết cho 5

a)

b) Tìm hai số tự nhiên x và y thỏa mãn: $2^x + 3^y = 82$

C. HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA CUỐI KÌ 1

I. Trắc nghiệm(3,0 điểm). Mỗi câu đúng cho 0,25đ

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	A	C	B	B	D	D	D	A	C	B	B

II. Tự luận

Câu	ý	Nội dung	Điểm
13	a)	$(-18) + 25 - 21 = 14$	0,5đ
	b)	$24.82 + 24.18 - 100 = 24.(82 + 18) - 100$	0,25đ
		$= 24.100 - 100 = 2300$	0,25đ
	c)	$(-26) + 48 + (-34) + 42 = [(-26) + (-34)] + (48 + 42)$ $= -60 + 90 = 30$	0,25đ 0,25đ
14	d)	$476 - \{5.[409 - (8.3 - 21)^2] - 1724\}$ $= 476 - \{5.[409 - 9] - 1724\}$ $= \dots = 200$	0,25đ 0,25đ
	a)	$3 + x = -8$ $x = -8 - 3$ $x = -11$	0,25đ 0,25đ
	b)	$(20 - 2.x) : 2 = 60$ $20 - 2.x = 60 : 2$	0,25đ

		$20 - 2.x = 30$ $\dots x = -10; 2 = -5$	0,25đ
15		<p>Gọi số tổ nhiều nhất có thể chia được là x ($x \in \mathbb{N}^*$)</p> <p>Khi đó $48 : x$ và $216 : x$, mà x lớn nhất nên $x = \text{ƯCLN}(48, 216)$</p> <p>Ta có $\text{ƯCLN}(48, 216) = 24$</p> <p>Vậy số tổ nhiều nhất có thể chia được là 24 tổ</p> <p>Khi đó mỗi tổ có $48 : 24 = 2$ bác sỹ và $216 : 24 = 9$ y tá</p>	<p>0,25đ</p> <p>0,25đ</p> <p>0,5đ</p> <p>0,25đ</p> <p>0,25đ</p>
16	a)	<p>Chu vi hình chữ nhật là:</p> $(15 + 8) \cdot 2 = 46(\text{m})$ <p>Diện tích hình chữ nhật là:</p> $15 \cdot 8 = 120(\text{m}^2)$	<p>0,5đ</p> <p>0,5đ</p>
	b)	<p>Số tiền thu được khi bán hết cái bắp là:</p> $120 \cdot 8 \cdot 7000 = 6\,720\,000 \text{ (đồng)}$	0,5đ
17	a)	<p>$4^1 + 4^2 + 4^3 + \dots + 4^{300}$. Chứng minh rằng B chia hết cho 5</p> <p>Cho $B =$</p> <p>Giải:</p> <p>Ta có $B = 4(1 + 4) + 4^3(1 + 4) + \dots + 4^{299}(1 + 4)$</p> $= 4.5 + 4^3.5 + \dots + 4^{299}.5$ $= 5.(4 + 4^3 + \dots + 4^{299}) : 5$ <p>Vậy $B : 5$</p>	<p>0,25đ</p> <p>0,25đ</p>
	b)	<p>Tìm hai số tự nhiên x và y thỏa mãn: $2^x + 3^y = 82$</p> <p>Giải</p> <p>- Nếu $x = 0$, ta có: $1 + 3^y = 82$</p> $3^y = 81 \rightarrow y = 4$ <p>- Nếu $x \geq 1$ thì $(2^x + 3^y)$ lẻ còn 82 chẵn nên không có giá trị x, y</p> <p>Vậy $x = 0, y = 4$ là giá trị cần tìm</p>	<p>0,25đ</p> <p>0,25đ</p>

Chú ý: Nếu HS không làm theo HD chấm mà làm cách khác nhưng đúng vẫn cho điểm tối đa.

KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I MÔN TOÁN – LỚP 6

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (3,0 điểm)*Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng***Câu 1: (NB)** Cho $M = \{5; 6; 7; 8\}$. Khẳng định đúng là

- A. $5 \notin M$. B. $5 \in M$. C. $6 \notin M$. D. $1 \in M$.

Câu 2: (NB) Trong các số sau, số nào chia hết cho 3?

- A. 34. B. 320. C. 143. D. 123.

Câu 3: (TH) Sắp xếp các số 4; -3; 0; -2 theo thứ tự tăng dần

- A. 4; 0; -2; -3. B. -3; -2; 0; 4. C. -2; -3; 0; 4. D. 0; -2; -3; 4.

Câu 4: (NB) Nhà Toán học Euclid sống vào thế kỉ 3 trước công nguyên, số nguyên âm biểu thị thế kỉ đó là

- A. 3. B. -3. C. 0. D. 5.

Câu 5: (NB) Số đối của số -18 là

- A. 18. B. 0. C. -18. D. 9.

Câu 6: (NB) Trong các số sau, số nào là bội của 15?

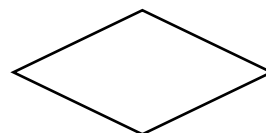
- A. -16. B. 187. C. -135. D. 1879.

Câu 7: (NB) Hình nào dưới đây là hình tam giác đều?

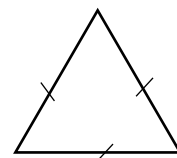
Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

- A. Hình 1 B. Hình 2 C. Hình 3 D. Hình 4

Câu 8: (TH) Trong các khẳng định dưới đây, khẳng định nào **không đúng** về hình chữ nhật?

- A. Hình chữ nhật có bốn cạnh bằng nhau.
- B. Hình chữ nhật có các cạnh đối bằng nhau.
- C. Hình chữ nhật là hình có bốn góc bằng nhau.
- D. Hình chữ nhật có các cạnh đối song song.

Câu 9: (TH) Trong các dữ liệu sau, dữ liệu nào **không phải** là số liệu?

- A. Những môn học có điểm tổng kết trên 8,0 của bạn Nam.
- B. Số học sinh thích ăn xúc xích.
- C. Chiều cao trung bình của một số loại cây thân gỗ (đơn vị tính là mét).
- D. Cân nặng của trẻ sơ sinh (đơn vị tính là gam).

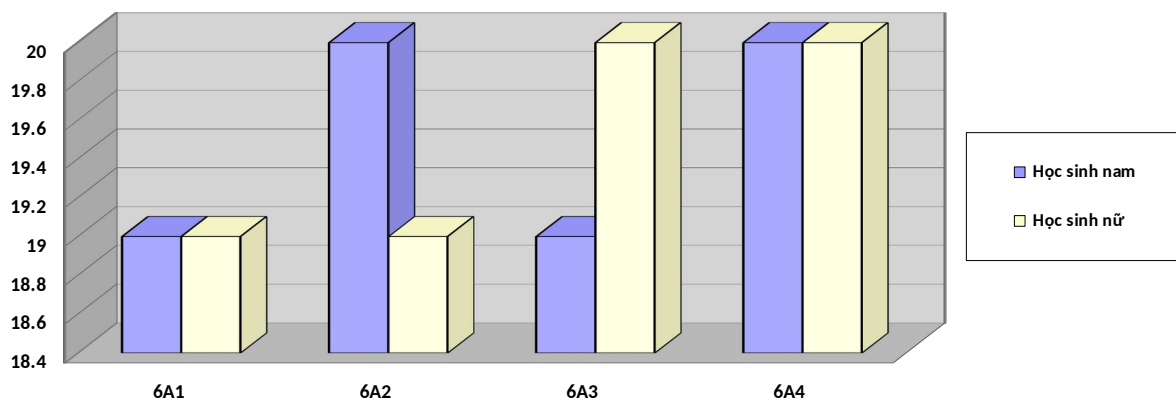
Câu 10: (NB) Em hãy chỉ ra các điểm không hợp lý trong bảng dữ liệu sau:

DANH SÁCH HỌC SINH GIỎI LỚP 7A

Số thứ tự	Họ và tên
1	Nguyễn Hoàng Xuân
2	Phạm Thị Hương
3	Đỗ Thu Hà
4	Thu Thuỷ
5	Ngô Xuân Giang

- A. Nguyễn Hoàng Xuân
- B. Phạm Thị Hương
- C. Thu Thuỷ
- D. Ngô Xuân Giang

Cho biểu đồ cột kép thể hiện số học sinh nam, nữ ở mỗi lớp của khối 6 ở một trường THCS như sau :



Học sinh quan sát biểu đồ và trả lời câu 11, câu 12.

Câu 11: (NB) Số học sinh nam/nữ của lớp 6A3 là

- A. 19/20. B. 20/19. C. 19/19. D. 20/20.

Câu 12 : (NB) Số học sinh của lớp nào nhiều nhất khối 6?

- A. 6A1. B. 6A2. C. 6A4. D. 6A3.

PHẦN II: TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu 13 (1,75 điểm) Thực hiện phép tính (tính nhanh có thể):

- a) **(TH)** $8^7 : 8^5$
 b) **(VD)** $15.5 + 240:60.2$
 c) **(VD)** $12.47 + 12.52$

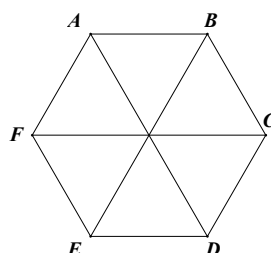
Câu 14 (NB) (0,5 điểm) Tìm x biết $x \in \square$ và $-4 \leq x < 4$.

Câu 15 (VD) (1,0 điểm) Tìm bội chung nhỏ nhất của 15 và 25.

Câu 16 (VDC) (1,0 điểm) Công ty Đại Phát có lợi nhuận mỗi tháng trong quý I là – 30 triệu đồng. Trong quý II và quý III, lợi nhuận mỗi tháng của công ty là 25 triệu đồng. Trong quý IV, lợi nhuận mỗi tháng của công ty là 50 triệu đồng. Hỏi trong năm đó, lợi nhuận của công ty Đại Phát là bao nhiêu tiền?

Câu 17. (1,75 điểm)

- a) **(NB)** Đọc tên các yếu tố bằng nhau (cạnh, góc, đường chéo) của hình lục giác đều trong hình sau:



b) **(TH)** Tính diện tích mảnh vườn hình chữ nhật có độ dài 2 cạnh là 10m và 8m.

Câu 18. (TH) (1 điểm)

Cho biểu đồ tranh số lượng bóng đèn sản xuất được trong tuần của phân xưởng A.

a) Ngày thứ Sáu sản xuất được bao nhiêu bóng đèn?

b) Ngày thứ Tư sản xuất nhiều hơn ngày thứ Hai bao nhiêu bóng đèn?



----Hết----

D. ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM CUỐI HỌC KÌ I MÔN TOÁN – LỚP 6

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (3,0 điểm)

Mỗi phương án chọn đúng ghi 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	D	C	B	A	C	D	A	B	C	A	C

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu		Lời giải	Điểm
	a	a) $8^7 : 8^5 = 8^{7-5} = 8^2 = 64$	0,25
	b	$15.5 + 240 : 60.2 = 75 + 4.2$ $= 75 + 8$	0,25 0,25

13		$= 83$	
	c	$12.47 + 12.53$ $= 12(47 + 53)$ $= 12.100$ $= 1200$	0,25 0,25
14		Tìm x biết $x \in \square$ và $-4 \leq x < 4$. Vì $x \in \square$ và $-4 \leq x < 4$ nên $x \in \{-4; -3; -2; -1; 0; 1; 2; 3\}$	0,5
15		Ta có: $15 = 3.5$; $25 \overset{5^2}{=}$ $BCNN(15, 25) = 3.5^2 = 75$ Ta có: $15 = 3.5$; $25 \overset{5^2}{=}$ $BCNN(15, 25) = 3.5^2 = 75$	0,5 0,5
16		Có $3.(-30) + 6.25 + 3.50 = 210$ (triệu đồng) Vậy: Tổng lợi nhuận trong một năm của công ty Đại Phát là 210 triệu đồng.	0,75 0,25
17	a	Hình lục giác đều ABCDEF có: - Các 6 cạnh bằng nhau $AB = BC = CD = DE = EF = FA$ - Các góc đỉnh A, B, C, D, E, F bằng nhau - Các đường chéo AD, BE, CF bằng nhau.	0,25 0,25 0,25
	b	Diện tích mảnh vườn hình chữ nhật là $10.8 = 80 \text{ cm}^2$	1
18		a) Ngày thứ Sáu sản xuất được 500 bóng đèn	0,5
		b) Số bóng đèn ngày thứ tư sản xuất nhiều hơn ngày thứ hai $900 - 300 = 600$ bóng đèn	0,5

--- HẾT ---

KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I MÔN TOÁN – LỚP 6

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. (TH) Cho số tự nhiên có bốn chữ số 9753 . Phát biểu nào sau đây sai?

A. Chữ số hàng chục là 5 .

B. Số trăm là 97 .

C. $9753 = 9000 + 700 + 50 + 3$ chữ số.

D. Là số tự nhiên lớn nhất có 4

Câu 2. (NB) Đối với biểu thức không có ngoặc và chỉ có các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia, lũy thừa, thì thứ tự thực hiện phép tính đúng là

A. Lũy thừa $\rightarrow$ Nhân và chia $\rightarrow$ Cộng và trừ.

B. Nhân và chia $\rightarrow$ Lũy thừa $\rightarrow$ Cộng và trừ.

C. Cộng và trừ $\rightarrow$ Nhân và chia $\rightarrow$ Lũy thừa.

D. Lũy thừa $\rightarrow$ Cộng và trừ $\rightarrow$ Nhân và chia.

Câu 3. (NB) Tổng (hiệu) nào dưới đây chia hết cho 7 ?

A. $14 + 21$

B. $28 + 16$

C. $49 - 24$

D. $35 - 12$

Câu 4. (NB) Tập hợp các ước của số a kí hiệu là

A. $U(a)$

B. $\{a\}$

C. $\{a\}$

D. (a)

Câu 5. (NB) Chọn câu trả lời đúng. Tất cả các số nguyên tố có một chữ số là

A. $1; 3; 5; 7$

B. $3; 5; 7$

C. $2; 3; 5; 9$

D.

Câu 6. (TH) Trong các số sau: $-12; -15; 6; 17; 10$. Có bao nhiêu số lớn hơn 0 ?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 7. (NB) Tập hợp các ước của -4 là

A. $\{1; 2; 4\}$

B. $\{-1; -2; -4\}$

C. $\{-4; -2; -1; 1; 2; 4\}$

D. $\{-4; -2; -1; 0; 1; 2; 4\}$

Câu 8. (NB) Cho $x:15, x$ có thể là giá trị nào dưới đây?

A. -30

B. -25

C. 50

D. 35

Câu 9. (TH) Trong tam giác đều

A. mỗi góc là góc vuông

B. ba góc bằng nhau.

C. ba đường chéo bằng nhau.

D. bốn cạnh bằng nhau.

Câu 10. (TH) Trong hình lục giác đều, mỗi góc bằng bao nhiêu độ?

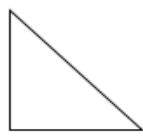
A. 30°

B. 60°

C. 90°

D. 120°

Câu 11. (NB) Trong các hình sau, hình nào **không** có trục đối xứng?



Hình 1: tam giác cân

Hình 2: tam giác vuông cân

Hình 3: kí hiệu “khác”

Hình 4: trái tim

A. Hình 1.
4.

B. Hình 2.

C. Hình 3.

D. Hình

Câu 12. (NB) Có bao nhiêu biển báo giao thông có tâm đối xứng?



a)



b)



c)



d)

A. 1 biển báo
báo

B. 2 biển báo

C. 3 biển báo

D. 4 biển

PHẦN II. TỰ LUẬN

Câu 1 (0,5 đ). Viết các số 13 và 25 bằng số La Mã.

Câu 2 (1,5 đ). Thực hiện phép tính

a. $45 - 35 : 7$

b. $105 : 3 - 2^2 \cdot 3 + 4 \cdot 5^2$

Câu 3 (1 đ). Không thực hiện phép tính, em hãy cho biết $A = 201 + 1809$ có chia hết cho 3 không? Vì sao?

Câu 4 (1 đ). Bài kiểm tra năng lực tổng hợp có 50 câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn. Với mỗi câu trả lời đúng học sinh sẽ được 5 điểm và mỗi câu trả lời sai sẽ bị trừ đi 2 điểm, câu nào chưa trả lời sẽ được 0 điểm. Một học sinh trả lời đúng được 32 câu, chưa trả lời 4 câu và còn lại là trả lời sai sẽ có số điểm là bao nhiêu?

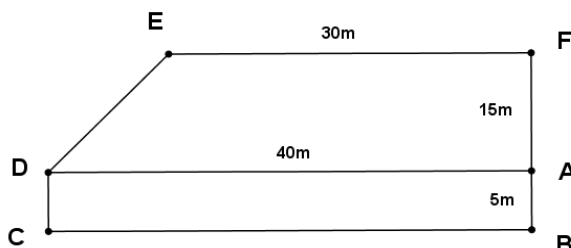
Câu 5. (1 đ) Tìm số nguyên x nhỏ nhất thỏa mãn $(2x + 7) : (x - 2)$.

Câu 6 (2 đ)

a. Hình lục giác đều có bao nhiêu cạnh, bao nhiêu góc và bao nhiêu đường chéo chính?

b. Vẽ hình chữ nhật có một cạnh bằng 5cm, một cạnh bằng 3cm.

c. Cho Mảnh vườn có kích thước như hình vẽ bên. Tính diện tích mảnh vườn đó?



ĐÁP ÁN**PHẦN I. TRẮC NGHIỆM** (Mỗi đáp án đúng 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	D	A	A	B	D	C	C	A	B	D	C	C

PHẦN II. TỰ LUẬN

Câu	Đáp án	Điểm
1 (0,5đ)	Viết số 13 bằng số La Mã: XIII Viết số 25 bằng số La Mã: XXV	0,25 0,25
2 (1,5đ)	a. $45 - 35 : 7$ $= 45 - 5$ $= 40$ b. $105 : 3 - 2^2 \cdot 3 + 4 \cdot 5^2$ $= 35 - 12 + 100$ $= 113$	0,5 0,25 0,25 0,25 0,25
3 (1đ)	a) $4 : 3$ $210 : 3 ; 1809 : 3 \quad (210 + 1809) : 3$ Vì nên	0,5 0,5
4 (1đ)	Mỗi câu trả lời sai bị trừ 2 điểm có nghĩa là sẽ được cộng -2 điểm. $50 - (32 + 4) = 14$ Số câu trả lời sai của học sinh đó là câu. $32 \cdot 5 + 14 \cdot (-2) + 4 \cdot 0 = 132$ Số điểm của học sinh đạt được là điểm.	0,25 0,25 0,5
5 (1đ)	$(2x + 7) : (x - 2) \Rightarrow [(2x - 4) + 11] : (x - 2) \Rightarrow [2(x - 2) + 11] : (x - 2)$ Vì $2(x - 2) : (x - 2)$ và $x \in \square$ nên để $(2x + 7) : (x - 2)$ thì $11 : (x - 2)$	0,25 0,25 0,25

	<p>Hay $(x-2) \in U^{(11)} = \{\pm 1; \pm 11\}$</p> <p>Ta có bảng:</p> <table><tr><td>$x-2$</td><td>-1</td><td>1</td><td>-11</td><td>11</td></tr><tr><td>x</td><td>1</td><td>3</td><td>-9</td><td>13</td></tr></table> <p>Mà x là số nguyên nhỏ nhất nên $x = -9$</p>	$x-2$	-1	1	-11	11	x	1	3	-9	13	0,25
$x-2$	-1	1	-11	11								
x	1	3	-9	13								
6 (2đ)	a. Hình lục giác đều có 6 cạnh bằng nhau, sáu góc bằng nhau và có ba đường chéo chính.	0,5										
	b. Vẽ đúng hình chữ nhật theo yêu cầu.	1										
	c. Diện tích vườn hình chữ nhật ABCD là: $5.40 = 200cm^2$	0,25										
	Diện tích vườn hình thang ADEF là: $\frac{(30+40).15}{2} = 525cm^2$	0,25										
	Vậy diện tích mảnh vườn là $200 + 525 = 725cm^2$											

(Chú ý: Học sinh giải theo cách khác đúng, tính điểm như thang điểm trên)

UBND THÀNH PHỐ NHA TRANG

TRƯỜNG THCS ÂU CƠ

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: **2023 – 2024**

Môn: **TOÁN – LỚP 6**

Thời gian: 90 phút – Không tính thời gian phát đề

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN. (3,0 điểm)

Câu 1: Hoa gấp được 97 ngôi sao và xếp vào các hộp, mỗi hộp 8 ngôi sao. Số ngôi sao còn thừa, không xếp vào hộp là:

A. 1 ngôi sao

B. 2 ngôi sao

C. 5 ngôi sao

D. 6

Câu 2: Trong các phân số $\frac{8}{6}; \frac{4}{9}; \frac{2}{10}; \frac{9}{15}$, phân số tối giản là:

A. $\frac{8}{6}$
 $\frac{9}{15}$

B. $\frac{4}{9}$

C. $\frac{2}{10}$

D.

Câu 3: Tập hợp $\mathbb{Q}$ các số nguyên gồm:

A. Số nguyên âm

B. Số nguyên dương

C. Số nguyên âm và số nguyên dương

D. Số tự nhiên và số nguyên âm

Câu 4: Khẳng định nào dưới đây là sai?

A. Số đối của 15 là -15 .

B. Số đối của -2023 là 2023.

C. Số đối của -29 là -92 .

D. Số đối của 0 là 0.

Câu 5: Một chiếc tàu ngầm đang ở độ cao $-50m$ so với mực nước biển. Tàu tiếp tục lặn sâu thêm $10m$ rồi sau đó nổi lên $20m$. Lúc này độ cao của tàu so với mực nước biển là:

A. $40m$
 $-60m$

B. $-40m$

C. $60m$

D.

Câu 6: Điểm biểu diễn số nguyên x trong hình dưới đây là số nào?



A. -4
 -1

B. -3

C. -2

D.

Câu 7: Khẳng định nào dưới đây đúng?

A. $-3 > -2$
 $-5 < -3$

B. $-2 > 0$

C. $-4 > 1$

D.

Câu 8: Tập hợp các số là ước chung của 9 và -18

A. $\{-1; -3; -9; 1; 3; 9\}$
 $\{1; 3; 9; -18\}$

B. $\{1; 3; 9\}$

C. $\{-1; -3; -9\}$

D.

Câu 9: Hình có hai đường chéo vuông góc với nhau là:

A. Hình thoi
Hình thang cân

B. Hình chữ nhật

C. Hình bình hành

D.

Câu 10: Hình lục giác đều có bao nhiêu trục đối xứng?

A. 1

B. 3

C. 4

D. 6

Câu 11: Cho các hình sau, hình nào có tâm đối xứng?



Hình 1



Hình 2



Hình 3

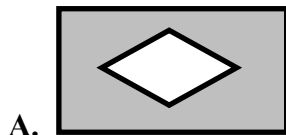
A. Hình 1 và hình 2
Cả ba hình trên

B. Hình 2 và hình 3

C. Hình 1 và hình 3

D.

Câu 12: Hình nào dưới đây không có trục đối xứng?



D.



PHẦN 2. TỰ LUẬN. (7,0 điểm)

Câu 13: (2 điểm) Thực hiện phép tính (Tính hợp lý nếu có thể):

a) $(-13) + (-2)$

b) $(-3) \cdot 15 - 3$

c) $(-37) \cdot 214 + 214 \cdot (-63)$

d) $(-79) + (385 - 579) - (485 - 579)$

Câu 14: (1,75 điểm) Tìm số nguyên x , biết:

a) $x + (-5) = 7$

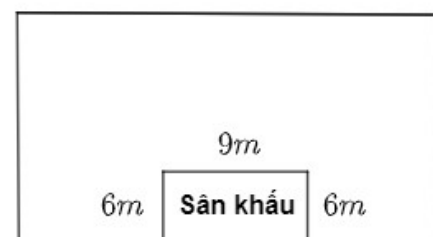
b) $12 - (3x + 9) = 33$

c)

$72 : 2^{x+1} = 3^2$

Câu 15: (1,25 điểm) Hai bạn Mai và An giúp cô phụ trách thư viện chuyển hai ngăn sách có số sách bằng nhau, mỗi bạn di chuyển một ngăn. Mai xếp thành từng bó 30 quyển, Lan xếp thành từng bó 45 quyển đều vừa đủ, không thừa quyển nào. Tính số sách mỗi bạn đã di chuyển, biết rằng số sách mỗi ngăn trong khoảng từ 170 quyển đến 200 quyển.

Câu 16: (1,5 điểm) Một ngôi trường có sân khấu hình chữ nhật với chiều dài $9m$, chiều rộng $6m$ (như hình vẽ). Chào đón năm mới 2024, nhà trường mua hoa trang trí xung quanh sân khấu sao cho mỗi góc sân khấu đặt một chậu hoa và khoảng cách giữa hai chậu liên tiếp bằng nhau và bằng $1,5m$ (phía hành lang lớp học không đặt chậu hoa).



Hành lang lớp học

a) Tính chu vi và diện tích sân khấu.

b) Tính số tiền nhà trường đã mua hoa, biết mỗi chậu hoa có giá 150 000 đồng.

Câu 17: (1,5 điểm) Ác-si-mét (*Archimedes*) và Niu-ton (*Isaac Newton*) là hai nhà bác học về lĩnh vực toán học, vật lý, thiên văn học,... Ác-si-mét sinh vào một năm trước Công nguyên, sau đó 1930 năm thì Niu-ton ra đời. Biết nhà bác học Niu-ton mất vào năm 1727 và thọ 84 tuổi. Hỏi nhà bác học Ác-si-mét sinh năm nào?

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I

Môn : Toán. Lớp 6

Thời gian làm bài: 90 phút (*Trắc nghiệm 25 phút*)

(Không tính thời gian phát đề)

Điểm:	Lời phê của thầy (cô) :

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Hãy khoanh tròn vào trước câu trả lời đúng trong các câu sau:

Câu 1. Thứ tự thực hiện các phép tính đối với biểu thức không có dấu ngoặc là:

- A. Nhân và chia → Lũy thừa → Cộng và trừ.
- B. Lũy thừa → Nhân và chia → Cộng và trừ.
- C. Cộng và trừ → Nhân và chia → Lũy thừa.
- D. Lũy thừa → Cộng và trừ → Nhân và chia.

Câu 2. Số tự nhiên nào sau đây là ước của 6?

- A. 0.
- B. 4.
- C. 2.
- D. 12.

Câu 3. Trong các số sau, số nào là số nguyên tố?

- A. 19.
- B. 12.
- C. 15.
- D. 21.

Câu 4. Tập hợp số nguyên gồm những số nào?

- A. Số nguyên dương và số 0.
- B. Số nguyên âm, số 0 và số nguyên dương.
- C. Số nguyên âm và số 0.
- D. Số nguyên dương và số nguyên âm.

Câu 5. Trong các cách sắp xếp sau, cách sắp xếp các số nguyên theo thứ tự tăng dần là:

- A. -8; 6; -5 ; 3 ; 1; 0.
- B. 6; 3; 1; 0; -5; -8.

C. $-8; -5; 0; 1; 3; 6$.D. $0; 1; 3; -5; 6; -8$.

Câu 6. Ông A đang nợ ngân hàng 45 triệu đồng. Số nguyên nào sau đây biểu diễn số tiền ông A đang có?

A. -45 .B. 45 .C. $45\,000\,000$.D. $-45\,000\,000$.

Câu 7. Biết 12 chia hết cho -4 . Khẳng định nào sau đây là đúng?

A. 12 là ước của -4 .B. 12 là bội của -4 .C. -4 là bội của 12.D. -4 là không phải là ước của 12.

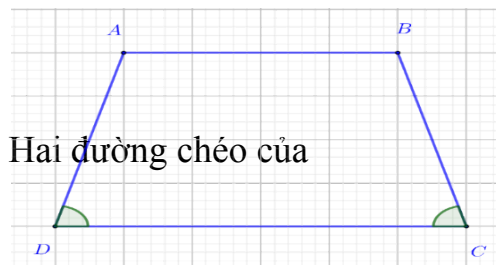
Câu 8. Cho hình thang cân ABCD như hình bên. Hai đường chéo của hình thang cân ABCD là:

A. AB và CD.

B. AD và BC.

C. AC và BD.

D. AB và AD.



Câu 9. Điều tra tuổi của 20 bé đăng kí tiêm chủng tại trạm y tế của một xã, người ta thu được bảng số liệu ban đầu như sau:

2	1	4	3	-1	2	1	3	2	2
1	1	1	2	4	1	3	2	2	1

Dữ liệu trong bảng không hợp lí là ?

A. 3.

B. 4.

C. 2.

D. -1 .

Câu 9. Số học sinh vắng trong ngày của các lớp khối 6 ở một trường Trung học cơ sở được ghi lại như sau:

6A	6B	6C	6D	6E	6G
2	1	-2	0	4	4

Em hãy cho biết dữ liệu nào **không hợp lí** ở bảng trên?

A. 0.

B. 1.

C. 4.

D. -2 .

Câu 10. Lớp 6A dự định tổ chức một trò chơi dân gian khi đi dã ngoại. Lớp trưởng đã yêu cầu mỗi bạn đề xuất một trò chơi bằng cách ghi vào phiếu, mỗi bạn chỉ chọn một trò chơi. Sau khi thu phiếu, tổng hợp kết quả lớp trưởng thu được bảng sau:

Trò chơi	Số bạn chọn
Cướp cờ	11
Nhảy bao bố	9

Đua thuyền	4
Bịt mắt bắt dê	6
Kéo co	10

Trò chơi được 4 bạn lựa chọn là:

- A. Đua thuyền. B. Kéo co. C. Cướp cờ. D. Nhảy bao bố.

Câu 11. Biểu đồ tranh sau đây biểu diễn số lượng học sinh khối 6, khối 7, khối 8, khối 9 của một trường THCS đến trường bằng phương tiện xe đạp trong một buổi ngoại khóa:

Khối 6	
Khối 7	
Khối 8	
Khối 9	

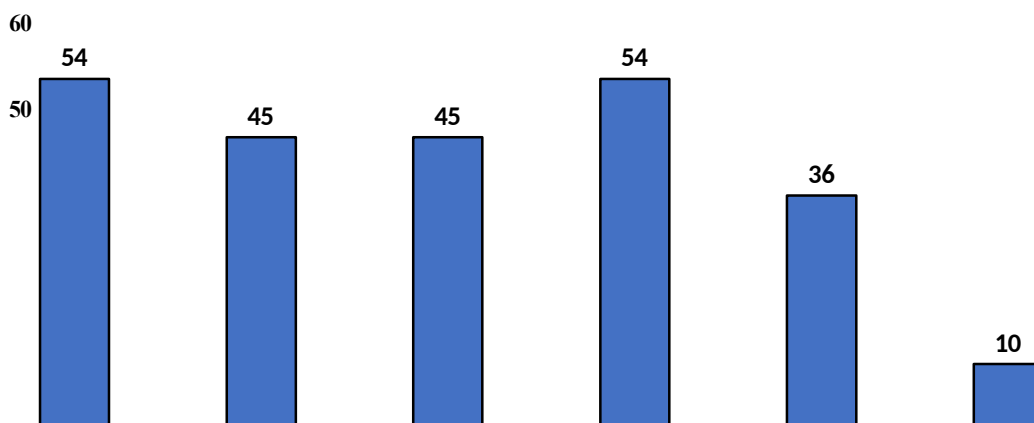
(Mỗi  ứng với 5 học sinh)

Số học sinh khối 6 đi xe đạp là:

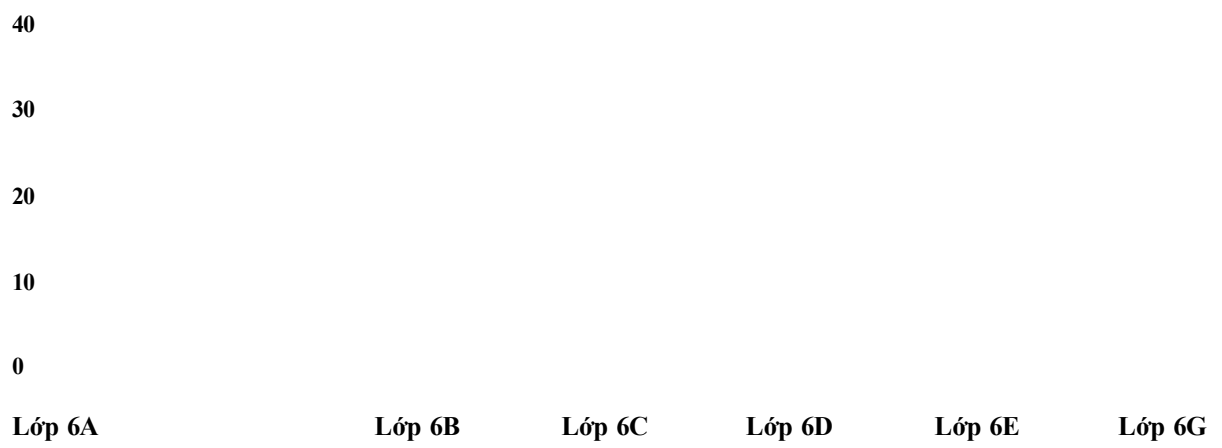
- A. 30. B. 60. C. 12. D. 6.

Câu 12. Biểu đồ cột dưới đây cho biết thông tin về số lượng điểm 10 đạt được của các lớp 6 ở một trường THCS trong đợt tổng kết phong trào thi đua “vườn hoa điểm 10” để chào mừng “Ngày Nhà giáo Việt Nam”:

Số điểm 10



Số lượng điểm 10 đạt được của các lớp 6



Các lớp

Lớp có số lượng 45 điểm 10 là:

- A. Lớp 6A và lớp 6D. B. Lớp 6C và lớp 6E.
C. Lớp 6B và lớp 6G. D. Lớp 6B và lớp 6C.

II/ TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Bài 1. (1,0 điểm) Thực hiện phép tính (tính hợp lí nếu có thể):

- a) $(-32) + (-47)$
b) $5^2 \cdot 3 + 5^2 \cdot 7 - 40$

Bài 2. (2,0 điểm) Cho các số nguyên: -4 ; 3 ; -2 và 1 .

- a) Tìm số đối của các số nguyên trên.
b) Biểu diễn các số nguyên -4 ; 3 ; -2 ; 1 và các số nguyên vừa tìm được ở câu a) trên trục số.

Bài 3. (0,75 điểm) Câu lạc bộ toán lớp 6 của một trường THCS có 24 bạn nam và 32 bạn nữ tham gia được chia đều thành các nhóm. Có thể chia nhiều nhất thành mấy nhóm? Khi đó, mỗi nhóm có bao nhiêu bạn nam, bao nhiêu bạn nữ?

Bài 4. (0,75 điểm) Một bức tường hình chữ nhật có chiều dài 5m và chiều rộng 4m.

- a) Em hãy tính diện tích của bức tường.
Người ta muốn dùng sơn nước để trang trí bức tường đó. Tính tiền để mua sơn nước, biết trên bức tường đã treo bốn bức tranh hình vuông bằng nhau có cạnh 50cm và giá tiền để mua sơn mỗi mét vuông là 50 000 đồng?

Bài 5. (1,5 điểm) Biểu đồ tranh sau đây biểu diễn số lượng học sinh khối 6 của một trường Trung học cơ sở đến trường bằng các phương tiện khác nhau trong ngày khai giảng năm học 2023 - 2024:

Xe đạp	
Xe đạp điện	
Xe máy (ba hoặc mẹ chở)	

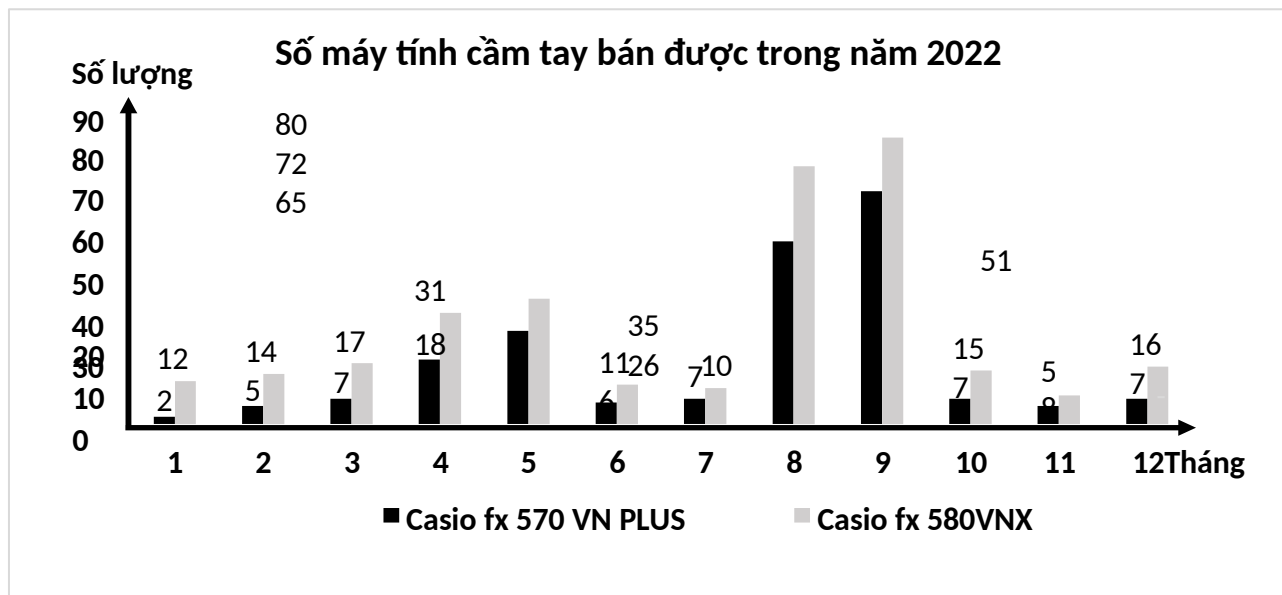


(Mỗi  ứng với 7 học sinh)

- a) Số học sinh đến trường bằng xe đạp điện nhiều hơn số học sinh đến trường bằng xe đạp bao nhiêu học sinh?
- b) Trong ngày khai giảng năm học 2023 – 2024, trường Trung học cơ sở đó có bao nhiêu học sinh lớp 6 đã tham gia?
- c) Dựa vào biểu đồ tranh ở trên, ta có bảng thống kê tương ứng bên dưới. Em hãy điền trực tiếp những số liệu còn thiếu để được bảng thống kê hoàn chỉnh:

Phương tiện học sinh đến trường	Số lượng
Xe đạp	
Xe đạp điện	
Xe máy (ba hoặc mẹ chở)	
Phương tiện khác	

Bài 6. (1,0 điểm) Biểu đồ hình cột kép bên dưới cho biết số lượng máy tính cầm tay Casio fx 570VNPLUS và Casio fx 580 VNX bán được tại một nhà sách trong năm 2022.



- a) Trong tháng 9 của năm 2022, số máy tính cầm tay bán ra loại Casio fx 580 VNX nhiều hơn loại Casio fx 570VN PLUS bao nhiêu cái ?
- b) Biết giá nhập và giá bán của hai loại máy tính cầm tay trong quý III như bảng sau:

Tháng	Loại máy			
	Casio fx 570 VNPLUS		Casio fx 580VNX	
	Giá tiền nhập	Giá tiền bán	Giá tiền nhập	Giá tiền bán
7	400 000 đồng	320 000 đồng	500 000 đồng	450 000 đồng
		(Khuyến mãi)		(Khuyến mãi)
8	450 000 đồng	550 000 đồng	520 000 đồng	700 000 đồng
9	500 000 đồng	650 000 đồng	530 000 đồng	740 000 đồng

Hỏi trong quý III năm 2022 nhà sách bán hai loại máy tính cầm tay trên lời hay lỗ bao nhiêu tiền?

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

MÔN TOÁN LỚP 6 HKI-NĂM HỌC: 2023 - 2024

I. TRẮC NGHIỆM (3điểm)

Mỗi câu chọn đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	C	A	B	C	D	B	C	D	A	A	D

II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu	Yếu – kém	Trung bình	Khá – giỏi	Tổng điểm
1a (0,5đ)	Tính được $= - (32 + 47) = - 79$	Làm được mức trước;	Làm được mức trước;	
	0,5	0,5	0,5	0,5
1b (0,5đ)	Tính được $25.3 + 25.7 - 40$	Làm được mức trước; Tính được: $25. (3 + 7) - 40 = 210$	Làm được mức trước;	
	0,25	0,5	0,5	0,5
2a (1đ)	Tìm được số đối của hai số.	Tìm được số đối của bốn số.	Làm được mức trước;	
	0,5	1,0	1,0	1,0
2b (1,0đ)	Biểu diễn đúng hai số	Biểu diễn đúng bốn số	Biểu diễn đúng tám số	
	0,25	0,5	1,0	1,0

3 (0,75đ)		Thực hiện phép tính và trả lời được: chia nhiều nhất thành 8 nhóm.	Làm được mức trước; Thực hiện phép tính và trả lời được: mỗi nhóm có 3 bạn nam và 4 bạn nữ.	
		0,5	0,75	0,75
4a (0,5đ)		Tính được diện tích của bức tường: $5.4 = 20 \text{ (m}^2\text{)}$	Làm được mức trước;	
		0,5	0,5	0,5
4b (0,25đ)			Tính được số tiền mua sơn: $50\,000.19 = 950\,000$ (đồng)	
			0,25	0,25
5a (0,5đ)	Trả lời được: số học sinh đến trường bằng xe đạp điện nhiều hơn số học sinh đến trường bằng xe đạp là 21 học sinh.	Làm được mức trước;	Làm được mức trước;	
	0,5	0,5	0,5	0,5
5b (0,5đ)	Trả lời được: trong ngày khai giảng có 112 học sinh lớp 6 tham gia.	Làm được mức trước;	Làm được mức trước;	
	0,5	0,5	0,5	0,5
5c (0,5đ)	Điền đúng hai số liệu	Hoàn thành số liệu trong bảng		
		Phương tiện	Số lượng	
		Xe đạp	28	
		Xe đạp điện	49	
		Xe máy (ba hoặc mẹ chở)	21	
		Phương tiện khác	14	
	0,25	0,5	0,5	0,5
6a (0,5đ)	Trả lời được: nhiều hơn 15 cái máy tính cầm tay	Làm được mức trước;	Làm được mức trước;	
	0,5	0,5	0,5	0,5
6b (0,5đ)			Tính được số tiền lời của nhà sách trong quý III: 43 550 000 đồng	
			0,5	0,5
Tổng	3,25 đ	5,5 đ	7,0đ	7,0

(Học sinh làm cách khác, nếu đúng vẫn cho đủ điểm câu đó)

.....HẾT.....

PHÒNG GD VÀ ĐT THÀNH PHỐ
TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN

Thứ ngày tháng năm 2023

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**NĂM HỌC 2023 - 2024****Môn Toán Lớp 6**

(Thời gian làm bài 90 phút không kể thời gian giao đề)

Mã đề	Điểm bài thi	Mã phách
101		

Chú ý: Học sinh không được sử dụng các loại máy tính cầm tay để hỗ trợ làm bài kiểm tra này.**I. Trắc nghiệm khách quan (4 điểm)****Câu 1:** Hãy chọn biểu thức sử dụng đúng thứ tự các dấu ngoặc :

- A.** $100:\{2.[30-(12+7)]\}$
 B. $100:[2.(30-\{12+7\})]$
 C. $100:(2.\{30-[12+7]\})$
 D. $100:(2.[30-\{12+7\}])$

Câu 2: Điền đúng sai vào bảng ta được

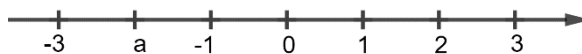
STT	Câu	Đúng/ Sai
1	$3^3 \cdot 3^7 = 3^{21}$	
2	$3^3 \cdot 3^7 = 3^{10}$	
3	$7^2 \cdot 7^7 = 7^9$	
4	$7^2 \cdot 7^7 = 7^{14}$	

Thứ tự điền đúng là:

- A. Đ, Đ, Đ, Đ. B. S, Đ, Đ, S. C. Đ, S, Đ, S. D. Đ, S, S, Đ.

Câu 3: Cho biết $127 = 12.q + r$, khi đó được thương $q = \dots\dots$ và số dư $r = \dots\dots$. Chỗ chấm cần điền lần lượt là

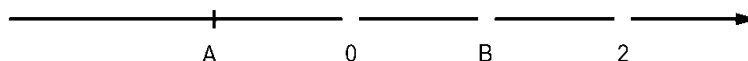
- A. $q = 10, r = 0$ B. $q = 10, r = 6$
C. $q = 10, r = 7$ D. $q = 10, r = 8$

Câu 4: Cho trục số sau, số đối của số nguyên a là:

- A. -1 **B.** 2 C. -3 D. -4.

Câu 5: Năm ngoái ông An vay ngân hàng 15 triệu đồng. Năm nay ông trả được 7 triệu đồng. Hỏi ông An còn nợ ngân hàng bao nhiêu tiền (triệu đồng) ?

- A. 12 triệu đồng. **B.** 8 triệu đồng. C. 22 triệu đồng. D. 7 triệu đồng.

Câu 6: Cho trục tọa độ sau:

Điểm A biểu diễn số nào trên trục số?

- A. 2 B. 3 **C.** -1 D. 1

Câu 7: Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ lớn đến bé: $-3; 8; -21; 0$

- A. $-3 < 8 < -21 < 0$ **B.** $8 > -3 > -21$ C. $8 > -21 > -3$ D. $-21 > 8 > -3 > 0$.

Câu 8: Tìm số nguyên x , biết $x + 9 = -7$.

- A. $x = -2$. B. $x = -16$. C. $x = 16$. D. $x = 2$.

Câu 9: Hãy chọn câu đúng

- A. $(-20) \cdot (-4) = -80$ B. $(-12) \cdot (-5) = -60$
C. $25 \cdot (-4) = -100$ D. $11 \cdot (-11) = -1111$

Câu 10: Có bao nhiêu hình lục giác đều trong bức tranh sau?

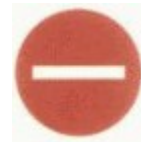


- A. 6. B. 7. C. 8. D. 9.

Câu 11: Trong các biển báo giao thông sau, biển báo nào có trục đối xứng?



110a – Cấm xe đạp



102 – Cấm đi ngược chiều



112 – Cấm đi bộ



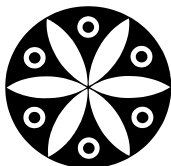
123 – Cấm rẽ trái

- A. Biển 110a. B. Biển 102. C. Biển 112. D. Biển 123.

Câu 12: Hình nào sau đây vừa có tâm đối xứng, vừa có trục đối xứng?



(1))



(2)



(3)

(4)

L

- A. Hình (1) và (2) B. Hình (4) và (2) **C. Hình (2) và (3)** D. Hình (1) và (4)

Câu 13: Trong các câu sau, câu nào **sai**?

- A. Hình vuông có 4 trục đối xứng
 B. Hình thoi các góc khác 90° có đúng 2 trục đối xứng
C. Hình lục giác đều có đúng 3 trục đối xứng
 D. Hình chữ nhật với chiều dài và chiều rộng khác nhau có đúng 2 trục đối xứng.

Câu 14: Trong các câu sau, câu nào **sai**?

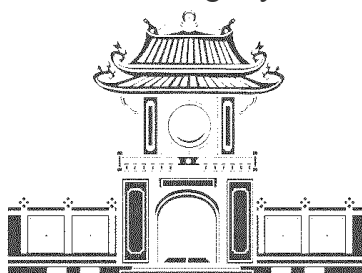
- A. Hình tròn có tâm đối xứng là tâm của hình tròn.
 B. Hình thoi có tâm đối xứng là giao điểm của hai đường chéo.
C. Hình tam giác đều có tâm đối xứng.
 D. Hình vuông có tâm đối xứng là giao điểm của hai đường chéo.

Câu 15: Hình chữ nhật chiều dài 7 cm và chiều rộng 4 cm có bao nhiêu trục đối xứng?

- A. 1 **B. 2** C. 3 D. 4

Câu 16: “*Gác Khuê Văn - Khuê Văn Các là biểu trưng cho giáo dục, trí tuệ, giá trị nhân văn sâu sắc của Thăng Long - Hà Nội*”.

Hình vẽ Khuê Văn Các dưới đây có tâm đối xứng hay trục đối xứng ?



- A. Có trục đối xứng.**
 B. Có tâm đối xứng.
 C. Có cả tâm đối xứng và trục đối xứng.
 D. Không có cả tâm đối xứng và không có trục đối xứng

II. Tự luận (6 điểm)

Câu 17: [VD] (0,5 điểm) Tìm $x \in \mathbb{Z}$, biết: $3^{2x} = 81$.

Câu 18: [VD] (1 điểm) Bạn Liên dùng 50000 đồng mua vở. Có hai loại vở: loại I giá 15000 đồng một quyển, loại II giá 8000 đồng một quyển. Bạn Liên có thể mua nhiều nhất bao nhiêu vở nếu:

- a) Liên chỉ mua vở loại I;
 b) Liên chỉ mua vở loại II.

Câu 19: [TH] (0,5 điểm) Biểu diễn các số -7 và 3 trên trục số nguyên.

Câu 20: [TH] (1,25 điểm) Tính

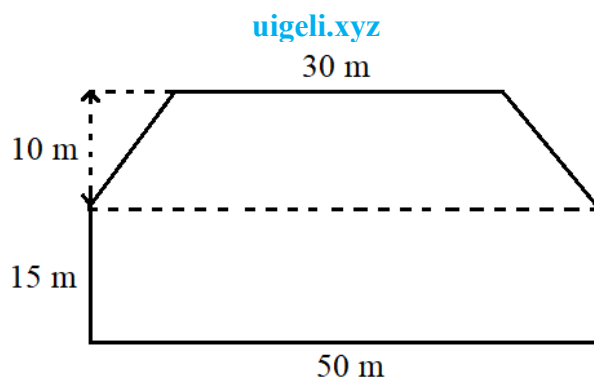
- a) $(-125) + 100 + 80 + 125 + 20$; b) $(-12) : (-2) : 3 + (-8 - 2) : (-5)$

Câu 21: [VD] (0,5 điểm) Tìm số nguyên x , biết

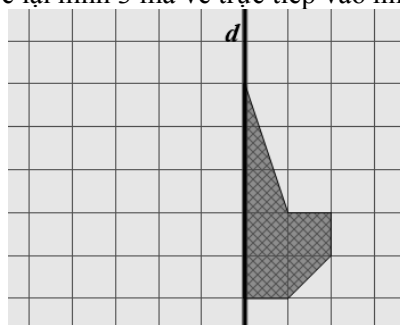
$$19 \cdot x = (-19) \cdot 25 + (-45) \cdot 19 + (-19) \cdot 30.$$

Câu 22: [TH] (0,75 điểm)

Một thửa ruộng có dạng như hình dưới đây. Nếu trên mỗi mét vuông thu hoạch được $0,8 \text{ kg}$ thóc thì thửa ruộng đó thu hoạch được bao nhiêu ki-lô-gam thóc.



Câu 23: [VD] (0,5 điểm) Em hãy vẽ thêm vào hình dưới đây để được hình có đường thẳng d là trục đối xứng (HS không phải vẽ lại hình 3 mà vẽ trực tiếp vào hình 3)



Hình 3

Câu 24: [VDC] (1 điểm)

a) Chứng tỏ rằng: $A = 2 + 2^2 + 2^3 + \dots + 2^{100}$ chia hết cho 3.

b) Trong điều kiện thời tiết ổn định, cứ tăng độ cao 1 km thì nhiệt độ không khí giảm 6°C . Một khinh khí cầu đã được phóng lên vào một ngày khô ráo. Nếu nhiệt độ trên mặt đất tại nơi phóng là 18°C , thì nhiệt độ là bao nhiêu khi khinh khí cầu ở độ cao 5km?

--- Hết ---

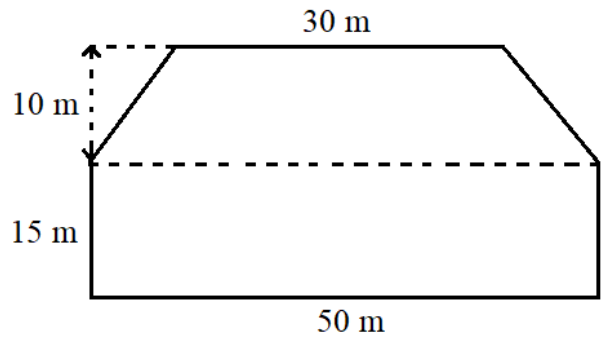
HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I
NĂM HỌC 2023 - 2024
TIẾT LỚP 6. MÔN TOÁN. MÃ ĐỀ 101

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng ghi 0,25 điểm.

1.A	2.B	3.C	4.B	5.B	6.C	7.B	8.B	9.C	10.A
11.B	12.C	13.C	14.C	15.B	16.A				

PHẦN II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
17 (0,5 đ)	$3^{2x} = 81$	0,5
	$3^{2x} = 3^4$	
	$2x = 4 \Rightarrow x = 2$ TM Vậy $x = 2$	
18 (1 đ)	a) có $50\,000 = 15\,000 \cdot 3 + 5000$ Nếu Liên chỉ mua vở loại I thì số vở mua được là 3 quyển dư 5 nghìn	0,5
	b) có $50\,000 = 6 \cdot 8\,000 + 2000$ Nếu Liên chỉ mua vở loại II thì số vở mua được là 6 quyển dư 2 nghìn	0,5
19 (0,5 đ)		0,5
20	a) $(-125) + 100 + 80 + 125 + 20 = 200$	0,75

(1,25 đ)	b) $(-12):(-2):3 + (-8 - 2):(-5) = 4$	0,5
21 (0,5 đ)	$19.x = (-19).25 + (-45).19 + (-19).30.$	
	$19.x = (-19).(25+45+30)$	0,25
	$19.x = (-19).100$ $x = (-19).100:19$ $x = 100$ Vậy $x = 100$	0,25
22 (0,75 đ)		
	Số thóc thu được: $[15.50 + (30+50).10:2]. 0,8 = 920$ (kg)	0,75
23 (0,5 đ)	HS vẽ chính xác	0,5
24 (1 đ)	a) Ta có: Tổng A có 100 số hạng, vì các số hạng của A gồm các lũy thừa cơ số 2 có số mũ là các số tự nhiên từ 1 đến 100. Nên chia A thành 50 nhóm, mỗi nhóm 2 số hạng, ta có: $A = 2 + 2^2 + 2^3 + \dots + 2^{100} = (2 + 2^2) + (2^3 + 2^4) + \dots + (2^{99} + 2^{100})$ $= 2 \cdot 3 + 2^3 \cdot 3 + \dots + 2^{99} \cdot 3 = (2 + 2^3 + \dots + 2^{99}).3 \div 3$ Vậy A chia hết cho 3.	0,25
	b) $18 + (-6) \cdot 5 = -12 (^{\circ}\text{C})$. Vậy khi khinh khí cầu ở độ cao 5km	0,25

Ghi chú: Mọi cách giải khác đúng, phù hợp với chương trình đều chấm điểm tối đa.

PHÒNG GD&ĐT TP THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG THCS SƠN CẨM 1

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
NĂM HỌC 2023 – 2024

Môn: Toán 6

(Thời gian làm bài: 90 phút không kể thời gian giao đề)

Họ và tên: Lớp: Điểm:

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước phương án đúng trong các câu hỏi sau:

Câu 1. Tập hợp các ước của -6 là:

- A. $\{-1; -2, -3; -6\}$ C. $\{-1; -2, -3; -6; 1; 2; 3; 6\}$
 B. $\{-1; -2, -3; -6; 0; 1; 2; 3; 6\}$ D. $\{1; 2; 3; 6\}$

Câu 2. Kết quả của phép tính $24 : (-4) + 6 \cdot 2 - 10$ là:

- A. 18 B. -4 C. -18 D. 4

Câu 3. Kết quả của phép tính $4.17.(-25)$ là :

- A. 1700 B. 43 C. -2500 D. -1700

Câu 4. Tìm số tự nhiên x biết $3x + 26 = 5^6 : 5^3$ ta được kết quả đúng là

- A. $x = 33$; B. $x = 34$; C. $x = 35$; D. $x = 36$.

Câu 5. Cho : $\frac{2}{3} = \frac{10}{x}$ Khi đó x bằng:

- A. 12. B. 15. C. 20. D. 30

Câu 6. Tìm số tự nhiên x biết: $1312: (3x - 19) = 32$. Ta được kết quả đúng là:

A. $x = 2$

B. $x = 10$

C. $x = 20$

D. $x = 30$

Câu 7. Ước chung của 24 và 32 là:

A. $\{1; 2; 4; 8\}$

C. $\{-1; -2; -4; -8; 0; 1; 2; 4; 8\}$

B. $\{-1; -2; -4; -8\}$

D. $\{-1; -2; -4; -8; 1; 2; 4; 8\}$

Câu 8. Phân số sau $\frac{-9}{27}$ được rút gọn là:

A. $\frac{-3}{-9}$

B. $\frac{-1}{3}$

C. -3

D. $\frac{1}{3}$

Câu 9. Kết quả khi bỏ dấu ngoặc: $26 - (-5 + 32 - 24)$ là:

A. $26 - 5 + 32 - 24$

C. $26 + 5 - 32 - 24$

B. $26 + 5 - 32 + 24$

D. $26 - 5 + 32 + 24$

Câu 10. Khẳng định nào sau đây là **sai**?

A. Hai đường chéo của hình vuông bằng nhau.

B. Hai góc kề một đáy của hình thang cân bằng nhau.

C. Trong hình thoi, các góc bằng nhau.

D. Trong tam giác đều các góc bằng nhau và bằng 60° .

Câu 11. Trong các câu sau câu nào đúng;

A. Tam giác đều có 6 trục đối xứng

B. Hình bình hành có hai trục đối xứng.

C. Hình vuông có 4 trục đối xứng

D. Hình chữ nhật có 4 trục đối xứng

Câu 12. Hình vuông có cạnh 10 cm thì chu vi của nó là:

A. 100cm^2

B. 80cm

C. 40cm^2

D. 40cm

II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm). Thực hiện phép tính (Tính hợp lý nếu có thể):

a) $465 + 58 + (-465) + (-38)$

b) $19.43 + (-20).43 - (-40)$

c) $17.[29 - (-111)] + 29.(-17)$

Bài 2. (1 điểm). Tìm $x \in \square$, biết:

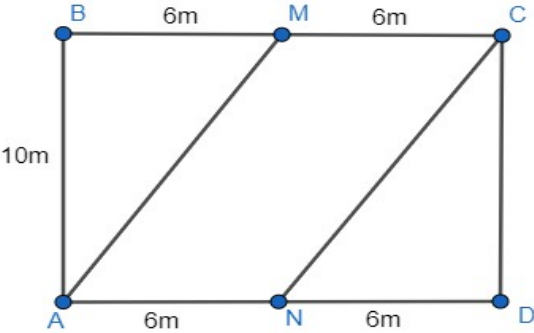
a) $13 - x = 28$

b) $(x + 7)(2 + x^2) = 0$

Bài 3. (2 điểm). Học sinh khối 6 của một trường khi xếp hàng 6, hàng 8 và hàng 12 thì vừa đủ. Tính số học sinh khối 6 của trường đó, biết rằng số học sinh đó trong khoảng từ 50 đến 80 em.

Bài 4. (2 điểm). Trên một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 12m, chiều rộng 10m, người ta chia khu để trồng hoa, trồng cỏ như hình bên. Hoa sẽ được trồng ở khu vực hình bình hành AMCN, cỏ sẽ được trồng ở phần đất còn lại. Tiền

công để trả cho mỗi mét vuông trồng hoa là 50 000 nghìn đồng, trồng cỏ là 40 000 đồng. Tính số tiền công cần chi trả để trồng hoa và cỏ.



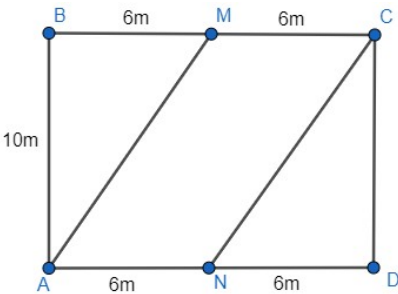
**HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA HỌC KÌ I
MÔN TOÁN 6 NĂM HỌC 2023 - 2024**

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm). Mỗi câu đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	B	D	A	B	C	D	B	B	C	C	D

II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Bài	Đáp án	Điểm
1	a) $465 + 58 + (-465) + (-38)$ $= [465 + (-465)] + [58 + (-38)]$ $= 0 + 20 = 20$	0,5
	b) $19.43 + (-20).43 - (-40)$ $= 19.43 + (-20).43 + 40$ $= 43.[19 + (-20)] + 40$ $= 43.(-1) + 40$ $= (-43) + 40$ $= -3$	0,5
	c) $17.[29 - (-111)] + 29.(-17)$ $= 17.[29 + 111] + 29.(-17)$ $= 17.29 + 17.111 + 29.(-17)$ $= 29.[17 + (-17)] + 17.111$	1

	$= 29.0 + 17.111$ $= 0 + 1887$ $= 1887$	
	<p>a) $13 - x = 28$</p> $x = 13 - 28$ $x = -15$ <p>Vậy $x = -15$</p>	0,5
2	<p>Nhận xét: $x^2 \geq 0$ với mọi $x \in \mathbb{Z}$</p> $\Rightarrow X^2 + 2 > 0 \text{ với mọi } x \in \mathbb{Z}$ <p>Để $(x+7)(2+x^2) = 0$ thì:</p> $x + 7 = 0$ $x = 0 - 7$ $x = -7$ <p>Vậy $x = -7$</p>	0,5
3	<p>Gọi số học sinh khối 6 của trường đó là a ($a \in \mathbb{N}^*$ và $50 \leq a \leq 80$)</p> <p>Lập luận: $a : 6 ; a : 8 ; a : 12$</p> $\Rightarrow a \in BC(6; 8; 12)$ <p>Tìm được $BCNN(6 ; 8 ; 12) = 24$</p> <p>Mà $BC(6, 8, 12) = B(24) = \{0; 24; 48; 72; 96; \dots\}$</p> $\Rightarrow a \in \{0; 24; 48; 72; 96; \dots\}$ <p>Mà $50 \leq a \leq 80 \Rightarrow a = 72$</p> <p>Vậy số HS khối 6 của trường đó là 72 học sinh.</p>	0,5 0,5 0,5 0,5
4	 <p>Diện tích đất trồng hoa hình bình hành AMCN là:</p>	

-----□★□-----

Môn: Toán 6

Thời gian làm bài: 90 phút.

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3 điểm):

Hãy chọn phương án đúng trong mỗi câu dưới đây:

Câu 1. Cho tập hợp $A = \{1; 2; 4; 6\}$. Cách viết nào sau đây là đúng.

- A.** $1 \notin A$ **B.** $\{2; 6\} \subset A$ **C.** $6 \subset A$ **D.** $5 \in A$

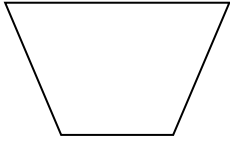
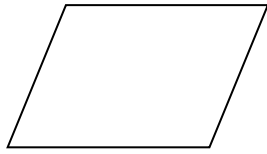
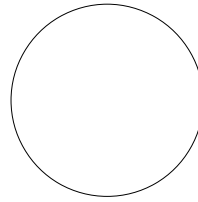
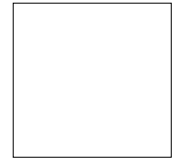
Câu 2. Khẳng định nào dưới đây **sai**?

- A.** Số đối của số -6 là 6 . **B.** Số đối của 3 là -3 .
C. Số đối của 10 là $-(-10)$. **D.** Số đối của 0 là 0 .

Câu 3. Cho tam giác đều ABC với $AB = 25$ cm. Độ dài cạnh BC là

- A.** 15 cm. **B.** 25 cm. **C.** 45 cm. **D.** Không tính được.

Câu 4. Trong các hình dưới đây, hình **không** có trục đối xứng là:



A. Hình thang cân

B. Hình bình hành

C. Hình Tròn

D. Hình vuông

Câu 5. Hình vuông có bao nhiêu trục đối xứng?

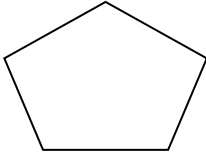
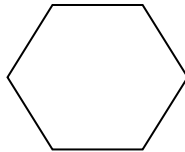
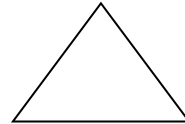
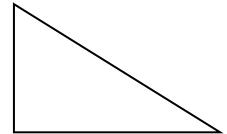
A. 3.

B. 4.

C. 5.

D. 6.

Câu 6. Trong các hình dưới đây, hình có tâm đối xứng là:



A. Ngũ giác

B. Lục giác đều

C. Tam giác

D. Tam giác vuông

Câu 7. Số 20 **không phải** là bội của số nguyên nào dưới đây?

A. 5.

B. -10.

C. -20.

D. -40.

Câu 8. Công thức tính diện tích hình thang là:

A. $S = a^2$

B. $S = a^2 \cdot b$

C. $S = (a + b)h$

D.

$$S = \frac{1}{2}(a + b)h$$

Câu 9. Chọn đáp án đúng:

A. $-1 > 0$.

B. $-2 > -1$.

C. $-2 < -1$.

D. $2 < -1$.

Câu 10. Tìm x biết $-3 \cdot x = 18$.

A. - 54.

B. -6.

C. 6.

D. 9.

Câu 11. Kết quả của phép tính $(-65) - (200 - 65)$ bằng

A. - 200.

B. 200 .

C. -65.

D. -230

Câu 12. $(3^2)^6$ có kết quả là:

A. 3^9 B. 3^8 C. 3^{12}

D. Đáp án

khác

II. PHẦN TỰ LUẬN (7 điểm):**Câu 13. (1 điểm)**

- a) Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự tăng dần: 15; -3; -8; 0
- b) Viết tập hợp $U(-12)$.

Câu 14. (1,5 điểm) Thực hiện phép tính:

- a) $-65 + 50$
- b) $19. (-85) + 19. 85$
- c) $(2020 - 2012)^2 + 3^{10} : 3^7 - 2019^0$

Câu 15. (1,5 điểm) Tìm số nguyên x biết:

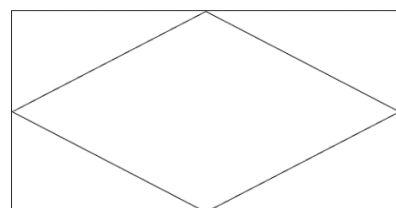
- a) $x - 25 = 15$
- b) $-3.x = (-30):10$
- c) $(x + 3)^2 + 6 = 42$

Câu 16. (1,0 điểm)

Một số sách xếp thành từng bó 12 cuốn, 15 cuốn, 18 cuốn đều vừa đủ bó. Biết số sách trong khoảng từ 200 đến 500. Tính số sách.

Câu 17. (1,5 điểm)

Một mảnh đất trong công viên hình chữ nhật có chiều dài 14m và chiều rộng bằng nửa chiều dài. Người ta dự định làm một giàn hoa bên trong mảnh đất đó có hình thoi như hình dưới đây, phần đất còn lại sẽ trồng hoa hồng. Nếu mỗi mét vuông trồng được 4 cây hoa hồng, hỏi cần bao nhiêu cây hoa hồng để trồng hết phần đất còn lại đó?



- a) Tính chiều rộng của mảnh đất?

- b) Tính diện tích mảnh đất?
c) Tính số cây hoa phải trồng?

Câu 18. (0,5 điểm)

Cho $A = 2022^3$ và $B = 2021.2022.2023$. Không tính giá trị cụ thể của A và B , hãy so sánh A và B ?

----- **HẾT** -----

PHÒNG GD&ĐT THÀNH PHỐ BMT

TRƯỜNG THCS TÂN LỢI.

-----★-----

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA HK I

NĂM HỌC 2023 – 2024

Môn: Toán 6

Thời gian làm bài: 90 phút.

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng ghi 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ/án	B	C	B	B	B	B	D	D	C	B	A	C

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Bài	Lời giải
13a	$-8; -3; 0; 15$
13b	$U(-12) = \{1; -1; 2; -2; 3; -3; 4; -4; 6; -6; 12; -12\}$
14a	$-(65 - 50) = -15$
14b	$19. (-85) + 19. 85 = 19. (-85 + 85) = 19.0 = 0$

14c	$(2020 - 2012)^2 + 3^{10} : 3^7 - 2019^0 = 8^2 + 3^3 - 1 = 64 + 27 - 1 = 90$
15a	$x - 25 = 15 \Rightarrow x = 15 + 25$ $\Rightarrow x = 40$
15b	$-3.x = (-30):10 \quad -3x = -3$ $\Rightarrow x = -3:(-3) \Rightarrow x=1$
15c	$(x + 3)^2 + 6 = 42 \Rightarrow (x + 3)^2 = 6^2 \text{ hoặc } (x + 3)^2 = (-6)^2$ $\Rightarrow x = 3 \text{ hoặc } x = -9$
16	<p>Gọi số sách là x (x...)</p> <p>Theo đề bài ta có $x : 12; x : 15, x : 18$ nên $x = \text{BCNN}(12,15,18)$ và $200 \leq x \leq 500$</p> <p>PT 12,15,18 ra TSNT</p> <p>$\text{BCNN}(12,15,18) = 180 \dots$ Tìm được BC thông qua BCNN</p> <p>$\Rightarrow x = 360$. vậy số sách là 360 cuốn.</p>
17a	Chiều rộng hcn là: $14 : 2 = 7(\text{m})$
17b	Diện tích hcn là: $7 \times 14 = 98 (\text{m}^2)$
17c	$\frac{1}{2} \cdot 7 \cdot 14 = 49 (\text{m}^2)$ <p>Diện tích hình thoi là:</p> <p>Diện tích còn lại là: $98 - 49 = 49 (\text{m}^2)$</p> <p>Số cây hoa cần trồng là: $49 \times 4 = 196 (\text{cây})$</p>
18	<p>Ta có:</p> $A = 2022.2022.2022$ $= 2022.[2022.(2021+1)]$ $= 2022.(2022.2021+2022)$ $B = 2021.2022.2023 = 2022.(2021.2023)$ $= 2022.[2021.(2022+1)] = 2022.(2021.2022+2021)$ <p>Vì $2022.2021+2022 > 2021.2022+2021$</p> <p>nên $2022.(2022.2021+2022) > 2022.(2021.2022+2021)$ hay $A > B$.</p>

UBND THÀNH PHỐ ĐÀ
LẠT
TRƯỜNG THCS LAM SƠN
ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề gồm 02 trang)

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I
Năm học: 2023 – 2024
Môn: Toán 6

Ngày kiểm tra: 04 /01/2024
Thời gian làm bài: 20 phút không kể thời gian phát đề

MÃ ĐỀ A

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (3 điểm)

Em hãy chọn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng và ghi đáp án vào giấy bài làm.

Câu 1. Thứ tự thực hiện các phép tính đối với biểu thức có dấu ngoặc là

A. $() \rightarrow [] \rightarrow \{ \}$

C. $[] \rightarrow () \rightarrow \{ \}$

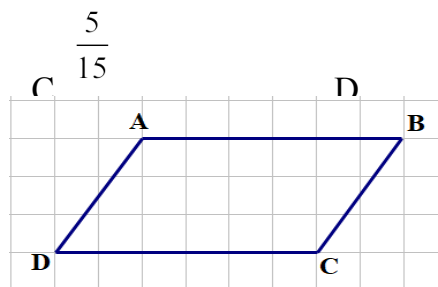
B. $() \rightarrow \{ \} \rightarrow []$

D. $\{ \} \rightarrow [] \rightarrow ()$

Câu 2. Phân số nào sau đây là phân số tối giản?

A. $\frac{6}{24}$
 $\frac{2}{3}$

B. $\frac{8}{12}$



Câu 3. Cho hình bình hành ABCD như hình vẽ bên.

Cạnh nào song song với cạnh AB?

A. BC

B. DC

C. AD

D. AC

Câu 4. Trong các số: 7; -3; 0; 5; -8. Số nguyên âm là:

A. 7; -3; 0.

B. 0; -3; -8.

C. -3; -8.

D. 0; -8.

Câu 5. Bảng thống kê xếp loại hạnh kiểm lớp 6A như sau:

Xếp loại hạnh kiểm	Tốt	Khá	Trung bình
Số học sinh	23	13	9

Em hãy cho biết lớp 6A có tất cả bao nhiêu học sinh?

A. 42

B. 43

C. 44

D. 45

Câu 6. Để điều tra về điện năng tiêu thụ trong một tháng (tính theo kw/h) của một khu chung cư, người ta điều tra 12 hộ gia đình và thu được bảng số liệu sau:

123	88	45	110	56	33
71	101	321	65	532	102

Có bao nhiêu gia đình tiêu thụ điện trên 100 kw/h trong một tháng?

A. 3 hộ

B. 4 hộ

C. 6 hộ

D. 5 hộ

Câu 7. Tập hợp các số nguyên là ước của 7 là:

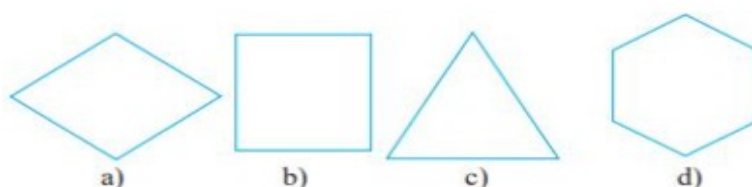
A. {1; 7}.

B. {- 7; -1; 1; 7}.

C. {- 7; -1; 0; 1; 7}

D. {- 1; -7}.

Câu 8. Trong các hình dưới đây, hình lục giác đều là



A. Hình a)
d)

B. Hình b)

C. Hình c)

D. Hình

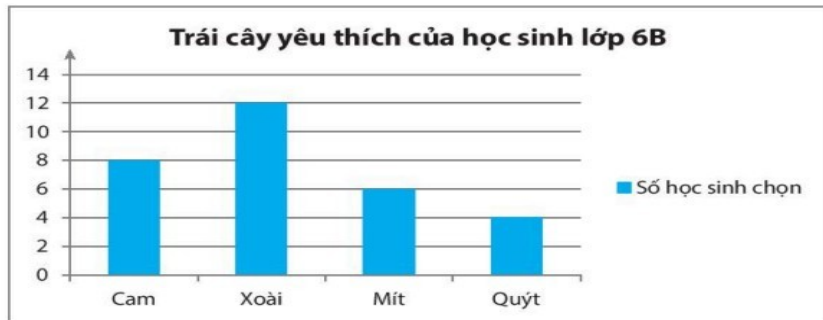
Câu 9. Kết quả học tập cuối HK1 của lớp 6A được thống kê trong bảng sau:

Kết quả học tập	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
Số học sinh	3	22	15	-1

Thông tin không hợp lí trong bảng dữ liệu trên là.

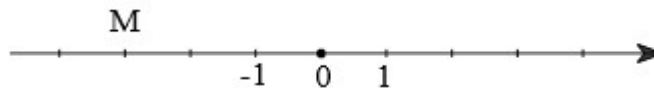
- A. -1. B. 22. C.15. D. 3.

Câu 10. Quan sát biểu đồ cột dưới đây, loại trái cây được học sinh lớp 6B yêu thích nhất là:



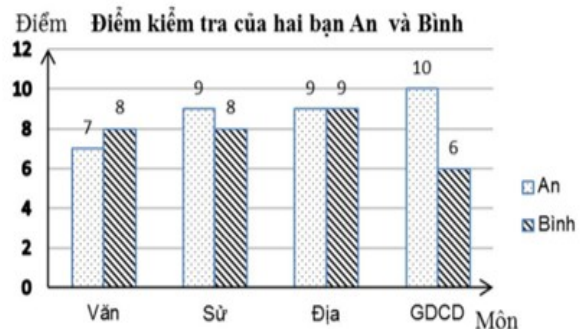
- A. Cam B. Xoài C. Mít D. Quýt

Câu 11. Điểm M trong hình dưới đây biểu diễn số nguyên nào?



- A.4. B.3. C.- 3. D.-4.

Câu 12. Kết quả kiểm tra giữa học kỳ I một số môn học của hai bạn An và Bình được biểu diễn trong biểu đồ cột kép ở hình bên. Điểm kiểm tra cao nhất học kỳ I của bạn An thuộc về môn.



- A. GDCD B. Ngữ văn C. Địa lý D. Lịch sử

UBND THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TRƯỜNG THCS LAM SƠN

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I

Năm học: 2023 – 2024

Môn: Toán 6

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề gồm 02 trang)

Ngày kiểm tra: 04 /01/2024

Thời gian làm bài: 70 phút không kể thời gian phát đề

MÃ ĐỀ A

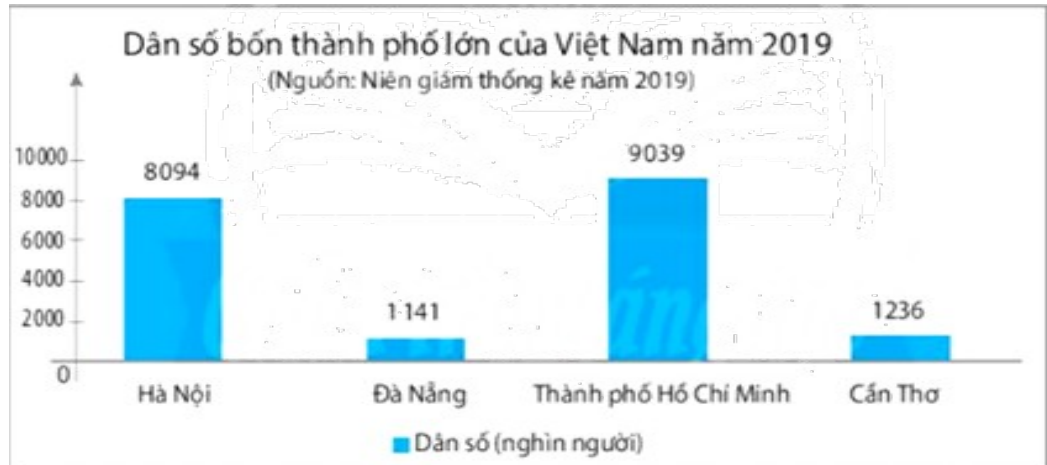
PHẦN TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu 1 (0,5 điểm) Cho các số: -15; -6; 0; -5; 15. Hãy viết tập hợp A các số là bội của 3

Câu 2 (0,5 điểm) Viết các số 9; 24 dưới dạng số La Mã.

Câu 3 (0,5 điểm)

Quan sát biểu đồ cột dưới đây.



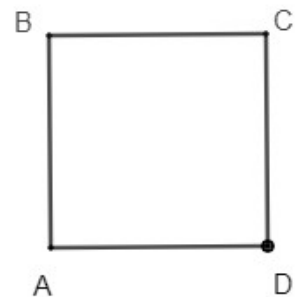
Hãy cho biết thành phố nào có số dân đông nhất?

Câu 4 (1,0 điểm) a) Sắp xếp các số nguyên 0; -3; -8; 5; 8; -105 theo thứ tự tăng dần.

b) Biểu diễn các số -3; 0; 2 trên cùng một trục số.

Câu 5 (0,5 điểm) Cho hình vuông ABCD có AB = 5cm

Tính độ dài cạnh AD.



Câu 6 (1,0 điểm) a) Vẽ hình thoi ABCD có đường chéo AC = 6cm và cạnh AB = 4cm.

b) Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều rộng 17m và chiều dài gấp hai lần chiều rộng. Hãy tính diện tích của mảnh vườn.

Câu 7 (1,25 điểm) a) Tính $(-43) + (-13) \cdot 5$

b) Tính hợp lí: $(-47) \cdot 54 + 47 \cdot (-46) + 4700$

Câu 8 (0,75 điểm) Cho biểu đồ tranh số học sinh đạt điểm 10 trong một tuần của khối lớp 6 trường THCS Lam Sơn.

a)

Thứ	Số học sinh đạt điểm 10
Thứ hai	   
Thứ ba	  
Thứ tư	 
Thứ năm	    
Thứ sáu	   
Thứ bảy	  

( = 10 học sinh)

Ngày thứ hai khối lớp 6 có bao nhiêu học sinh đạt điểm 10?

b) Hãy lập bảng thống kê số học sinh đạt điểm 10 trong một tuần của khối lớp 6 trường THCS Lam Sơn.

Câu 9 (0,5 điểm) Lâm cứ 5 ngày đi bơi một lần, Hoàng cứ 10 ngày đi bơi một lần và Long cứ 8 ngày đi bơi một lần. Hôm nay cả ba bạn cùng đi bơi. Hỏi sau ít nhất bao nhiêu ngày nữa thì cả ba bạn lại cùng đi bơi lần thứ hai?

Câu 10 (0,5 điểm) Một chung cư có 25 tầng và 2 tầng hầm (tầng trệt được đặt là tầng G, các tầng lầu được đánh số từ thấp đến cao là 1; 2; 3; ...; 24, các tầng hầm được đánh số từ cao xuống thấp là B1; B2). Một thang máy của chung cư đang ở tầng 12, sau đó đi lên 7 tầng, và xuống 21 tầng rồi lại lên 2 tầng.

Hỏi cuối cùng thì thang máy dừng lại ở tầng nào?

----- Hết -----

Họ và tên thí sinh..... Số báo
danh.....

Chữ ký giám thị :

UBND THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TRƯỜNG THCS LAM SƠN

ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề gồm 2 trang)

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I
Năm học: 2023 – 2024
Môn: Toán 6

Ngày kiểm tra: 04 /01/2024
Thời gian làm bài: 20 phút không kể thời gian phát đề

MÃ ĐỀ B**PHẦN TRẮC NGHIỆM: (3 điểm)**

Em hãy chọn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng và ghi đáp án vào giấy bài làm.

Câu 1. Thứ tự thực hiện các phép tính đối với biểu thức có dấu ngoặc là

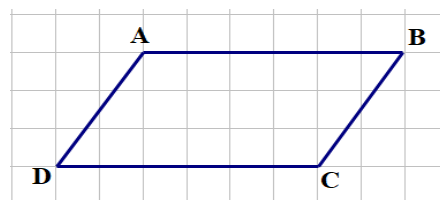
- A. $() \rightarrow \{ \} \rightarrow []$ B. $() \rightarrow [] \rightarrow \{ \}$
 C. $[] \rightarrow () \rightarrow \{ \}$ D. $\{ \} \rightarrow [] \rightarrow ()$

Câu 2. Phân số nào sau đây là phân số tối giản?

- A. $\frac{5}{15}$ B. $\frac{6}{24}$ C. $\frac{3}{5}$ D. $\frac{8}{12}$

Câu 3. Cho hình bình hành ABCD như hình vẽ bên.

Cạnh nào song song với cạnh AD?



- A. BC B. AD C. DC D. AC

Câu 4. Trong các số: -7; 3; 0; -5; 8. Số nguyên âm là:

- A. -3; -7; 0. B. 0; 3; -7. C. 3; 8. D. -5; -7.

Câu 5.: Bảng thống kê xếp loại hạnh kiểm lớp 6A như sau:

Xếp loại hạnh kiểm	Tốt	Khá	Trung bình
Số học sinh	22	15	8

Em hãy cho biết lớp 6A có tất cả bao nhiêu học sinh?

- A. 43 B. 44 C. 45 D. 46

Câu 6. Để điều tra về điện năng tiêu thụ trong một tháng (tính theo kw/h) của một khu chung cư, người ta điều tra 12 hộ gia đình và thu được mẫu số liệu sau:

313	99	123	66	325	33
45	101	71	117	87	102

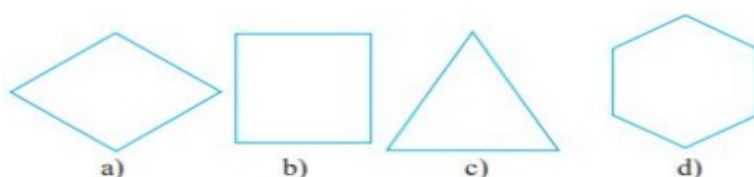
Có bao nhiêu gia đình tiêu thụ điện dưới 100 kw/h trong một tháng?

- A. 6 hộ B. 7 hộ C. 8 hộ D. 9 hộ

Câu 7. Tập hợp các số nguyên là ước của 5 là:

- A. $\{-1; -5\}$. B. $\{-5; -1; 0; 1; 5\}$ C. $\{1; 5\}$. D. $\{-5; -1; 1; 5\}$.

Câu 8: Trong các hình dưới đây, hình vuông là



- A. Hình a) B. Hình b) C. Hình c) D. Hình d)

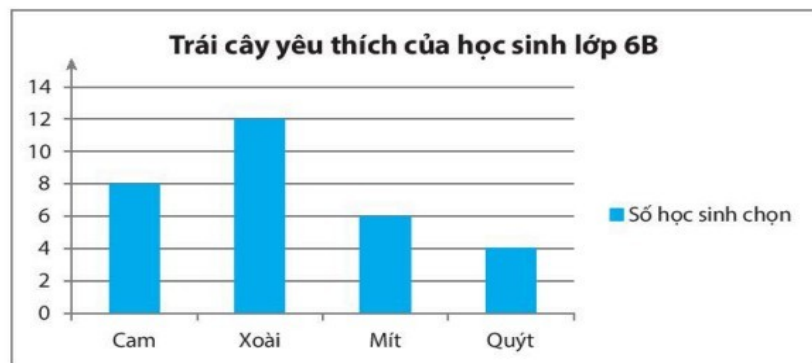
Câu 9. Kết quả học tập cuối HK1 của lớp 6A được thống kê trong bảng sau:

Kết quả học tập	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
Số học sinh	-5	21	16	3

Thông tin nào không hợp lí trong bảng dữ liệu trên.

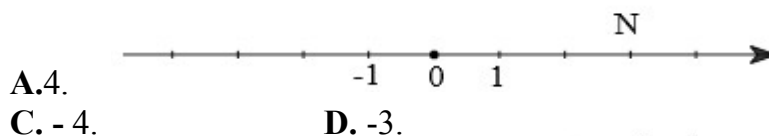
- A. -5. B. 21. C. 16 D. 3.

Câu 10. Quan sát biểu đồ cột dưới đây, loại trái cây được học sinh lớp 6B ít yêu thích nhất là:



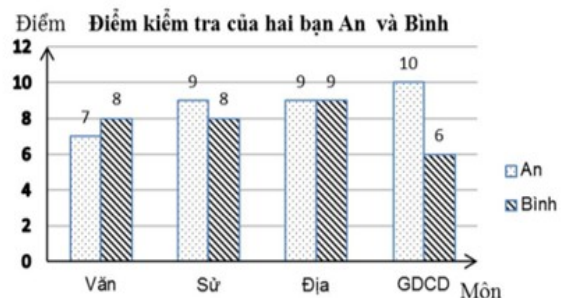
- A. Cam B. Xoài C. Mít D. Quýt

Câu 11. Điểm N trong hình dưới đây biểu diễn số nguyên nào?



- A. 4. B. 3
C. - 4. D. -3.

Câu 12. Kết quả kiểm tra giữa học kỳ I một số môn học của hai bạn An và Bình được biểu diễn trong biểu đồ cột kép ở hình bên. Điểm kiểm tra cao nhất học kỳ I của bạn Bình thuộc về môn.



- A. Ngữ văn B. GDCD C. Địa lý D. Lịch sử

MÃ ĐỀ B

PHẦN TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu 1 (0,5 điểm) Cho các số: -15; -6; 0; -5; 15. Hãy viết tập hợp B các số là bội của 5.

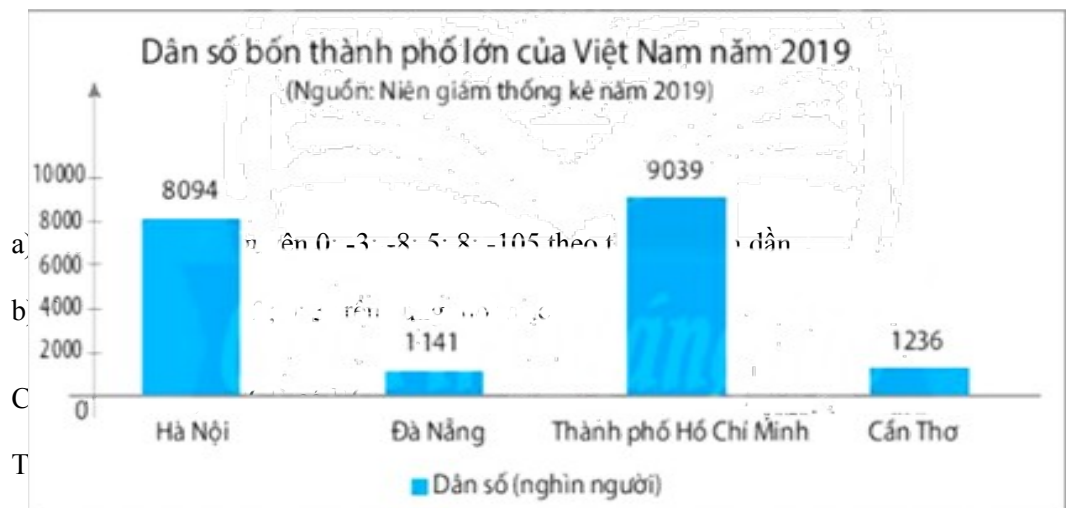
Câu 2 (0,5 điểm) Viết các số 4; 29 dưới dạng số La Mã.

Câu 3 (0,5 điểm) Quan sát biểu đồ cột dưới đây:

Hãy cho biết thành phố nào có số dân ít nhất?

Câu 4 (1,0 điểm)

Câu 5 (0,5 điểm)



A

D

Câu 6 (1,0 điểm)

- a) Vẽ hình thoi CDEF có đường chéo $CE = 5\text{cm}$, cạnh $CD = 3\text{cm}$.
- b) Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều rộng là 16m, chiều dài gấp hai lần chiều rộng. Hãy tính diện tích của mảnh vườn.

Câu 7 (1,25 điểm)

- a) Tính: $(-21) + (-17) \cdot 5$
- d. b) Tính hợp lí: $(-43) \cdot 52 + 43 \cdot (-48) + 4300$

Câu 8 (0,75 điểm)

Cho biểu đồ tranh số học sinh đạt điểm 10 trong một tuần của khối lớp 6 trường THCS Lam Sơn.

a)

Thứ	Số học sinh đạt điểm 10
Thứ hai	   
Thứ ba	 
Thứ tư	    
Thứ năm	   
Thứ sáu	  
Thứ bảy	  

( = 10 học sinh)

Ngày thứ tư khối lớp 6 có bao nhiêu học sinh đạt điểm 10?

b) Hãy lập bảng thống kê số học sinh đạt điểm 10 trong một tuần của khối lớp 6 trường THCS Lam Sơn.

Câu 9 (0,5 điểm)

An cứ 14 ngày đến thư viện một lần, Tuấn cứ 4 ngày đến thư viện một lần và Vũ cứ 7 ngày đến thư viện một lần. Hôm nay cả ba bạn cùng đến thư viện. Hỏi sau ít nhất bao nhiêu ngày nữa thì cả ba bạn lại cùng đến thư viện lần thứ hai?

Câu 10 (0,5 điểm)

Một chung cư có 28 tầng và 3 tầng hầm (tầng trệt được đặt là tầng G, các tầng lầu được đánh số từ thấp đến cao là 1; 2; 3; ...; 27, các tầng hầm được đánh số từ cao xuống thấp là B1; B2, B3). Một thang máy của chung cư đang ở tầng 15, sau đó đi lên 8 tầng, và xuống 23 tầng rồi lại lên 3 tầng.

Hỏi cuối cùng thì thang máy dừng lại ở tầng nào?

----- Hết -----

Họ và tên thí sinh..... Số báo
danh.....

Chữ ký giám thị :

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG HỌC KỲ I MÔN TOÁN LỚP 6. NĂM HỌC 2023 – 2024

I. TRẮC NGHIỆM:

Mỗi câu đúng được 0,25đ.

CÂU	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
ĐỀ A	A	D	B	C	D	C	B	D	A	B	C	A
ĐỀ B	B	C	A	D	A	D	B	B	A	D	B	C

II. TỰ LUẬN:

CÂU	ĐỀ A	ĐỀ B	ĐIỂM														
Câu 1 0.5đ	A={0;-6;-15;15}	B={0;-5;-15;15}	0.5														
Câu 2 0.5đ	IX XXIV	IV XXIX	0.25 0.25														
Câu 3 0.5đ	Thành phố Hồ Chí Minh có số dân đông nhất là 9039 nghìn người.	Thành phố Đà Nẵng có số dân ít nhất là 1141 nghìn người.	0.5														
Câu 4 1.0đ	a)Sắp xếp tăng dần: -105; -8;-3; 0; 5; 8 b) -Vẽ trục số có mũi tên, chia đúng các đơn vị độ dài. - Xác định đúng các giá trị: -3; 0; 2	a)Sắp xếp giảm dần: 5; 0; -3;-8;-105 b) -Vẽ trục số có mũi tên, chia đúng các đơn vị độ dài. - Xác định đúng các giá trị: -2; 0; 3	0.5 0.25 0.25														
Câu 5 0.5đ	-Hình vuông ABCD có 4 cạnh bằng nhau -Nên AD = AB = 5cm	-Hình vuông ABCD có 4 cạnh bằng nhau -Nên CD = BC= 4cm	0.25 0.25														
Câu 6 1.0đ	-Dùng compa, thước thẳng vẽ được hình thoi, đúng kích thước -Đặt đúng tên	-Dùng compa, thước thẳng vẽ được hình thoi, đúng kích thước -Đặt đúng tên	0.25 0.25														
Câu 7 1.25đ	a) $(-43) + (-13) \cdot 5 = (-43) + (-65)$ $= -108$ b) $(-47) \cdot 54+ 47 \cdot (-46) + 4700$ $= -47 \cdot (54 + 46) + 4700$ $= -47 \cdot 100 + 4700 = -4700 + 4700$ $= 0$	a) $(-21) + (-17) \cdot 5 = (-21) + (-85)$ $= -106$ b) $(-43) \cdot 52+ 43 \cdot (-48) + 4300$ $= -43 \cdot (52+ 48) + 4300$ $= -43 \cdot 100 + 4300 = -4300 + 4300$ $= 0$	0.25 0.25 0.25 0.25 0.25														
Câu 8 0.75đ	a) Ngày thứ hai khối 6 có 40 học sinh đạt điểm 10. a) Đặt tên bảng thống kê <table><tr><td>Thứ</td><td>Hai</td><td>Ba</td><td>T</td><td>Năm</td><td>Sáu</td><td>Bảy</td></tr></table>	Thứ	Hai	Ba	T	Năm	Sáu	Bảy	b) Ngày thứ tư khối 6 có 50 học sinh đạt điểm 10. c) Đặt tên bảng thống kê <table><tr><td>Thứ</td><td>Hai</td><td>Ba</td><td>Tur</td><td>Năm</td><td>Sá</td><td>Bảy</td></tr></table>	Thứ	Hai	Ba	Tur	Năm	Sá	Bảy	0.25 0.25
Thứ	Hai	Ba	T	Năm	Sáu	Bảy											
Thứ	Hai	Ba	Tur	Năm	Sá	Bảy											

				ư									u		0.25	
	HS đạt điểm 10	40	30	20	50	40	30		HS đạt điểm 10	40	20	50	40	30	30	
Câu 9 0.5đ	-Số ngày để 3 bạn cùng đi bơi lần thứ hai là BCNN của 5;10;8. -BCNN(5;10;8) = 40							-Số ngày để 3 bạn cùng đến thư viện lần thứ hai là BCNN của 14;4;7. -BCNN(14;4;7) = 28							0.25	
															0.25	
Câu 10 0.5đ	- Thể hiện được tầng hầm là số nguyên âm; tầng trệt (tầng G) là số 0; các tầng lầu là số nguyên dương. - Thể hiện được phép tính: 12 + 7 – 21 + 2 = 0 -Thang máy đang dừng ở tầng trệt (tầng G)							- Thể hiện được tầng hầm là số nguyên âm; tầng trệt (tầng G) là số 0; các tầng lầu là số nguyên dương. - Thể hiện được phép tính: 15 + 8 – 23 + 3 = 0 - Thang máy đang dừng ở tầng trệt (tầng G)							0.25	
															0.25	

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ HK1 – MÔN TOÁN 6

Thời gian làm bài 90 phút

I/ Trắc nghiệm chọn lựa

Câu 1 : Biết $a : 9$; $a : 6$ vậy a là :

A/ UCLN (9;6) B/ BCNN (9;6) C/ BC(6 ;9) D/ ƯC(9;6)

Câu 2: Chọn câu đúng nhất trong các câu sau :

A/ Một số chia hết cho 9 thì chia hết cho 3 B/ Số có tận cùng bằng 0 thì chia hết cho cả 2 và 5 C/ Nếu 8 chia hết cho a (a khác 0) thì a là ước của 8 D/ Tất cả đều đúng

Câu 3 : Chọn câu sai

A/ 18 là bội chung của 6 và 9 B/ 12 không là ước chung của 24 và 60 C/ Số 1 là ước của tất cả các số D/ Số 0 là ước của tất cả các số

Câu 4: Nếu $a : b$ thì :

A/ ƯCLN ($a ; b$) = $\frac{a}{b}$ B/ ƯCLN ($a ; b$) = $\frac{a}{b}$ C/ BCNN ($a ; b$) = $\frac{a}{b}$ D/ Câu B và C đúng

Câu 5 : Bảng dữ liệu ban đầu sau cho biết điểm KTTX môn Toán của tổ 5 như sau

9	4	6	7	6	8
6	5	10	6	8	5

Vậy số học sinh đạt điểm từ điểm trung bình (5 điểm) trở lên là bao nhiêu ? Chọn câu đúng

A/ 9 B/ 10 C/ 11 D/ 12

Câu 6 : Dữ liệu nào trong bảng thống kê sau đây là dữ liệu không hợp lý ?

Số TT	Lớp	Sĩ số	% Số hs Giỏi
1	6A1	36	30%
2	6A2	41	42%
3	6A3	37	79%
4	6A4	98%	52%
5	6A5	43	115%

- A/ 115% B/ 98 C/ 98% D/ 98% ; 115 %
- Câu 7:** Cho hình thoi có diện tích bằng 63 cm^2 và độ dài của một đường chéo là 9 cm .
 Tính độ dài đường chéo còn lại. Kết quả đúng là :
- A. 14 cm B. 17 cm C. 126 cm D. 6 cm
- Câu 8 :** Hình phẳng nào sau đây có 2 đường chéo không bằng nhau .
- A. Hình vuông B. Hình chữ nhật C. Hình bình hành D. Hình thang cân

II/ Tự luận

Bài 1 : (1,5đ) Thực hiện tính (*tính nhanh nếu có thể*)

$$a / 548 - 48 : 16 \qquad b / 12^9 : 12^7 + 36 \cdot [45 - 5(1 + 2^3)] \qquad c / 789.37 + 789.73 - 789.10$$

Bài 2 : (1đ) Tìm x biết :

$$a / x : 9 = -12 \qquad b / 183 - 5 \cdot x = 143$$

Bài 3 : (1đ) Trong buổi tham quan khu Di tích văn hóa lịch sử TP HCM , ban tổ chức dự định chia đều 72 học sinh khối 6 ; 120 học sinh khối 7 và 216 học sinh khối 8 vào các tổ như nhau .

- a/ Có thể chia nhiều nhất được mấy tổ ? b/ Lúc đó mỗi tổ có bao nhiêu học sinh ?

Bài 4 (0,75đ) Tại một trang trại Xanh , lần đầu người ta thu hoạch cùng lúc cả 3 loại rau quả là bắp cải , cà chua và khoai tây . Sau đó cứ 4 ngày thì người ta lại tiếp tục thu hoạch bắp cải , 3 ngày thì thu hoạch cà chua và 7 ngày thì thu hoạch khoai tây .

a/ Hỏi sau bao nhiêu ngày thì người ta lại thu hoạch cùng lúc cả 3 loại rau quả một lần nữa ?

b/ Nếu lần đầu thu hoạch cùng lúc 3 loại rau quả vào cuối tháng 1 thì lần thu hoạch cả 3 loại rau quả tiếp theo là tháng mấy ? (Biết mỗi tháng có 30 ngày)

Bài 5 : (1,5đ) Tìm hiểu các môn thể thao được yêu thích của một nhóm học sinh được ghi lại trong bảng sau :

với : BD : Bóng đá , BR : Bóng rổ , BC : Bóng chuyền , CL : Cầu lông , BL : Bơi lội

BD	BD	BC	CL	BL	BD
BR	BD	BR	BD	BD	CL
BR	CL	BD	CL	CL	BC

a/ Viết tập hợp M các môn thể thao được yêu thích của nhóm học sinh trên ?

b/ Lập bảng thống kê ? Môn thể thao nào được yêu thích nhiều nhất ?

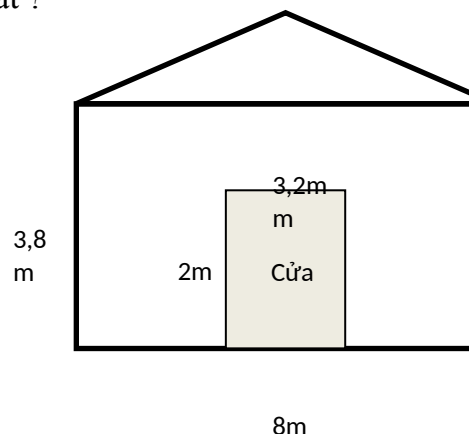
Bài 6 : (1,5đ)Mặt tiền của một ngôi nhà như hình vẽ .

a/ Tính diện tích cửa ra vào ?

b/ Toàn bộ mặt tiền được quét vôi (không tính cửa ra vào)

với tiền công quét vôi là 85000 đ / $1m^2$. tính số tiền để quét

vôi toàn bộ mặt tiền ngôi nhà trên ?



Bài 7 : Nhiệt độ lúc đầu trong một kho lạnh chứa thực phẩm là âm $5^{\circ}C$. Sau đó ng ta giảm đi $3^{\circ}C$ rồi lại giảm tiếp $2^{\circ}C$ và cuối cùng tăng thêm $7^{\circ}C$. Hỏi nhiệt độ sau cùng trong kho là bao nhiêu độ ?

ĐÁP ÁN

I/ TN: $0,25 \times 8 = 2đ$

1	2	3	4	5	6	7	8
C	D	B	D	C	D	A	C

II/ TL: 8đ

Bài	Điểm
1/ a / $548 - 48 : 16 = 548 - 3 = 545$ b / $144 + 36 . [45 - 5 . 9] = 144 + 0 = 114$ c / $789 . (37 + 73 - 10) = 78900$	1/ a/ 0,5 b/ 0,5 c/ 0,5
2/ a / $x : 9 = -12$; $x = 9 . (-12) = -108$ b / $183 - 5 . x = 143$; $5x = 183 - 43$ $x = 40 : 5 = 8$	2/ a/ 0,5 b/ 0,5
3/ Lập luận đúng ƯCNN (72;120;216) = 24 Số tổ nhiều nhất : 24 tổ . Mỗi tổ có 3hs K6 , 5 hs K7 và 9 hs K8 .	3/ 0,25 x 4
4/ Lập luận đúng BCNN = 84 KL đúng Lần tiếp theo vào cuối tháng 4	4/ 0,25 x 3
5/ a/ M = { BĐ ; BR ; BC ; BL ; CL } b/ Bảng thống kê	5/ a/ 0,5 b/ 0,5 x 2

Môn bóng đá	
6/ a/ S (cửa) = $6,4 \text{ m}^2$ b/ S (phần sơn) = $2,8 + 30,4 = 33,2 \text{ m}^2$ Số tiền : 2 278 000 đ .	6/ a/ 0,5 b/ $0,5 \times 2$
7/ Tính : $-5 - 2 - 3 + 7 = -3^\circ\text{C}$ KL	7/ $0,25 \times 3$

ĐỀ DÁNH GIÁ CUỐI HỌC KỲ I

Môn : Toán 6

Thời gian : 90 Phút

Phần 1. Trắc nghiệm khách quan (3 điểm)

Mỗi câu sau đây đều có 4 lựa chọn, trong đó chỉ có một phương án đúng. Hãy khoanh tròn vào phương án mà em cho là đúng.

Câu 1. Số tự nhiên nào sau đây là số tự nhiên?

- A. 3,5. **B. 7.** C. $1\frac{3}{2}$ D. $\frac{3}{2}$.

Câu 2. Kết quả của phép tính $3^5 : 3^2$ bằng:

- A. 3. B. 7. C. 9. **D. 27.**

Câu 3. Số nào sau đây chia hết cho 2?

- A. 75. B. 567 **C. 670.** D.

873.

Câu 4. Số nào sau đây là số nguyên tố?

- A. 9. B. 91. **C. 13.** D. 28.

Câu 5. Bội của 8 là số nào sau đây:

- A. 32** B. 25 C. 4 D. 2

Câu 6. Số liền sau của số -10 là

- A. -9** B. 11 C. 9 D. -11

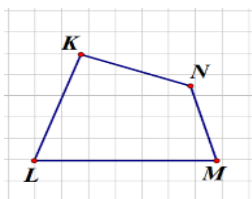
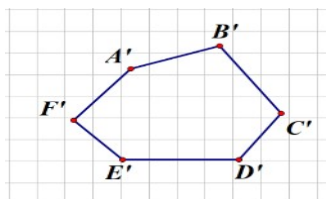
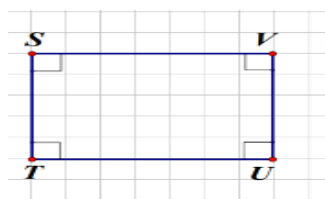
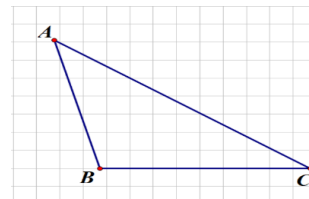
Câu 7. Kết quả của phép tính $25 - (-15)$ là

- A. 10. B. -10. **C. 40.** D. - 40.

Câu 8. Tam giác có độ dài các cạnh đều bằng 5cm là:

- A. tam giác vuông cân B. tam giác vuông. **C. tam giác đều.** D. tam giác cân.

Câu 9. Trong các hình sau, hình nào có trục đối xứng?



(1)

(2)

(3)

(4)

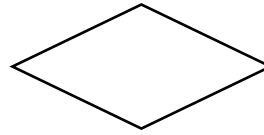
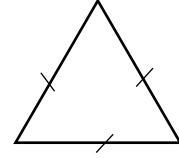
A. (3).

B. (4).

C. (2).

D. (1).

Câu 10. Hình nào dưới đây là hình tam giác đều?



A.

B.

C.

D.

Câu 11. Trong các khẳng định dưới đây, khẳng định nào **không đúng** về hình chữ nhật.

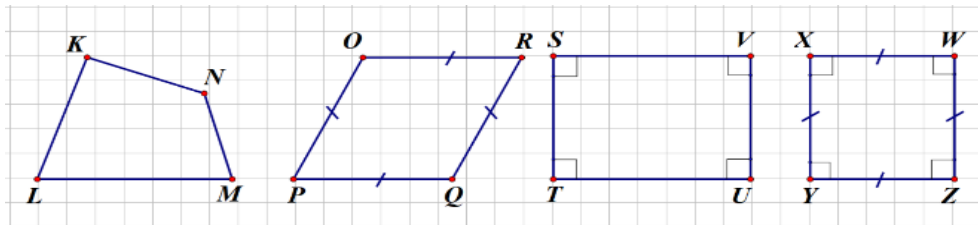
A. Hình chữ nhật là hình có bốn góc bằng nhau.

B. Hình chữ nhật có các cạnh đối bằng nhau.

C. Hình chữ nhật có các cạnh đối song song.

D. Hình chữ nhật có bốn cạnh bằng nhau.

Câu 12. Trong các hình sau, hình nào ***không có*** tâm đối xứng



(1)

(2)

(3)

(4)

A. (1).

B. (4).

C. (3).

D. (2).

Phần 2. Tự luận (7 điểm)

Câu 13. (2 điểm)

b) Viết tập hợp các ước chung của 12 và 8.

c) Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự tăng dần: 26, -99, -12; 0; 5

d) Trong một ngày, nhiệt độ Mát-xcơ-va lúc 5 giờ là -6°C , đến 10 giờ tăng thêm 7°C , và lúc 12 giờ tăng thêm tiếp 3°C . Nhiệt độ Mát-xcơ-va lúc 12 giờ là bao nhiêu?

Câu 14. (1,5 điểm) Thực hiện phép tính: (tính nhanh có thể)

- a) $8^7 \cdot 8^5$
 b) $34.67 + 34.33$
 c) $(-15) - 20.2$

Câu 15. (0,75 điểm) Tìm x biết

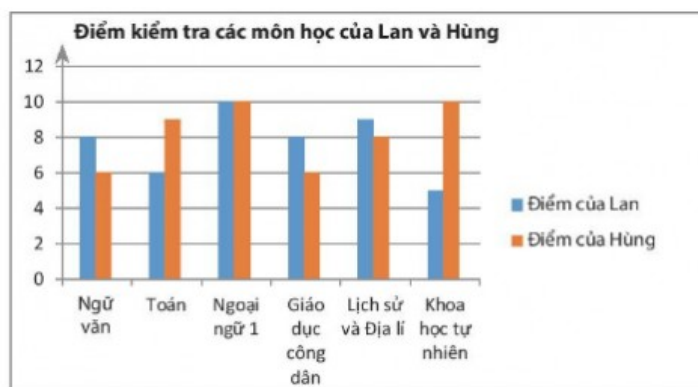
$$7.(x + 6) = 28$$

Câu 16. (1 điểm) Một đội văn nghệ gồm 42 nam và 70 nữ được chia thành nhiều nhóm để tập văn nghệ sao cho số nam và nữ trong mỗi nhóm đều nhau. Hỏi đội văn nghệ đó có thể chia thành nhiều nhất bao nhiêu nhóm.

Câu 17. (0,75 điểm)

- a) Tính diện tích hình chữ nhật có độ dài 2 cạnh là 20cm và 5 cm
 b) Tính diện tích hình thoi có độ dài đường chéo là 5m và 20 dm.

Câu 18: (1,0 điểm) Đọc biểu đồ cột kép biểu diễn điểm kiểm tra các môn học của hai bạn Lan và Hùng sau đây và nêu nhận xét của em.



- a) Môn học nào cả hai bạn Lan và Hùng bằng điểm nhau
 b) Môn học nào Lan thấp điểm nhất và thấp hơn Hùng bao nhiêu điểm

ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

Phần 1. Trắc nghiệm khách quan: (3 điểm)

Mỗi câu TN trả lời đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Phương án đúng	B	D	C	C	A	A	C	C	A	D	D	A

Phần 2. Tự luận: (7 điểm)

Bài	Lời giải	Điểm
13a	$U(12) = \{1;2;3;4;6;12\}$	0,5

(0,5đ)	$U(8) = \{1;2;4;8\}$ $UC(12;8) = \{1;2;4\}$	
b (0,5đ)	-99, -12; 0; 5,26	0,5
c (1,0đ)	Nhiệt độ Mat-xco-va lúc 10 giờ là: $(-6) + 7 = 1 (^{\circ}\text{C})$ Nhiệt độ Mat-xco-va lúc 12 giờ là: $1 + 3 = 4 (^{\circ}\text{C})$	0,5 0,5
14a (0,5đ)	$8^7 \cdot 8^5 = 8^{12}$	0,5
b (0,5đ)	$34.67 + 34.33$ $= 34.(67 + 33) = 34.100$ $= 3400$	0,5
C (0,5đ)	$(-15) - 20.2 = (-15) - 40 = -55$	0,5
15 (0,5đ)	$7.(x + 6) = 28 \Leftrightarrow x + 6 = 4$ $\Leftrightarrow x = 4 - 6 = -2$	0,5
16 (1,0đ)	Gọi số nhóm để tập văn nghệ là a Ta có : $\left. \begin{array}{l} 42 : a \\ 70 : a \end{array} \right\} \Rightarrow a \text{ là } UC(42 ; 70)$ Vì a nhiều nhất $\Rightarrow a \in UCLN(420 ; 700)$ $UCLN(420 ; 700) = 14$ Vậy số nhóm tập văn nghệ là 14 nhóm	0,25 0,25 0,25 0,25
17a (0,5đ)	a) diện tích hình chữ nhật là: $20.5 = 100 \text{ cm}^2$	0,5
b (0,25đ)	b) đổi $20\text{dm} = 2\text{m}$ diện tích hình thoi là: $5.2 = 10 \text{ m}^2$	0,25
18a (0,5đ)	a) Môn học cả hai bạn Lan và Hùng bằng điểm nhau là Ngoại ngữ 1	0,5
b (0,5đ)	b) Môn học Lan thấp điểm nhất là môn KHTN Lan ít hơn Hùng : $10 - 5 = 5\text{đ}$	0,5

---Hết---

UBND QUẬN LÊ CHÂN
TRƯỜNG THCS NGÔ QUYỀN

(Đề gồm 02 trang)

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 1
MÔN: TOÁN 6

Năm học 2023- 2024
Thời gian làm bài: 90 phút

I/ PHẦN TRẮC NGHIỆM: (3 điểm)**Chọn một chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.****Câu 1.** Số tự nhiên liền sau của a (với $a \in \mathbb{N}$) là

- A. $a - 1$ B. $a + 1$ C. $a - 2$ D. $a + 2$

Câu 2. Kết quả của phép tính $3^{15} : 3^5$ là:

- A. 1^3 B. 3^{10} C. 3^{20} D. 3^3

Câu 3. Số nào chia hết cho cả 2; 3; 5; 9 trong các số sau?

- A. 45 B. 78 C. 180 D. 210.

Câu 4. Tập hợp các ước chung của 20 và 32 là

- A. $\{1; 2; 4\}$. B. $\{1; 2; 3; 4\}$. C. $\{0; 1; 2; 3\}$. D. $\{0; 2; 4\}$.

Câu 5: Cho ba số nguyên là $-7; -12; 5$. Sắp xếp theo thứ tự từ nhỏ đến lớn là:

- A. $-7; -12; 5$ B. $5; -12; -7$ C. $-12; -7; 5$ D. $-7; -12; 5$

Câu 6: Kết quả của phép tính $13 - 35$ là:

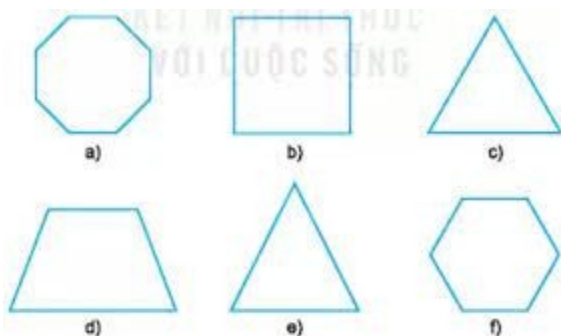
- A. 22 B. -22 C. -48 D. 48

Câu 7: Kết quả của phép tính $28 - (-18)$ là

- A. 10. B. -10. C. 46. D. -46.

Câu 8. Số nguyên x thỏa mãn $(-82).(x + 7) = 0$ là

- A. 82 B. -7 C. 7 D. -82

Câu 9. Cho hình vẽ dưới. Chọn đáp án **sai**

- A. Hình a) là hình lục giác đều
 B. Hình b) là hình vuông
 C. Hình c) là hình tam giác đều
 D. Hình d) là hình thang cân

Câu 10. Hai đường chéo của một hình thoi có độ dài là $6\text{cm}, 8\text{cm}$. Diện tích của hình thoi là

- A. 28 cm^2 . B. 48 cm^2 . C. 96 cm^2 . D. 24 cm^2 .

Câu 11. Trong hình vuông có :

- A. 1 trục đối xứng B. Hai trục đối xứng
 C. Ba trục đối xứng D. Bốn trục đối xứng

Câu 12. Trong những hình sau, hình nào có tâm đối xứng:



Hình 1



Hình 2



Hình 3

A. Hình 1 và 2

B. Hình 2 và 3

C. Hình 1 và 3

D. Cả 3 hình trên

II/ PHẦN TỰ LUẬN : (7 điểm)

Bài 1: (2 điểm) Thực hiện phép tính (Tính hợp lý nếu có thể)

a) $(-214) + 166 + 114$

b) $(-13) + 15 + 23 + (-35)$

c) $(-25) \cdot 151 + (-149) \cdot 25$

d) $12 - [16 + (49 - 51)^2]$

Bài 2: (1,5 điểm)

1. Sắp xếp các số -400; -75; -11; 1; -9 theo thứ tự giảm dần?

2. Tìm x biết:

a. $x - 57 = -28 + (-12)$

b. $70 - 5(x - 3) = 45$

Bài 3: (1 điểm) Số học sinh của một trường khi xếp thành 12 hàng, 18 hàng, 20 hàng đều vừa đủ. Hỏi trường đó có bao nhiêu học sinh? Biết số học sinh trường đó trong khoảng từ 700 đến 800.

Bài 4: (1,5 điểm)

1. Cho hình chữ nhật có chiều rộng bằng 12 cm, chu vi bằng 52 cm. Tính diện tích hình chữ nhật đó.

2. a) Vẽ hình vuông ABCD có cạnh $AB = 4\text{cm}$.

b) Hãy tìm tâm đối xứng và trục đối xứng của hình vuông đó

Bài 5: (1 điểm) Cho $A = 1 + 3 + 3^2 + 3^3 + \dots + 3^{98}$. Chứng minh rằng $A : 13$

-----Hết-----

HƯỚNG DẪN CHẤM. ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán 6

I) Trắc nghiệm (3 điểm): Mỗi câu đúng 0,2 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ. án	B	B	C	A	C	B	C	B	A	D	D	B

II) Tự luận (7 điểm)

Bài	Đáp án	Điểm
Bài 1 (2,0đ)	a) $(-214) + 166 + 114 = [(-214) + 114] + 116$ $= (-100) + 116 = 16$	0,25 0,25
	b) $(-13) + 15 + 23 + (-35) = [(-13) + 23] + [15 + (-35)]$ $= 10 + (-20) = -10$	0,25 0,25
	c) $(-25).151 + (-149).25 = (-25).151 + 149.(-25) = (-25)(151 + 149)$ $= (-25).300 = -7500$	0,25 0,25
	d) $12 - [16 + (49 - 51)^2] = 12 - [16 + (-2)^2]$ $= 12 - [16 + 4] = 12 - 20 = -8$	0,25 0,25
Bài 2 (1,5đ)	1. 1. Sắp xếp các số -400; -75; -11; 1; -9 theo thứ tự giảm dần 1; -9; -11; -75; -400	0,5
	a. $x - 57 = -28 + (-12)$ $x - 57 = -40$ $x = -40 + 57$ $x = 17$ Vậy $x = 17$	0,25 0,25
	b. $70 - 5(x - 3) = 45$ $5(x - 3) = 70 - 45$ $5(x - 3) = 25$ $x - 3 = 25 : 5$ $x - 3 = 5$ $x = 3 + 5$ $x = 8 (\in \mathbb{Z})$ Vậy $x = 8$	0,25 0,25
	Gọi số học sinh của trường cần tìm là x ($x \in \mathbb{N}^*$, $700 \leq x \leq 800$) Theo đề bài ta có: $x : 12$; $x : 18$; $x : 20$ nên $x \in BC(12, 18, 20)$ $BCNN(12, 18, 20) = 180$ $BC(12, 18, 20) = B(180) = \{0; 180; 360; 540; 720; 900; \dots\}$ Vì $700 \leq x \leq 800$ và $x \in BC(12, 18, 20)$ nên $x = 720$ Vậy số học sinh của trường đó là 720 học sinh.	0,25 0,25 0,25 0,25
Bài 4 (1,5đ)	1/ Nửa chu vi hình chữ nhật là $52 : 2 = 26$ (cm) Chiều dài hình chữ nhật là $26 - 12 = 14$ (cm) Diện tích hình chữ nhật là $12.14 = 168$ (cm ²)	0,25 0,25
	HS vẽ đúng hình vuông theo kích thước Xác định được tâm đối xứng và trục đối xứng của hình	0,5 0,5
Bài 5 (1đ)	Cho $A = 1 + 3 + 3^2 + 3^3 + \dots + 3^{98}$. Chứng minh rằng $A : 13$ $A = 1 + 3 + 3^2 + 3^3 + \dots + 3^{98}$ $A = (1 + 3 + 3^2) + (3^3 + 3^4 + 3^5) + \dots + (3^{96} + 3^{97} + 3^{98})$ $A = (1 + 3 + 3^2) + 3^3(1 + 3 + 3^2) + \dots + 3^{96}(1 + 3 + 3^2)$ $A = 13 + 13.3^3 + 13.3^6 + \dots + 13.3^{96}$ $A = 13(1 + 3^3 + 3^6 + 3^9 + \dots + 3^{96})$ Có 13 chia hết cho 13 nên A chia hết cho 13	0,25 0,25 0,25 0,25

